

THÔNG TƯ

Hướng dẫn nội dung và yêu cầu kỹ thuật của cơ sở dữ liệu về quy hoạch và sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Nghị định số 29/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý quy hoạch;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn nội dung và yêu cầu kỹ thuật của cơ sở dữ liệu về quy hoạch và sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn:

a) Nội dung và yêu cầu kỹ thuật của cơ sở dữ liệu về quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Nội dung và yêu cầu kỹ thuật của sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

2. Danh mục đối tượng địa lý và cấu trúc dữ liệu của cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch ngành thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, cung cấp thông tin quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Dữ liệu số của văn bản pháp lý bao gồm tờ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; báo cáo thuyết minh quy hoạch; báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (nếu có); báo cáo thẩm định quy hoạch; báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; tài liệu văn bản khác (nếu có) thể hiện dưới dạng kỹ thuật số được tạo lập và được số hóa từ văn bản giấy trong hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch, hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch.

2. Dữ liệu số của sơ đồ quy hoạch bao gồm các sơ đồ thể hiện dưới dạng kỹ thuật số được thành lập và được số hóa từ các sơ đồ trong hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch, hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch.

3. Siêu dữ liệu của cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch là siêu dữ liệu địa lý mô tả nguồn gốc, thời gian, định dạng, đơn vị quản lý và các thuộc tính kỹ thuật khác của dữ liệu có trong cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch.

Chương II

NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ QUY HOẠCH

Điều 4. Định dạng dữ liệu số của văn bản pháp lý

1. Tập văn bản được tạo lập để ký, đóng dấu theo một trong những định dạng sau: (.doc), (.docx), (.odt), (.xls), (.xlsx), định dạng khác theo quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Văn bản pháp lý được số hóa từ tài liệu dạng giấy: định dạng PDF/A hai lớp (.pdf) phiên bản 1.4 trở lên, ảnh màu (nếu có), độ phân giải tối thiểu: 200 dpi, tỷ lệ số hóa: 100%.

Điều 5. Định dạng dữ liệu số của sơ đồ trong hồ sơ quy hoạch

1. Sơ đồ quy hoạch dạng số được thành lập để ký và đóng dấu theo một trong những định dạng sau: (.dwg), (.dxf), (.dgn), (.gdb), (.mdb), (.tab), (.mid), (.shp), định dạng địa lý khác theo quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Sơ đồ quy hoạch được số hóa từ sơ đồ quy hoạch dạng giấy trong hồ sơ quy hoạch: định dạng GeoTIFF hoặc GeoPDF, độ phân giải tối thiểu từ 200 dpi trở lên, tỷ lệ quét 1:1.

Điều 6. Tổ chức dữ liệu của cơ sở dữ liệu về quy hoạch

Tổ chức dữ liệu của cơ sở dữ liệu về quy hoạch được quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Yêu cầu của cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch

1. Cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch được đóng gói theo một trong những định dạng sau: (.gdb), (.gml), (.gpkg), định dạng địa lý khác theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch phải thực hiện việc gán mã nhận dạng là dãy mã số duy nhất xác định cho từng đối tượng địa lý theo quy tắc quy định tại Mục 2 Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

3. Quy cách đặt tên gói dữ liệu, chủ đề dữ liệu, lớp dữ liệu và trường thông tin của cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch theo quy định tại Mục 1 Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

4. Nội dung các đối tượng địa lý trong cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất với nội dung các đối tượng địa lý thể hiện trên sơ đồ quy hoạch.

Điều 8. Hệ quy chiếu tọa độ, hệ quy chiếu thời gian, siêu dữ liệu của cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch

1. Hệ quy chiếu tọa độ, hệ quy chiếu thời gian thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn thông tin địa lý cơ sở.

2. Siêu dữ liệu của cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch được xây dựng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về cơ sở dữ liệu địa lý và quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ.

Trường siêu dữ liệu tối thiểu bắt buộc bao gồm: cơ quan chủ quản; cơ quan xây dựng cơ sở dữ liệu; nguồn gốc dữ liệu; ngày cập nhật; định dạng dữ liệu; hệ quy chiếu; phạm vi; tên cơ sở dữ liệu; phiên bản.

Điều 9. Danh mục đối tượng địa lý và cấu trúc dữ liệu của cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh

1. Danh mục đối tượng địa lý và cấu trúc dữ liệu của cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quy định tại Mục 3 Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

2. Trong quá trình lập quy hoạch, Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được bổ sung các đối tượng địa lý mới hoặc bổ sung kiểu dữ liệu, thuộc tính, quan hệ, miền giá trị cho các đối tượng địa lý đã có trong danh mục đối tượng địa lý quy định tại Mục 3 Phụ lục IV kèm theo Thông tư này để thể hiện nội dung quy hoạch, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan.

Điều 10. Tổ chức dữ liệu của cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh

Cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được tổ chức theo 12 chủ đề dữ liệu như sau:

1. Tài chính (Kinh tế - xã hội, đầu tư).
2. Xây dựng (Xây dựng; Giao thông vận tải).
3. Công Thương (Công nghiệp và Thương mại).
4. Nông nghiệp và Môi trường (Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường).
5. Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Văn hóa, thể thao và du lịch).
6. Khoa học và Công nghệ (Thông tin và truyền thông; Khoa học và công nghệ).
7. Y tế (Y tế; Bảo trợ xã hội; bà mẹ và trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội).
8. Giáo dục và Đào tạo (Giáo dục và đào tạo; Giáo dục nghề nghiệp).
9. Nội vụ (Lĩnh vực việc làm; lĩnh vực người có công).
10. Quốc phòng.
11. An ninh.
12. Ngoại giao.

Chương III

NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA SƠ ĐỒ QUY HOẠCH

Điều 11. Nội dung chủ yếu thể hiện trên sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh

1. Nội dung chủ yếu của sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Trong quá trình lập quy hoạch, Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được bổ sung nội dung của sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh ngoài các nội dung được quy định tại Phụ lục I của Thông tư này để thể hiện nội dung quy hoạch; chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính đầy đủ của nội dung thể hiện trên sơ đồ quy hoạch thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật; phù hợp với báo cáo thuyết minh quy hoạch, văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch và các căn cứ pháp lý để xác định vị trí, phạm vi, hướng tuyến của đối tượng địa lý theo quy định của pháp luật.

2. Các đối tượng địa lý quy hoạch về định hướng phát triển không gian biển quốc gia đã được thể hiện trên sơ đồ quy hoạch tổng thể quốc gia phải được thể hiện theo hướng cụ thể hóa trên sơ đồ quy hoạch không gian biển quốc gia.

3. Các đối tượng địa lý quy hoạch về định hướng sử dụng đất quốc gia đã được thể hiện trên sơ đồ quy hoạch tổng thể quốc gia phải được thể hiện theo hướng cụ thể hóa trên sơ đồ quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

4. Các đối tượng địa lý quy hoạch về định hướng phát triển ngành đã được thể hiện trên sơ đồ quy hoạch tổng thể quốc gia phải được thể hiện theo hướng cụ thể hóa trên sơ đồ quy hoạch ngành.

5. Các đối tượng địa lý quy hoạch đã được thể hiện trên sơ đồ quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành trên địa bàn vùng phải được thể hiện theo hướng cụ thể hóa trên sơ đồ quy hoạch vùng.

6. Các đối tượng địa lý quy hoạch đã được thể hiện trên sơ đồ quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh phải được thể hiện theo hướng cụ thể hóa trên sơ đồ quy hoạch tỉnh.

Điều 12. Yêu cầu kỹ thuật của sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh

1. Vị trí, phạm vi, hướng tuyến của các đối tượng địa lý được thể hiện trên

sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phải bảo đảm phù hợp với các căn cứ pháp lý để xác định vị trí, phạm vi, hướng tuyến của đối tượng địa lý theo quy định của pháp luật và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Trường hợp chưa đủ căn cứ pháp lý để xác định vị trí, phạm vi, hướng tuyến của đối tượng địa lý quy hoạch thì thể hiện ký hiệu về vị trí, hướng tuyến dự kiến của đối tượng địa lý trên sơ đồ quy hoạch.

2. Các sơ đồ về hiện trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, dân cư, hệ thống kết cấu hạ tầng thể hiện các đối tượng địa lý ở tỷ lệ quy định và phải bảo đảm tính chính xác theo quy định của bản đồ cùng tỷ lệ.

3. Các sơ đồ quy hoạch thể hiện các đối tượng địa lý quy hoạch ở tỷ lệ quy định và phải bảo đảm mối quan hệ về không gian giữa các đối tượng địa lý quy hoạch.

4. Việc xác định mức độ ưu tiên các đối tượng địa lý thể hiện trên sơ đồ quy hoạch bảo đảm nguyên tắc sau:

a) Các đối tượng địa lý về nội dung chủ yếu của quy hoạch được ưu tiên thể hiện trên sơ đồ quy hoạch;

b) Thứ tự ưu tiên thể hiện các đối tượng địa lý: các đối tượng địa lý dạng điểm, các đối tượng địa lý dạng tuyến, các đối tượng địa lý dạng vùng;

c) Ký hiệu trên sơ đồ của đối tượng địa lý có mức độ ưu tiên thấp hơn được dịch chuyển sang vị trí bên cạnh ký hiệu của đối tượng địa lý có mức độ ưu tiên cao hơn và phải bảo đảm không làm thay đổi mối quan hệ về vị trí, phạm vi, hướng tuyến giữa các đối tượng địa lý.

5. Thể thức trình bày và hệ thống ký hiệu sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Trong quá trình lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch được bổ sung các ký hiệu, chú giải thuyết minh ngoài các nội dung được quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này để thể hiện nội dung quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 03 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

2. Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh (Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT) hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

3. Quy định về yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 theo quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT có hiệu lực đến khi điều chỉnh quy hoạch được quyết định nhưng không quá ngày 30 tháng 6 năm 2026.

4. Quy định về yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ điều chỉnh phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 theo quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT và quy định của pháp luật về đất đai thực hiện cho đến hết thời hạn hiệu lực của quy hoạch.

5. Quy định về yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030 tại số thứ tự 3, 4, 5, 12, 14, 16, 19, 20, 22, 29 và 30 Phụ lục I Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được áp dụng tên quy hoạch tương ứng tại số thứ tự 3, 4, 5, 11, 12, 13, 15, 14 và 24 Mục I Phụ lục Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT, trừ trường hợp quy định tại Điều 14 Thông tư này.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 và điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01 tháng 3 năm 2026 thì không phải xây dựng lại cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ theo quy định tại Thông tư này.

2. Cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 và điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030 đã trình phê duyệt trước ngày 01 tháng 3 năm 2026 nhưng chưa được phê duyệt thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2026.

Điều 15. Trách nhiệm thực hiện

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, cung cấp thông tin quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Vụ Quản lý quy hoạch thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

3. Các bộ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định tại Thông tư này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật;
- Cổng pháp luật quốc gia;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ QLQH (40b) *XHL*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Quốc Phương

Phụ lục I
NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA SƠ ĐỒ QUY HOẠCH
(Kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BTC ngày 17 tháng 03 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA SƠ ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ giữa Việt Nam với khu vực và thế giới, thể hiện các nội dung chủ yếu sau: Vị trí địa lý và mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và thế giới. Các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Các sơ đồ về hiện trạng, bao gồm: Hiện trạng điều kiện tự nhiên; hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội; hiện trạng tổ chức không gian phát triển; hiện trạng phát triển không gian biển; hiện trạng sử dụng đất quốc gia; hiện trạng phát triển vùng và liên kết vùng; hiện trạng phát triển hệ thống đô thị; hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng cấp quốc gia; hiện trạng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên; hiện trạng bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học; hiện trạng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng, thể hiện các nội dung chủ yếu sau: Phân vùng phát triển kinh tế - xã hội; sự phân bố không gian của kết quả đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

4. Về sơ đồ định hướng tổ chức không gian phát triển, thể hiện các nội dung chủ yếu sau: Phân vùng phát triển kinh tế - xã hội; sự phân bố không gian các vùng động lực, cực tăng trưởng quốc gia; các hành lang kinh tế; khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, hạn chế phát triển; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

5. Về sơ đồ định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng quốc gia, thể hiện các nội dung chủ yếu sau: Định hướng phân bố không gian các ngành, lĩnh vực quan trọng quốc gia; định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu. Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

6. Về sơ đồ định hướng sử dụng đất quốc gia, thể hiện định hướng phân bố không gian đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đến

từng vùng; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

7. Về sơ đồ định hướng phát triển vùng và liên kết vùng, thể hiện định hướng phát triển cho từng vùng; định hướng liên kết hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

8. Về sơ đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị quốc gia, bao gồm: Định hướng phân bố các vùng đô thị lớn; định hướng phát triển mạng lưới đô thị gồm đô thị đặc biệt, đô thị loại I. Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

9. Về sơ đồ định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, thể hiện định hướng phân bố không gian phát triển hạ tầng kỹ thuật có tầm quan trọng cấp quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng, bao gồm hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông; mạng lưới nguồn, lưới điện, hạ tầng năng lượng; hạ tầng viễn thông; hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt; hệ thống công trình thủy lợi và phòng, chống thiên tai; hệ thống đê điều; hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

10. Về sơ đồ định hướng phát triển hạ tầng xã hội có tầm quan trọng cấp quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng, thể hiện định hướng phân bố không gian phát triển hạ tầng xã hội có tầm quan trọng cấp quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng, bao gồm mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập; mạng lưới cơ sở y tế công lập; mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập; mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập; hệ thống du lịch quốc gia; hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; hệ thống kho dự trữ quốc gia; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

11. Về sơ đồ định hướng bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, thể hiện sự phân bố không gian về: định hướng bảo vệ môi trường quốc gia; định hướng cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; định hướng phát triển các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia; định hướng các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các hành lang đa dạng sinh học liên vùng; các nội dung thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

12. Về sơ đồ định hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên quốc gia, thể hiện định hướng phân bố không gian về khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên địa chất, khoáng sản, tài nguyên thủy sản; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

13. Về sơ đồ định hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, thể hiện định hướng phân bố không gian về: phân vùng rủi ro thiên tai; các khu vực dễ bị tổn thương do thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng; hạ tầng phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; các nội dung thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA SƠ ĐỒ QUY HOẠCH KHÔNG GIAN BIỂN QUỐC GIA

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ giữa không gian biển Việt Nam với khu vực và thế giới, bao gồm vị trí địa lý và mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và thế giới; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Các sơ đồ về hiện trạng, bao gồm: Hiện trạng điều kiện tự nhiên, hiện trạng sử dụng không gian, tài nguyên biển và hải đảo trong phạm vi không gian biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam. Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phân vùng sử dụng vùng đất ven biển, hải đảo, vùng biển trong phạm vi không gian biển, thể hiện các nội dung chủ yếu sau: sự phân bố không gian vùng cấm khai thác, vùng khai thác có điều kiện, vùng cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái trong vùng đất ven biển, đặc khu, vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; xác định vùng khuyến khích phát triển trong vùng đất ven biển, đặc khu, vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; phân vùng sử dụng vùng đất ven biển, vùng biển, các đặc khu; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA SƠ ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC GIA

1. Về sơ đồ hiện trạng sử dụng đất quốc gia, thể hiện sự phân bố không gian các chỉ tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp; trong đó xác định diện tích một số loại đất gồm đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ định hướng sử dụng đất quốc gia, thể hiện định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ quy hoạch sử dụng đất quốc gia, thể hiện định hướng phân bố không gian các chỉ tiêu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp; trong đó xác định diện tích một số loại đất gồm đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

4. Về sơ đồ quy hoạch sử dụng đất quốc gia theo vùng, thể hiện định hướng phân bố không gian các chỉ tiêu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp; trong đó xác định diện tích một số loại đất gồm đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA SƠ ĐỒ QUY HOẠCH NGÀNH

IV.1. Quy hoạch mạng lưới đường bộ

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về mạng lưới đường bộ giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về mạng lưới đường bộ gồm đường cao tốc và đường quốc lộ giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng kết cấu hạ tầng quốc gia mạng lưới đường bộ thể hiện đường cao tốc và đường quốc lộ; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển hệ thống mạng lưới đường bộ, thể hiện các nội dung về định hướng phân bố không gian phát triển mạng lưới đường cao tốc và đường quốc lộ; định hướng về quy mô chiều dài dự kiến và việc kết nối của mạng lưới đường bộ trên phạm vi cả nước và của từng vùng; định hướng phân bố không gian phát triển mạng lưới đường bộ; định hướng kết nối với các phương thức vận tải của mạng lưới đường bộ trong nước và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.2. Quy hoạch mạng lưới đường sắt

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về mạng lưới đường sắt giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về mạng lưới đường sắt giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng kết cấu mạng lưới đường sắt quốc gia, thể hiện sự phân bố không gian của mạng lưới đường sắt quốc gia; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt, thể hiện các nội dung định hướng phân bố không gian phát triển mạng lưới đường sắt; định hướng về quy mô chiều dài dự kiến và việc kết nối của mạng lưới đường sắt trên phạm vi cả nước và của từng vùng; định hướng kết nối với các phương thức vận tải của mạng lưới đường sắt trong nước và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.3. Quy hoạch tổng thể kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về kết cấu hạ tầng hàng hải giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về hệ thống cảng biển giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển mạng lưới cảng biển, thể hiện hiện trạng phân bố không gian phát triển của hệ thống cảng biển có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh; sự liên kết giữa hệ thống cảng biển với kết cấu hạ tầng của ngành, lĩnh vực khác trong phạm vi cả nước và từng vùng; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển hệ thống cảng biển, thể hiện các nội dung định hướng phân bố không gian phát triển và giao thông kết nối các nhóm cảng biển có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh trên phạm vi vùng và cả nước; phân nhóm và phân loại nhóm cảng biển; quy mô phát triển các nhóm cảng biển; định hướng cải tạo, nâng cấp luồng hàng hải trên phạm vi vùng và cả nước; định hướng về đề xuất phương án nâng cấp, di dời, chuyển đổi công năng; hướng phát triển công nghiệp tàu thủy và phá dỡ tàu cũ; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.4. Quy hoạch hệ thống cảng hàng không toàn quốc (không bao gồm cảng hàng không chuyên dùng)

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về hệ thống cảng hàng không toàn quốc giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về hệ thống cảng hàng không giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển mạng lưới cảng hàng không toàn quốc, thể hiện hiện trạng phân bố và sử dụng không gian phát triển của hệ thống cảng hàng không; sự liên kết giữa hệ thống cảng hàng không với kết cấu hạ tầng của ngành, lĩnh vực khác trong phạm vi cả nước và từng vùng; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển hệ thống cảng hàng không, thể hiện các nội dung định hướng phân bố không gian phát triển của hệ thống cảng hàng không toàn quốc; tính chất, vai trò của các cảng hàng không; công suất cảng hàng không, cấp sân bay; định hướng kết nối giữa các phương thức vận tải; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.5. Quy hoạch tổng thể kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về hệ thống kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, thể hiện hiện trạng phân bố không gian phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh; quy mô, mạng lưới luồng, tuyến của hệ thống kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; loại hình, vai trò, vị trí, quy mô kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, thể hiện định hướng phân bố không gian phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh; dự kiến quy mô, mạng lưới luồng, tuyến của hệ thống kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; loại hình, vai trò, vị trí dự kiến, quy mô, định hướng khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; định hướng kết nối giữa các phương thức vận tải, giữa kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong nước và quốc tế; định hướng kết nối kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.6. Quy hoạch tổng thể về năng lượng

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về hạ tầng năng lượng giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về hạ tầng năng lượng bao gồm: điện lực, than, dầu khí, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và các dạng năng lượng khác; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển hạ tầng năng lượng, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng năng lượng quốc gia bao gồm: điện lực, than, dầu khí, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và các dạng năng lượng khác; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển hạ tầng năng lượng, thể hiện định hướng phân bố không gian phát triển về quy mô công trình, địa điểm hoặc hướng, tuyến dự kiến bố trí công trình của hệ thống kết cấu hạ tầng năng lượng quan trọng quốc gia trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ, bao gồm: điện lực, than, dầu khí, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và các dạng năng lượng khác; định hướng kết nối các nguồn năng lượng với lưới điện trên cơ sở năng lực của cơ sở hạ tầng truyền tải và nhu cầu cân bằng cung cầu; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.7. Quy hoạch phát triển điện lực

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về kết cấu hạ tầng điện lực giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về kết cấu hạ tầng điện lực giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển hạ tầng điện lực, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của kết cấu hạ tầng điện lực; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển hạ tầng điện lực quốc gia, thể hiện định hướng sử dụng không gian phát triển của kết cấu hạ tầng điện lực bao gồm: định hướng phát triển nguồn điện; định hướng phát triển lưới điện; định hướng liên kết lưới điện khu vực; định hướng phát triển điện nông thôn; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.8. Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ, thể hiện định hướng phân bố, sử dụng không gian phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia đảm bảo liên kết ngành và liên kết vùng; định hướng quy mô công trình của hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.9. Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về hạ tầng thông tin và truyền thông giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về hạ tầng thông tin và truyền thông giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng thông tin và truyền thông có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh bao gồm cơ sở hạ tầng viễn thông, thị trường viễn thông, công nghệ và dịch vụ viễn thông, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, mạng bưu chính công cộng, công nghiệp công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, thể hiện định hướng phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng thông tin và truyền thông có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh bao gồm: định hướng phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, thị trường viễn thông, công nghệ và dịch vụ viễn thông; phương án cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; phương án mạng bưu chính công cộng; phương án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin;...; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.10. Quy hoạch hệ thống du lịch

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về hệ thống du lịch giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về hạ tầng du lịch giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển hạ tầng du lịch, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống du lịch quốc gia, kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch quốc gia; thị trường du lịch và các sản phẩm du lịch chủ yếu; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển hạ tầng du lịch, thể hiện định hướng phân bố, sử dụng không gian của hệ thống du lịch quốc gia, kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch quốc gia; các nội dung khác liên quan; định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển phát triển hệ thống du lịch (nếu có); các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.11. Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hoá và thể thao công lập

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về mạng lưới cơ sở văn hoá và thể thao công lập giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về mạng lưới cơ sở văn hoá và thể thao công lập giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển mạng lưới cơ sở văn hoá và thể thao công lập, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của mạng lưới cơ sở văn hoá và thể thao công lập có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh trong phạm vi cả nước; quy mô phát triển của các cơ sở trong mạng lưới; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển mạng lưới cơ sở văn hoá và thể thao công lập, thể hiện định hướng phân bố, sử dụng không gian của phát triển mạng lưới cơ sở văn hoá và thể thao công lập có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.12. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng công lập có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh trong phạm vi cả nước; quy mô phát triển của các cơ sở trong mạng lưới; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập, thể hiện định hướng phân bố, sử dụng không gian phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng công lập theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.13. Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối

quan hệ về mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian của mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh, trong phạm vi cả nước; quy mô của các cơ sở trong mạng lưới; sự liên kết giữa mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác trong phạm vi vùng lãnh thổ; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập, thể hiện định hướng phân bố, sử dụng không gian của phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập quốc gia theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh; dự kiến số lượng, quy mô phát triển của các cơ sở trong mạng lưới; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.14. Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh, trong phạm vi cả nước về quy mô, mạng lưới luồng, tuyến; sự liên kết giữa hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển giữa hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, thể hiện định hướng phân bố và tổ chức không gian phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá về quy mô, mạng lưới luồng, tuyến; phương án kết nối giữa hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.15. Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế công lập

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về mạng lưới cơ sở y tế công lập

giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về mạng lưới cơ sở y tế công lập giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển mạng lưới cơ sở y tế công lập, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian mạng lưới cơ sở y tế công lập có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh, trong phạm vi cả nước về số lượng, quy mô phát triển của các cơ sở trong mạng lưới; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển mạng lưới cơ sở y tế công lập, thể hiện định hướng phân bố không gian các cơ sở y tế công lập theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh; định hướng phát triển mạng lưới cơ sở y tế công lập về dự kiến số lượng, quy mô phát triển của các cơ sở trong mạng lưới; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.16. Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về hệ thống kho dự trữ quốc gia giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về hệ thống kho dự trữ quốc gia giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển hệ thống kho dự trữ quốc gia, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian hệ thống kho dự trữ quốc gia trong phạm vi cả nước; về số lượng, quy mô phát triển; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển hệ thống kho dự trữ quốc gia, thể hiện định hướng phân bố không gian hệ thống kho dự trữ quốc gia theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh; định hướng phát triển hệ thống kho dự trữ quốc gia về dự kiến số lượng các điểm kho, quy mô công suất các điểm kho; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.17. Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược

1. Về sơ đồ hiện trạng phát triển hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược trong phạm vi cả nước; về số lượng, quy mô phát triển; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ định hướng phát triển hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, thể hiện định hướng phát triển hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược và định hướng phân bố không gian các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.18. Quy hoạch công nghiệp quốc phòng

1. Về sơ đồ hiện trạng phát triển hệ thống công nghiệp quốc phòng, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian hiện trạng phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng trong phạm vi cả nước; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ định hướng phát triển hệ thống công nghiệp quốc phòng, thể hiện định hướng phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng và định hướng phân bố không gian các cơ sở công nghiệp quốc phòng theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.19. Quy hoạch công nghiệp an ninh

1. Về sơ đồ hiện trạng phát triển hệ thống công nghiệp an ninh, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian hiện trạng phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh trong phạm vi cả nước; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ định hướng phát triển hệ thống công nghiệp an ninh, thể hiện định hướng phát triển hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh và định hướng phân bố không gian các cơ sở công nghiệp an ninh theo vùng và theo đơn vị hành chính cấp tỉnh; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.20. Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

1. Về sơ đồ hiện trạng phát triển hệ thống phòng cháy và chữa cháy, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian hiện trạng phát triển hệ thống phòng cháy và chữa cháy có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh trong phạm vi cả nước, bao gồm mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy; hệ thống cung cấp nước phục vụ phòng cháy và chữa cháy; hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy và chữa cháy; hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng cháy và chữa cháy; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ định hướng phát triển hệ thống phòng cháy và chữa cháy, thể hiện định hướng phân bố không gian của hệ thống phòng cháy và chữa cháy có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh trong phạm vi cả nước, bao gồm: phân vùng hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; định hướng phân

bố không gian mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy; định hướng phát triển hệ thống cung cấp nước phục vụ phòng cháy và chữa cháy; định hướng phát triển hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy và chữa cháy; định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng cháy và chữa cháy; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.21. Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn

1. Về sơ đồ vị trí địa lý và mối quan hệ về hệ thống đô thị và nông thôn giữa Việt Nam với khu vực và quốc tế, thể hiện vị trí địa lý và mối quan hệ về hệ thống đô thị và nông thôn giữa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và quốc tế; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, thể hiện các nội dung chính sau: hiện trạng phát triển vùng đô thị lớn; phân bố mạng lưới đô thị, phân loại đô thị (đô thị đặc biệt; đô thị loại I; đô thị loại II); mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật có tính liên vùng, có vai trò quan trọng đối với phát triển hệ thống đô thị, bao gồm giao thông, cung cấp năng lượng, nguồn nước, quản lý chất thải, nghĩa trang; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, thể hiện các nội dung chính sau: định hướng phân bố không gian vùng đô thị lớn, định hướng hạ tầng kết nối các đô thị trong vùng đô thị lớn; phân bố mạng lưới đô thị, phân loại đô thị (đô thị đặc biệt, đô thị loại I, đô thị loại II); định hướng mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật có tính liên vùng có vai trò quan trọng đối với phát triển hệ thống đô thị, bao gồm giao thông, cung cấp năng lượng, nguồn nước, quản lý chất thải, nghĩa trang; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.22. Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh

1. Về sơ đồ hiện trạng phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh có tầm quan trọng của quốc gia, mang tính liên vùng và liên tỉnh trong phạm vi cả nước; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ định hướng phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh, thể hiện định hướng phân bố không gian của hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh theo vùng; định hướng về cơ cấu và quy mô đào tạo của hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh trong thời kỳ quy hoạch;

các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.23. Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ

1. Về sơ đồ tổng hợp điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hiện trạng tài nguyên và môi trường vùng bờ, thể hiện sự phân bố không gian về hiện trạng điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hiện trạng tài nguyên và môi trường vùng bờ; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ hiện trạng và nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, thể hiện hiện trạng phân bố, sử dụng không gian khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ phân vùng chức năng vùng bờ, thể hiện sự phân bố không gian của vùng có các hệ sinh thái quan trọng, có tính đa dạng sinh học cần được bảo vệ, bảo tồn; vùng giàu tiềm năng, lợi thế cho khai thác phát triển các ngành kinh tế biển: du lịch, công nghiệp, thủy sản, giao thông vận tải, cảng và dịch vụ cảng, năng lượng, các hoạt động khác; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

4. Về sơ đồ các khu vực chông lấn, mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ, thể hiện sự phân bố không gian của các khu vực chông lấn, mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

5. Về sơ đồ quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, thể hiện sự phân bố không gian các vùng cấm khai thác, vùng khai thác có điều kiện, vùng cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái trong phạm vi vùng bờ; các vùng khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên trong phạm vi vùng bờ; phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.24. Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản

1. Về sơ đồ địa chất, khoáng sản, các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.25. Quy hoạch khoáng sản nhóm I, quy hoạch khoáng sản nhóm II

1. Về sơ đồ quy hoạch khoáng sản nhóm I, thể hiện sự phân bố không gian các khu vực quy hoạch hoạt động khoáng sản nhóm I, bao gồm: Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; xác định khu vực quy hoạch hoạt động khoáng sản theo nguyên tắc: khu vực thăm dò khoáng sản khi đã có đề án điều tra, đánh giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc công nhận; khu vực khai thác khoáng sản khi đã có đề án thăm dò khoáng sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc công nhận; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ quy hoạch khoáng sản nhóm II, thể hiện sự phân bố không gian các khu vực quy hoạch hoạt động khoáng sản nhóm II, bao gồm: Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; xác định khu vực quy hoạch hoạt động khoáng sản theo nguyên tắc: khu vực thăm dò khoáng sản khi đã có đề án điều tra, đánh giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc công nhận; khu vực khai thác khoáng sản khi đã có đề án thăm dò khoáng sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc công nhận; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.26. Quy hoạch lâm nghiệp

1. Về sơ đồ hiện trạng rừng và sử dụng đất lâm nghiệp, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Sự phân bố không gian hiện trạng rừng; sự phân bố phân bố không gian đất lâm nghiệp của các loại rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất. Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất, thể hiện định hướng quy hoạch các loại rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng sử dụng đất cho phát triển lâm nghiệp, thể hiện định hướng phân bố không gian đất lâm nghiệp của các loại rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.27. Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản

1. Về sơ đồ hiện trạng quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, thể hiện trữ lượng, phân bố và khả năng khai thác nguồn lợi thủy sản;

hiện trạng các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các loài thủy sản đã được lưu trữ giống, gen và đã sản xuất được giống thương phẩm; hiện trạng sản xuất, khai thác thủy sản; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ phân vùng khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, thể hiện định hướng phân bố sử dụng không gian của khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn biển; khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học, loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu, đường di cư tự nhiên của các loài thủy sản; phân vùng khai thác thủy sản; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ khoanh định khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn biển; khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm, loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học, loài thủy sản bản địa, loài thủy sản đặc hữu; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.28. Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng

1. Về sơ đồ hiện trạng sử dụng đất quốc phòng, các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ định hướng sử dụng đất quốc phòng đã được xác định trong quy hoạch tổng thể quốc gia; xác định chi tiêu sử dụng đất quốc phòng trong kỳ quy hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp tỉnh; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ khu vực đất quốc phòng giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội, thể hiện vị trí, diện tích đất quốc phòng giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

4. Về sơ đồ hiện trạng sử dụng đất quốc phòng của các khu vực trọng điểm, các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

5. Về sơ đồ định hướng sử dụng đất quốc phòng của các khu vực trọng điểm, các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.29. Quy hoạch sử dụng đất an ninh

1. Về sơ đồ hiện trạng sử dụng đất an ninh, các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ định hướng sử dụng đất an ninh đã được xác định trong quy hoạch tổng thể quốc gia; xác định chỉ tiêu sử dụng đất an ninh trong kỳ quy hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp tỉnh; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ khu vực đất an ninh giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội, thể hiện vị trí, diện tích đất an ninh giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

4. Về sơ đồ hiện trạng sử dụng đất an ninh của các khu vực trọng điểm, các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

5. Về sơ đồ định hướng sử dụng đất an ninh của các khu vực trọng điểm, các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.30. Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

1. Các sơ đồ về hiện trạng, bao gồm: Hiện trạng phân vùng môi trường; hiện trạng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hiện trạng các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; hiện trạng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia, cấp vùng và cấp tỉnh. Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ định hướng phân vùng môi trường, thể hiện định hướng phân bố không gian vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thể hiện định hướng phân bố không gian về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

4. Về sơ đồ định hướng mạng lưới các khu xử lý chất thải tập trung, thể hiện định hướng phân bố không gian, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

5. Về sơ đồ định hướng quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường, thể hiện định hướng phân bố về không gian, thông số, tần suất quan trắc của mạng lưới trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.31. Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia

1. Các sơ đồ về hiện trạng, bao gồm: Hiện trạng cảnh quan sinh thái quan trọng; hiện trạng các khu vực đa dạng sinh học cao; hiện trạng hành lang đa dạng sinh học; hiện trạng khu bảo tồn thiên nhiên; hiện trạng cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; hiện trạng các vùng đất ngập nước quan trọng. Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ định hướng quy hoạch các khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, thể hiện định hướng phân bố không gian, dự kiến tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích của các khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng quy hoạch các khu vực đa dạng sinh học cao, thể hiện định hướng phân bố không gian, dự kiến tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích của các khu vực đa dạng sinh học cao; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

4. Về sơ đồ định hướng quy hoạch các hành lang đa dạng sinh học, thể hiện định hướng phân bố không gian, dự kiến tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích của các hành lang đa dạng sinh học; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

5. Về sơ đồ định hướng quy hoạch các khu bảo tồn thiên nhiên, thể hiện định hướng phân bố không gian, dự kiến tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích của các khu bảo tồn thiên nhiên; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

6. Về sơ đồ định hướng quy hoạch các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, thể hiện định hướng phân bố không gian, dự kiến tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích của các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

7. Về sơ đồ định hướng quy hoạch các vùng đất ngập nước quan trọng, thể hiện định hướng phân bố không gian, dự kiến tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích của các vùng đất ngập nước quan trọng; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.32. Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn

1. Về sơ đồ hiện trạng mạng lưới trạm khí tượng thủy văn, thể hiện phân bố không gian phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn; các nội dung được

thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ định hướng phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn, thể hiện định hướng phân bố không gian phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn; vị trí, nội dung quan trắc của từng loại trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn trên phạm vi cả nước và các vùng; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

IV.33. Quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai

1. Về sơ đồ hiện trạng tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai, thể hiện hiện trạng phân bố không gian khai thác, sử dụng tài nguyên nước; hiện trạng thủy lợi và phòng, chống thiên tai trên địa bàn cả nước; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

2. Về sơ đồ định hướng điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

3. Về sơ đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai, thể hiện định hướng phân bố không gian phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai trên phạm vi cả nước và các vùng; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

4. Về sơ đồ định hướng bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

5. Về sơ đồ định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi quốc gia; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch.

V. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA SƠ ĐỒ QUY HOẠCH VÙNG

1. Về sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của vùng, bao gồm vị trí địa lý và mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường của các vùng lân cận, của quốc gia, khu vực và quốc tế tác động đến vùng lập quy hoạch; các nội dung được thể hiện trên sơ đồ ở tỷ lệ theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Các sơ đồ hiện trạng phát triển vùng, bao gồm:

a) Hiện trạng phát triển kinh tế, xã hội;

b) Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị; các khu chức năng (khu kinh tế; khu công nghiệp; khu chế xuất; khu du lịch; khu công nghệ cao; khu nông nghiệp

ứng dụng công nghệ cao; khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu công nghệ số tập trung (khu công nghệ thông tin tập trung); khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu văn hóa; khu phức hợp y tế; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích; khu chức năng khác theo quy định pháp luật; vùng sản xuất tập trung;

c) Hiện trạng kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, liên tỉnh;

d) Hiện trạng khai thác tài nguyên nước, bảo vệ môi trường (phân vùng môi trường, hệ thống khu xử lý chất thải, mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường, khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh);

đ) Hiện trạng sử dụng đất của vùng trên cơ sở tổng hợp, khái quát nội dung bản đồ hiện trạng sử dụng đất của các đơn vị hành chính cấp tỉnh;

e) Hiện trạng hệ thống đê điều, kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

g) Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của vùng). Tùy vào điều kiện riêng biệt của từng vùng có thể lập các sơ đồ riêng cho các đối tượng của ngành hoặc loại tài nguyên để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên sơ đồ.

3. Về sơ đồ phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn trên địa bàn vùng, thể hiện sự phân bố không gian của các nội dung chủ yếu sau:

a) Phương hướng phát triển hệ thống đô thị đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia;

b) Dự kiến hệ thống đô thị loại II có vai trò, vị trí, chức năng là trung tâm hoặc trung tâm chuyên ngành của tỉnh, thành phố, vùng liên tỉnh;

c) Phương hướng phát triển chính cho từng đô thị loại II, bảo đảm kết nối với hệ thống đô thị đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia;

d) Phương hướng phát triển khu vực nông thôn bao gồm: Phương hướng phân bố, tổ chức dân cư nông thôn; phân vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

đ) Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của vùng).

4. Về sơ đồ phương hướng tổ chức không gian và phân vùng chức năng, thể hiện phương hướng phân bố không gian của các nội dung sau:

a) Định hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của vùng, bao gồm: xác định khu vực động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế của vùng; khu vực lãnh thổ cần bảo tồn; khu vực hạn chế phát triển;

b) Phương hướng tổ chức liên kết không gian phát triển của vùng;

c) Phương hướng phát triển các khu chức năng, bao gồm: hệ thống khu kinh tế đến từng tỉnh; khu công nghiệp; khu chế xuất; khu du lịch; khu công nghệ cao; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu công nghệ số tập trung; khu nghiên cứu, đào tạo; khu phức hợp y tế; khu thể dục thể thao, khu văn hóa có tính chất liên tỉnh và các khu chức năng khác theo quy định của pháp luật; vùng sản xuất nông nghiệp tập trung;

d) Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của vùng).

5. Về sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, thể hiện phương hướng phân bố không gian của kết cấu hạ tầng kỹ thuật trên lãnh thổ vùng đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia; phương hướng phân bố không gian của phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật kết nối liên tỉnh, bao gồm: đường nối liền các trung tâm hành chính cấp tỉnh, đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng; cảng biển phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng; đường sắt liên tỉnh; tuyến đường thủy nội địa liên tỉnh; hạ tầng viễn thông có phạm vi liên tỉnh; công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước có phạm vi liên tỉnh và các hạ tầng kỹ thuật kết nối liên tỉnh khác; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của vùng). Tùy vào điều kiện riêng biệt của từng vùng có thể lập các sơ đồ riêng cho các đối tượng của ngành để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên sơ đồ.

6. Về sơ đồ phương hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, thể hiện phương hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất liên tỉnh; phương hướng phân vùng chức năng của nguồn nước; định hướng ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; các nội dung khác có liên quan; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của vùng). Tùy vào điều kiện riêng biệt của từng vùng có thể lập các sơ đồ riêng cho các đối tượng của ngành hoặc loại tài nguyên để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên sơ đồ.

8. Về sơ đồ phương hướng bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, thể hiện phương hướng bảo vệ môi trường của vùng, lưu vực sông liên tỉnh, khu vực ven biển liên tỉnh; phương hướng phát triển khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng; phương hướng xác lập khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cơ sở bảo tồn đa

dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên, các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của vùng). Tùy vào điều kiện riêng biệt của từng vùng có thể lập các sơ đồ riêng cho các đối tượng của ngành hoặc loại tài nguyên để bảo đảm thể hiện được nội dung quy hoạch trên sơ đồ.

9. Về sơ đồ phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của vùng). Tùy vào điều kiện riêng biệt của từng vùng có thể lập các sơ đồ riêng cho các đối tượng của ngành hoặc loại tài nguyên để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên sơ đồ.

VI. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA SƠ ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH

1. Về sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh, bao gồm vị trí địa lý, mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường với các tỉnh lân cận, với vùng thể hiện trên nền sơ đồ tổ chức không gian và phân vùng chức năng của quy hoạch vùng; với quốc gia thể hiện trên nền sơ đồ định hướng tổ chức không gian phát triển của quy hoạch tổng thể quốc gia; với quốc tế thể hiện trên nền bản đồ thích hợp.

2. Các sơ đồ về hiện trạng phát triển, thể hiện các nội dung chủ yếu sau:

- a) Hiện trạng phát triển kinh tế, xã hội;
- b) Hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn;
- c) Hiện trạng sử dụng đất;
- d) Hiện trạng kết cấu hạ tầng xã hội;
- đ) Hiện trạng kết cấu hạ tầng kỹ thuật;
- e) Hiện trạng không gian ngầm (nếu có);

g) Hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học;

h) Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của tỉnh). Tùy vào điều kiện riêng biệt của từng tỉnh có thể lập các sơ đồ riêng cho các đối tượng của ngành hoặc loại tài nguyên để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên sơ đồ.

3. Về đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng, các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của tỉnh).

4. Về sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn, thể hiện các nội dung chủ yếu sau:

a) Phương hướng phát triển đô thị đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; phương hướng phát triển hệ thống đô thị loại III của tỉnh, thành phố;

b) Phương hướng phát triển khu vực nông thôn bao gồm: phương hướng phân bố, tổ chức điểm dân cư nông thôn; vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

c) Đối với thành phố, nội dung chủ yếu của sơ đồ phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn bao gồm các quy định tại điểm a, b khoản này và phương hướng phạm vi không gian phát triển đô thị đối với các đô thị thuộc thành phố;

d) Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của tỉnh).

5. Về sơ đồ phương hướng tổ chức không gian và phân vùng chức năng, thể hiện các nội dung sau:

a) Xác định phân vùng kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh, thành phố; các khu vực động lực ưu tiên phát triển; các hành lang kinh tế của tỉnh trên cơ sở kết nối hành lang kinh tế quốc gia, hành lang kinh tế vùng;

b) Dự kiến quy mô, địa điểm và phương hướng phát triển các khu chức năng, bao gồm: khu kinh tế; khu công nghiệp; khu chế xuất; khu du lịch; khu công nghệ cao; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu công nghệ số tập trung; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu văn hóa; khu phức hợp y tế và các khu chức năng khác theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh đã được xác định tại quy hoạch vùng;

c) Dự kiến quy mô, địa điểm và phương hướng phát triển cụm công nghiệp, vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh;

d) Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của tỉnh).

6. Về sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, thể hiện các nội dung chủ yếu sau:

a) Kết cấu hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao và hạ tầng du lịch thể hiện sự phân bố không gian của: hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; cơ sở văn hóa (trung tâm văn hóa; cung thiếu nhi hoặc nhà thiếu nhi hoặc trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi; cung văn hóa lao động, nhà văn hóa lao động; bảo tàng, triển

lâm, thư viện; nhà hát...); cơ sở thể dục, thể thao (khu liên hợp thể thao, trung tâm thể thao, sân vận động, cơ sở tập luyện, huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao khác...); hạ tầng du lịch cấp tỉnh, liên xã;

b) Kết cấu hạ tầng thương mại, bao gồm: trung tâm thương mại, chợ hạng I; trung tâm logistics cấp quốc gia, cấp tỉnh, liên xã;

c) Kết cấu hạ tầng giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: cơ sở giáo dục đại học (đại học, trường đại học, học viện), cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng) được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; cơ sở giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt cấp tỉnh, liên xã trở lên (trường trung học phổ thông; trường liên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, trường liên cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học; trường chuyên, trường năng khiếu; trường dành cho người tàn tật, khuyết tật; trường giáo dưỡng);

d) Kết cấu hạ tầng y tế: cơ sở y tế được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý từ cấp tỉnh, liên xã trở lên (cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; cơ sở y tế dự phòng, y tế công cộng; cơ sở giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần, cơ sở y tế khác);

đ) Kết cấu hạ tầng bảo trợ xã hội công lập bao gồm: cơ sở an sinh xã hội, trợ giúp xã hội được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia; cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, liên xã (cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật, cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí, cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp);

e) Kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, thể hiện cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ; hệ thống chuẩn đo lường, phòng thí nghiệm trọng điểm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hạ tầng thông tin, thông kê khoa học và công nghệ;

g) Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của tỉnh). Tùy vào điều kiện riêng biệt của từng tỉnh có thể lập các sơ đồ riêng cho các đối tượng của ngành để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên sơ đồ.

7. Về sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, thể hiện các nội dung chủ yếu sau:

a) Phương hướng phát triển mạng lưới giao thông, bao gồm: phương hướng phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc, đường quốc lộ, đường sắt, các tuyến đường thủy nội địa và đường hàng hải, các cảng biển, cảng hàng không, sân bay trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy

hoạch vùng; phương án phát triển mạng lưới đường tỉnh, đường liên xã; phương án phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển (nếu có), chi tiết đến bến cảng, cầu cảng, bến phao thuộc nhóm cảng biển, vùng đất, vùng nước; phương án phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (nếu có), chi tiết đến bến hàng hóa, bến hành khách, bến tổng hợp, bến khách ngang sông, bến chuyên dùng; vùng đất và vùng nước trước bến;

b) Phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện, hạ tầng năng lượng bao gồm: định hướng phát triển nguồn điện, lưới điện, hạ tầng năng lượng trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia; phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện từ cấp điện áp 110kV trở lên, phát triển nguồn điện nguồn điện vừa và nhỏ, hạ tầng năng lượng của tỉnh;

c) Phương hướng phát triển hạ tầng viễn thông, bao gồm: các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; phương án phát triển công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; phương án phát triển công trình viễn thông thụ động của tỉnh;

d) Phương hướng phát triển hệ thống thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước bao gồm công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; hệ thống thủy lợi và hệ thống cấp nước, thoát nước cấp tỉnh, liên xã; các đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ nước, phát triển nguồn nước có quy mô vừa và nhỏ;

đ) Phương hướng phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang, bao gồm: các khu xử lý chất thải, chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia; các khu xử lý chất thải, khu nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng phạm vi liên xã;

e) Phương hướng phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy, bao gồm: hạ tầng phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia; phương hướng phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh; phương hướng phát triển hệ thống cung cấp nước phục vụ phòng cháy và chữa cháy; hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy và chữa cháy; hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh;

g) Phương hướng phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (nếu có), bao gồm: hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá của tỉnh;

h) Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của tỉnh). Tùy vào điều kiện riêng biệt của từng tỉnh có thể lập các sơ đồ

riêng cho các đối tượng của ngành để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên sơ đồ.

8. Về sơ đồ định hướng sử dụng đất:

a) Khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp; trong đó xác định diện tích một số loại đất gồm đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh. Thể hiện theo ký hiệu quy định tại Phụ lục II Thông tư này;

b) Đối với chỉ tiêu sử dụng đất khác, việc khoanh vùng theo các chỉ tiêu sử dụng đất thể hiện định hướng phát triển và dự kiến sắp xếp không gian; chưa xác định vị trí và ranh giới chính xác và sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chi tiết ngành, hoặc trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư;

c) Việc khoanh vùng theo các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện như sau:

- Khoanh vùng dự kiến theo các chỉ tiêu sử dụng đất được khái quát hóa, làm tròn, bảo đảm diện tích tối thiểu mỗi khoanh vùng là 50 ha đối với các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch. Khoanh vùng dự kiến theo các chỉ tiêu sử dụng đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu thì được ghép vào khoanh vùng lớn hơn liền kề;

- Đối với các khu vực quan trọng của tỉnh có căn cứ pháp lý để xác định phạm vi ranh giới và các đảo có diện tích nhỏ hơn quy định trên đây thì thể hiện khoanh vùng kèm theo ghi chú tên khu vực, đảo mà không thực hiện khái quát hóa;

d) Ký hiệu loại đất của khoanh vùng dự kiến chỉ tiêu sử dụng đất bao gồm mã và màu loại đất tuân thủ quy định tại Phụ lục II Thông tư này. Đối với khoanh vùng của khu vực tổng hợp có nhiều loại đất thì mã loại đất có diện tích lớn nhất đứng trước, mã loại đất khác đứng tiếp sau trong ngoặc đơn; màu ký hiệu của khoanh vùng đất là màu của loại đất có diện tích lớn nhất;

đ) Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của tỉnh).

9. Về sơ đồ định hướng phát triển không gian ngầm (nếu có), thể hiện các nội dung chủ yếu sau: Dự kiến khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng không gian ngầm; khu vực hạn chế khai thác, sử dụng không gian ngầm; khu vực cấm xây dựng công trình ngầm; các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của tỉnh). Tùy vào điều kiện riêng biệt của từng tỉnh có thể lập các sơ đồ riêng cho các đối tượng của ngành để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên sơ đồ.

10. Về sơ đồ phương hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, thể

hiện nội dung chủ yếu sau:

a) Phương hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên rừng, bao gồm: Phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đã được xác định trong quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, quy hoạch vùng; các định hướng phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh;

b) Phương hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bao gồm: Định hướng sử dụng tài nguyên đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản đối với loại khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Phương hướng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra: Phân vùng chức năng của nguồn nước mặt nội tỉnh; phương hướng ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; phương hướng nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt, công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước; định hướng phát triển hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước, hệ thống giám sát chất lượng nước, giám sát xả nước thải vào nguồn nước;

d) Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của tỉnh). Tùy vào điều kiện riêng biệt của từng tỉnh có thể lập các sơ đồ riêng cho các đối tượng của ngành hoặc loại tài nguyên để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên sơ đồ.

11. Về sơ đồ phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, thể hiện các nội dung chủ yếu sau:

a) Phương hướng về phân vùng môi trường đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia trên địa bàn tỉnh, thành phố;

b) Xác định khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh;

c) Phương hướng phát triển hệ thống điểm quan trắc môi trường đã được xác định trong quy hoạch bảo vệ môi trường;

d) Phương hướng bảo vệ môi trường khu vực khai thác khoáng sản;

e) Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của tỉnh). Tùy vào điều kiện riêng biệt của từng tỉnh có thể lập các sơ đồ riêng cho các đối tượng của ngành hoặc loại tài nguyên để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên sơ đồ.

12. Về sơ đồ phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu, thể hiện các nội dung chủ yếu sau:

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai điển hình trên địa bàn phù hợp với kịch bản biến đổi khí hậu;

b) Xây dựng phương hướng phát triển hệ thống đê điều, bao gồm: Xác định tuyến đê; dự kiến vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng trên tuyến đê;

c) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai khác trên địa bàn;

d) Các nội dung được thể hiện trên nền bản đồ địa hình quốc gia ở tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thành lập sơ đồ quy hoạch (tùy theo hình dạng và diện tích của tỉnh). Tùy vào điều kiện riêng biệt của từng tỉnh có thể lập các sơ đồ riêng cho các đối tượng của ngành hoặc loại tài nguyên để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên sơ đồ.

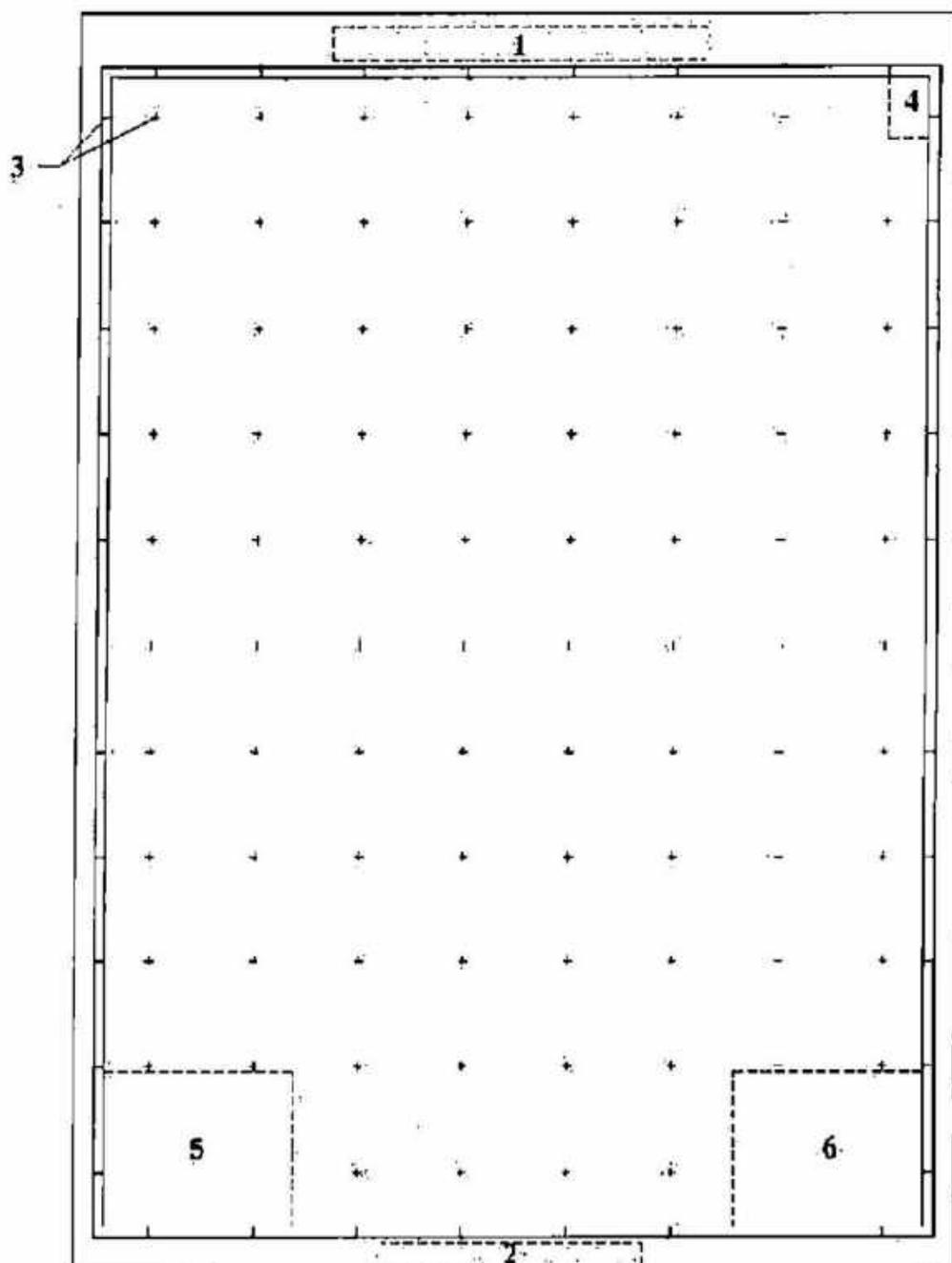
Phụ lục II
THẺ THỨC VÀ HỆ THỐNG KÝ HIỆU CỦA SƠ ĐỒ
QUY HOẠCH

*(Kèm theo Thông tư số 22 /2026/TT-BTC ngày 17 tháng 03 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

I. THẺ THỨC

1. Thẻ thức chung

Thẻ thức sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh bao gồm 06 thành phần nội dung được bố trí như sau:



STT	Thể thức
A. Các thành phần bên ngoài khung	
1	Tên sơ đồ quy hoạch đặt cân giữa tờ sơ đồ
2	Tỷ lệ sơ đồ kèm theo thước tỷ lệ tương ứng đặt cân giữa tờ sơ đồ
B. Khung và các thành phần bên trong khung	
3	Khung, lưới tọa độ và tọa độ địa lý: - Khung có thể bố trí theo chiều dọc hoặc theo chiều ngang của tờ giấy. - Lưới tọa độ và tọa độ địa lý tương ứng với bản đồ địa hình quốc gia cùng tỷ lệ. Lưới tọa độ và tọa độ địa lý không thể hiện trong các sơ đồ về vị trí và các mối quan hệ.
4	Chi hướng Bắc: đặt ở góc trên bên phải hoặc góc trên bên trái, tùy vào hình dạng đặc thù của phạm vi ranh giới lập quy hoạch để bảo đảm thể hiện nội dung sơ đồ quy hoạch.
5	Chú giải và ký hiệu của sơ đồ quy hoạch: Tùy vào hình dạng đặc thù của phạm vi ranh giới lập quy hoạch, nội dung này có thể đặt vị trí khác nằm ngoài phạm vi ranh giới lập quy hoạch để bảo đảm thể hiện nội dung sơ đồ quy hoạch.
6	Phần ký xác nhận của cơ quan, tổ chức có liên quan đặt ở góc dưới bên phải. Tùy vào hình dạng đặc thù của phạm vi ranh giới lập quy hoạch, nội dung này có thể đặt ở góc dưới bên trái để bảo đảm thể hiện nội dung sơ đồ quy hoạch.

2. Thể thức phần ký xác nhận

Thể thức phần ký xác nhận của sơ đồ quy hoạch kèm theo hồ sơ trình thẩm định quy hoạch, hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch quy định như sau:

a) Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia

Tên quy hoạch:	QUY HOẠCH
Tên sơ đồ:	SƠ ĐỒ..... TỶ LỆ:..... <i>(Kèm theo Văn bản/Tờ trình số ...</i> <i>ngày... tháng... năm... của...)</i>
	TÊN CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH <i>Hà Nội, ngày... tháng... năm...</i> (Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của cơ quan, tổ chức)
Hệ tọa độ: VN-2000	Nguồn tài liệu:....

b) Đối với quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia

Tên quy hoạch:	QUY HOẠCH
Tên sơ đồ:	SƠ ĐỒ..... TỶ LỆ:.....
	<i>(Kèm theo Văn bản/Tờ trình số ... ngày... tháng... năm... của...)</i>
	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
	<i>Hà Nội, ngày... tháng... năm...</i>
	<i>(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)</i>
Hệ tọa độ: VN-2000	
Nguồn tài liệu:....	

c) Đối với quy hoạch ngành thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ

Tên quy hoạch:	QUY HOẠCH
Tên sơ đồ:	SƠ ĐỒ..... TỶ LỆ:..... <i>(Kèm theo Văn bản/Tờ trình số ...</i> <i>ngày... tháng... năm... của...)</i>
TÊN CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH	
<i>Hà Nội, ngày... tháng... năm...</i>	
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của cơ quan tổ chức lập quy hoạch)	
Hệ tọa độ: VN-2000	
Nguồn tài liệu:....	

d) Đối với quy hoạch ngành thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng

Tên quy hoạch:	QUY HOẠCH
Tên sơ đồ:	SƠ ĐỒ..... TỶ LỆ:..... <i>(Kèm theo Văn bản/Tờ trình số ...</i> <i>ngày... tháng... năm... của...)</i>
TÊN CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH	
<i>Hà Nội, ngày... tháng... năm...</i>	
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của cơ quan, tổ chức lập quy hoạch)	
Hệ tọa độ: VN-2000 Nguồn tài liệu:....	

đ) Đối với quy hoạch vùng

Tên quy hoạch:	QUY HOẠCH
Tên sơ đồ:	SƠ ĐỒ..... TỶ LỆ:..... <i>(Kèm theo Văn bản/Tờ trình số ...</i> <i>ngày... tháng... năm... của...)</i>
BỘ TÀI CHÍNH	
<i>Hà Nội, ngày... tháng... năm...</i>	
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của Bộ Tài chính)	
Hệ tọa độ: VN-2000	
Nguồn tài liệu:....	

e) Đối với quy hoạch tỉnh

Tên quy hoạch:	QUY HOẠCH
Tên sơ đồ:	SƠ ĐỒ..... TỶ LỆ:..... <i>(Kèm theo Văn bản/ Từ trình số ... ngày... tháng... năm... của ...)</i>
	TÊN CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH TỈNH <i>(Ví dụ: Sở Tài chính, Ban Chỉ đạo lập quy hoạch tỉnh...)</i> <i>..., ngày... tháng... năm...</i> (Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của cơ quan, tổ chức)
Hệ tọa độ: VN-2000 Nguồn tài liệu:....	

II. HỆ THỐNG KÝ HIỆU

1. Quy định chung

a) Ký hiệu thể hiện lưới tọa độ, biên giới quốc gia, địa giới hành chính các cấp trên đất liền, đường ranh giới hành chính các cấp trên biển, các yếu tố thể hiện đặc trưng cơ bản về địa hình, thủy văn của khu vực lập quy hoạch thực hiện theo quy định về bản đồ địa hình quốc gia;

b) Ký hiệu các đối tượng địa lý dạng tuyến hoặc dạng vùng thể hiện định hướng phát triển của quy hoạch thể hiện bằng nét đứt;

c) Tùy theo mật độ các đối tượng cần thể hiện, kích thước ký hiệu và chú giải thông tin về từng đối tượng có thể điều chỉnh cho phù hợp.

2. Quy định cụ thể: Xem bảng ký hiệu.

(Trong trường hợp cần thiết thể hiện đối tượng địa lý trên sơ đồ nhưng đối tượng địa lý đó chưa có trong bảng ký hiệu này thì được phép bổ sung ký hiệu ngoài các ký hiệu trong Bảng ký hiệu).

BẢNG KÝ HIỆU

STT	Tên ký hiệu	Ký hiệu		Quy định màu			Ghi chú	
		Hiện trạng	Quy hoạch	R	G	B		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
I	KHÔNG GIAN KINH TẾ - XÃ HỘI						Màu sắc của phần vùng được điều chỉnh bảo đảm thể hiện rõ nội dung quy hoạch.	
1.1	Phân vùng			-	-	-		
1.2	Vùng động lực			255	0	255		
1.3	Hành lang kinh tế							
	+ Hành lang kinh tế quốc gia			255	0	0		
	+ Hành lang kinh tế vùng			0	0	255		
	+ Hành lang kinh tế tỉnh			242	103	34		
1.4	Vành đai kinh tế - công nghiệp đô thị - dịch vụ			69	84	165		
II	HIỆP THÔNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN						D: Đô thị loại đặc biệt I: Đô thị loại I II: Đô thị loại II III: Đô thị loại III	
2.1	Đô thị							
	+ Phân loại đô thị			255	0	0		
				255	0	0		
				255	0	0		
				255	0	0		
2.2	Nông thôn							
	+ Trung tâm Phường			255	0	0		
	+ Trung tâm Xã			0	0	255		
	+ Trung tâm cụm xã (nếu có)			0	0	255		
	+ Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung			184	168	0		
				254	234	145		Hiện trạng Quy hoạch
	+ Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao			0	153	76	Hiện trạng Quy hoạch	
				110	247	151		
2.3	Đặc khu							
	+ Trung tâm Đặc khu			0	0	255		
III	KHU CHỨC NĂNG							
3.1	Khu kinh tế			87	38	166		
3.2	Khu công nghiệp, khu chế xuất			87	38	166		
3.3	Khu công nghệ cao			22	97	218		
3.4	Khu du lịch							
	+ Khu du lịch cấp quốc gia			0	153	76		Hiện trạng Quy hoạch
				77	219	115		
	+ Khu du lịch cấp tỉnh			0	153	76		Hiện trạng Quy hoạch
				77	219	115		
3.5	Khu thể dục thể thao			0	153	76		Hiện trạng Quy hoạch
				77	219	115		
3.6	Khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (Di tích)							
	+ Di tích cấp quốc gia			204	0	0		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	+ Di tích cấp tỉnh			204	0	0	
3.7	Cụm công nghiệp			87	38	166	
3.8	Khu chức năng khác (nếu có)			147	39	143	
IV	HẠ TẦNG KỸ THUẬT						
4.1	Hạ tầng giao thông						
4.1.1	Đường bộ						
	+ Cao tốc			0	0	0	
	+ Quốc lộ			0	0	0	
	+ Đường tỉnh			0	0	0	
	+ Đường liên xã			0	0	0	
	+ Đường trục chính đô thị			100	33	101	
4.1.2	Hàng không						
	+ Cảng hàng không quốc tế			0	0	0	
	+ Cảng hàng không nội địa			0	0	0	
	+ Sân bay chuyên dùng			0	0	0	
4.1.3	Đường sắt						
	+ Đường sắt tốc độ cao			225	0	225	
	+ Ga đường sắt tốc độ cao			225	0	225	
	+ Đường sắt quốc gia			153	27	30	
	+ Ga đường sắt quốc gia			153	27	30	
	+ Đường sắt đô thị, tên tuyến			255	0	0	
	+ Ga đường sắt đô thị			0	255	0	
4.1.4	Đường thủy nội địa						
	+ Tuyến đường thủy nội địa			0	110	219	
	+ Cảng tổng hợp, cảng hành khách			34	47	221	* Là cấp công trình của cảng thủy nội địa, bao gồm: Đặc biệt (D), I, II, III, IV
	+ Cảng cảng hàng hóa			34	47	221	
	+ Cảng chuyên dùng			34	47	221	
4.1.5	Đường hàng hải						
	+ Cảng biển, khu bến, bến cảng			34	47	221	* Là phân loại cảng biển, bao gồm: Đặc biệt (D), I, II, III
	+ Cảng cạn			34	47	221	
4.2	Hạ tầng cấp điện						
	+ Nhà máy thủy điện			0	0	0	
	+ Nhà máy nhiệt điện			0	0	0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	+ Nhà máy điện gió			0	0	0	
	+ Nhà máy điện khác			0	0	0	
	+ Trạm biến áp 500 kV			255	0	0	
	+ Trạm biến áp 220 kV			255	0	0	
	+ Trạm biến áp 110 kV			255	0	0	
	+ Trạm biến áp thuộc lưới trung áp phạm vi liên xã			255	0	0	
	+ Đường dây 500 kV			255	0	0	
	+ Đường dây 220 kV			255	0	0	
	+ Đường dây 110kV			34	47	221	
	+ Đường dây thuộc lưới trung áp phạm vi liên xã			34	47	221	
4.3	Hạ tầng thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai						
	+ Hồ chứa nước			10	133	255	Hiện trạng Định hướng
	+ Đập dâng			0	59	117	Hiện trạng Định hướng
	+ Trạm bơm			0	59	117	Hiện trạng Định hướng
	+ Công đầu mối			0	59	117	Hiện trạng Định hướng
	+ Kênh dẫn, chuyển nước			0	102	204	
	+ Tuyến đê			0	0	0	Hiện trạng Định hướng
4.4	Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá						
	+ Cảng cá			34	47	221	* Là phân loại cảng cá, bao gồm: I, II, III
	+ Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá						
	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (cấp vùng)			34	47	221	
	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (cấp tỉnh)			34	47	221	
4.5	Hạ tầng cấp nước						
	+ Phần vùng cấp nước			34	47	221	Màu sắc có thể thay đổi để đảm bảo thể hiện các phần vùng cấp nước được xác định trong quy hoạch
	+ Nhà máy nước			34	47	221	
4.6	Hạ tầng xử lý chất thải và nghĩa trang						
	+ Khu xử lý chất thải			0	0	0	
	+ Nghĩa trang			0	0	0	
4.7	Quan trắc						
	+ Trạm khí tượng thủy văn			34	47	221	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
V	HA TANG XÃ HỘI						
5.1	Cơ sở văn hóa						
	+ Bảo tàng						
	Bảo tàng cấp quốc gia			147 220	39 171	143 242	
	Bảo tàng cấp tỉnh			147 220	39 171	143 242	
	+ Thư viện						
	Thư viện cấp quốc gia			147	39	143	
	Thư viện cấp tỉnh			147	39	143	
	+ Nhà hát, trung tâm văn hóa, triển lãm, cung văn hóa, cơ sở văn hóa cấp quốc gia khác			49	214	41	
	+ Nhà hát, trung tâm văn hóa, cung văn hóa, cung thiếu nhi hoặc trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi, cơ sở văn hóa cấp tỉnh khác			49	214	41	
5.2	Cơ sở thể dục, thể thao						
	+ Khu liên hợp thể thao, sân vận động, cơ sở tập luyện, huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao cấp quốc gia			19	155	72	
	+ Khu liên hợp thể thao, sân vận động, cơ sở tập luyện, huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao cấp tỉnh			19	155	72	
5.3	Cơ sở giáo dục và đào tạo						
	+ Cơ sở giáo dục đại học			0	92	184	
	+ Trường trung học phổ thông			0	92	184	
	+ Trường liên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông			0	92	184	
	+ Trường liên cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông			0	92	184	
	+ Trường chuyên biệt <i>(trường phổ thông dân tộc nội trú; trường dự bị đại học; trường chuyên; trường năng khiếu; trường dành cho người tàn tật, khuyết tật; trường giáo dưỡng)</i>			0	92	184	
5.4	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp						
	+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp			0	92	184	
	+ Trường cao đẳng			0	92	184	
5.5	Cơ sở y tế						
	+ Cơ sở y tế tuyến trung ương			255	0	0	
	+ Cơ sở y tế tuyến tỉnh			255	0	0	
5.6	Cơ sở bảo trợ xã hội						
	+ Cơ sở trợ giúp xã hội			0	189	110	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5.7	+ Cơ sở xã hội muối đường, điều dưỡng người có công với cách mạng Hạ tầng thương mại, logistics + Chợ + Trung tâm logistics	  	  	0 255 87	189 61 38	110 61 166	1: Chợ hạng 1 * Là phân loại của trung tâm logistics: + I,2: Trung tâm logistics hạng I, hạng II; + T: Trung tâm logistics cấp tỉnh; + K: Trung tâm logistics chuyên dụng hàng không
VI	TÀI NGUYÊN						
6.1	Tài nguyên khoáng sản						
	+ Khu vực thăm dò khoáng sản			0	76	153	Hiện trạng
	+ Khu vực khai thác khoáng sản			244	246	90	Định hướng
	+ Loại khoáng sản			255	0	0	Hiện trạng
	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng			91	91	91	Định hướng
	Khoáng sản sản khác			91	91	91	
	+ Khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản			255	0	0	
	+ Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia			0	153	76	
6.2	Tài nguyên thủy sản						
	+ Khu bảo tồn biển			0	102	204	
	+ Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản			0	102	204	
	+ Phần vùng khai thác thủy sản (vùng biển ven bờ, vùng lòng, vùng khơi)			0	102	204	
6.3	Sử dụng đất						
6.3.1	Đất nông nghiệp						
	+ Đất trồng lúa			255	252	130	
	<i>Trong đó đất chuyên trồng lúa nước</i>			255	252	140	
	+ Đất trồng cây lâu năm			255	210	160	
	+ Đất lâm nghiệp			190	225	30	
	Đất rừng phòng hộ			190	225	30	
	Đất rừng đặc dụng			110	225	100	
	Đất rừng sản xuất			180	225	180	
	<i>Trong đó đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>			180	225	180	
	+ Đất nuôi trồng thủy sản			170	255	255	
	+ Đất làm muối			0	0	0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6.3.2	+ Các loại đất nông nghiệp còn lại			255	240	180	
	Đất phi nông nghiệp						
	+ Đất quốc phòng			255	100	80	
	+ Đất an ninh			255	80	70	
	+ Đất khu công nghiệp			250	170	160	
	+ Đất cụm công nghiệp			250	170	160	
	+ Đất thương mại dịch vụ			250	170	160	
	+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			250	170	160	
	+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản			205	170	205	
	+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh:						
	Đất giao thông			255	170	50	
	Đất thủy lợi			170	255	255	
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa			255	170	160	
	Đất xây dựng cơ sở y tế			255	170	50	
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo			255	170	160	
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao			255	170	50	
	Đất công trình năng lượng			255	170	160	
	Đất công trình bưu chính, viễn thông			255	170	50	
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia			255	170	160	
	Đất cơ sở tôn giáo			255	170	160	
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng			210	210	210	
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa			255	170	160	
	Đất bãi thải, xử lý chất thải			205	170	205	
	+ Đất danh lam thắng cảnh			255	170	160	
	+ Đất ở						
	Đất ở tại nông thôn			255	208	255	
	Đất ở tại đô thị			255	160	255	
	+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan			255	170	160	
	+ Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp			250	170	160	
	+ Đất xây dựng cơ sở ngoại giao			255	170	160	
+ Các loại đất phi nông nghiệp còn lại			255	170	160		
6.3.3	Đất chưa sử dụng			255	255	254	
6.3.4	Đất khu công nghệ cao			255	80	90	
6.3.5	Đất khu kinh tế			255	127	0	
6.3.6	Đất khu chức năng khác			39	118	187	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6.3.7	Đất đô thị			255	30	252	Màu sắc của phân vùng được điều chỉnh bảo đảm thể hiện rõ nội dung quy hoạch.
6.3.8	Đất dự kiến phát triển một số khu vực quan trọng của tỉnh (nếu có)			-	-	-	
VII	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Phân vùng môi trường						
	+ Vùng bảo vệ nghiêm ngặt			0	127	0	
	+ Vùng hạn chế phát thải			203	191	0	

Phụ lục III

TỔ CHỨC DỮ LIỆU CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ QUY HOẠCH *(Kèm theo Thông tư số 22 /2026/TT-BTC ngày 17 tháng 03 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

I. Tổ chức dữ liệu của cơ sở dữ liệu về quy hoạch

1. Tên thư mục cơ sở dữ liệu về quy hoạch được quy định như sau:
CSDL_<Tên quy hoạch>

- Quy ước < Tên quy hoạch >: Viết hoa chữ cái đầu của từng từ, viết liền không dấu và không có ký tự đặc biệt.

Ví dụ:

- Tên thư mục cơ sở dữ liệu về quy hoạch tổng thể quốc gia: CSDL_QuyHoachTongTheQuocGia;

- Tên thư mục cơ sở dữ liệu về quy hoạch mạng lưới đường bộ: CSDL_QuyHoachMangLuiDuongBo;

- Tên thư mục cơ sở dữ liệu về quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long: CSDL_QuyHoachVungDongBangSongCuuLong;

- Tên thư mục cơ sở dữ liệu về quy hoạch tỉnh Thái Nguyên: CSDL_QuyHoachTinhThaiNguyen.

2. Thư mục “CSDL_<Tên quy hoạch>” được tổ chức thành 03 thư mục như sau: thư mục “DLS_VanBanPhapLy”, thư mục “DLS_SoDo”, thư mục “CSDL_DiaLyQuyHoach”.

II. Tổ chức dữ liệu trong thư mục “CSDL_<Tên quy hoạch>”

1. Thư mục “DLS_VanBanPhapLy” bao gồm thư mục “VanBanTaoLap” và thư mục “VanBanSoHoa”, trong đó:

a) Các văn bản được tạo lập để ký, đóng dấu được sắp xếp vào thư mục “VanBanTaoLap”;

b) Các tệp được số hóa từ văn bản giấy được sắp xếp vào thư mục “VanBanSoHoa”.

2. Thư mục “DLS_SoDo” bao gồm thư mục “SoDoThanhLap” và thư mục “SoDoSoHoa”, trong đó:

a) Các sơ đồ quy hoạch dạng số được thành lập để ký và đóng dấu được sắp xếp vào thư mục “SoDoThanhLap”. Trong trường hợp một sơ đồ có nhiều tệp tin đính kèm thì lưu vào cùng một thư mục, tên của thư mục trùng với tên sơ đồ;

b) Các sơ đồ quy hoạch được số hóa từ sơ đồ quy hoạch dạng giấy được sắp xếp vào thư mục “SoDoSoHoa”.

3. Thư mục “CSDL_DiaLyQuyHoach” để lưu trữ cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch. Tổ chức dữ liệu của cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch được quy định tại Phụ lục IV Thông tư này.

Phụ lục IV
TÓ CHỨC DỮ LIỆU CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA LÝ QUY HOẠCH
(Kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BTC ngày 17 tháng 03 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mục 1
QUY CÁCH ĐẶT TÊN

I. TÊN GÓI DỮ LIỆU

1. Tên gói dữ liệu quy hoạch cấp quốc gia

- a) Tên gói dữ liệu quy hoạch tổng thể quốc gia là: QH_TongTheQuocGia
- b) Tên gói dữ liệu quy hoạch không gian biển quốc gia là: QH_KhongGianBienQuocGia.
- c) Tên gói dữ liệu quy hoạch sử dụng đất quốc gia là: QH_SuDungDatQuocGia.
- d) Tên gói dữ liệu quy hoạch ngành:
- Cách đặt tên: QH_[Tên quy hoạch viết tắt theo tên quy hoạch].
 - Quy ước: Viết hoa chữ cái đầu của từng từ, viết liền không dấu và không có ký tự đặc biệt.

Ví dụ: Tên gói dữ liệu Quy hoạch mạng lưới đường bộ là QH_MangLuoiDuongBo.

2. Tên gói dữ liệu quy hoạch vùng

- Cách đặt tên: QH_[Tên quy hoạch viết tắt theo tên vùng].
- Quy ước: Viết hoa chữ cái đầu của từng từ, viết liền không dấu và không có ký tự đặc biệt.

Ví dụ: Tên gói dữ liệu Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long là QH_DongBangSongCuuLong.

3. Tên gói dữ liệu quy hoạch tỉnh

- Cách đặt tên: QH_[Tên quy hoạch viết tắt theo tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương].
- Quy ước: Viết hoa chữ cái đầu của từng từ, viết liền không dấu và không có ký tự đặc biệt.

Ví dụ: Tên gói dữ liệu Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh là: QH_QuangNinh.

II. TÊN NHÓM LỚP ĐỐI TƯỢNG, LỚP ĐỐI TƯỢNG, TRƯỜNG THÔNG TIN THUỘC TỈNH

1. Tên nhóm lớp đối tượng

Nguyên tắc đặt tên

- Cách đặt tên: [Tên nhóm lớp đối tượng]

- Quy ước: Viết hoa chữ cái đầu của từng từ, viết liền không dấu và không có ký tự đặc biệt.

Tên các nhóm lớp đối tượng của cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quy định như sau:

STT	Chủ đề	Tên nhóm lớp đối tượng
1	Tài chính	TaiChinh
2	Xây dựng	XayDung
3	Công Thương	CongThuong
4	Nông nghiệp và Môi trường	NongNghiepMoiTruong
5	Văn hóa, thể thao và du lịch	VanHoaTheThaoDuLich
6	Khoa học và công nghệ	KhoaHocCongNghe
7	Y tế	YTe
8	Giáo dục và đào tạo	GiaoDucDaoTao
9	Nội Vụ	NoiVu
10	Quốc phòng	QuocPhong
11	An ninh	AnNinh
12	Ngoại giao	NgoaiGiao

2. Tên lớp dữ liệu

- Cách đặt tên: [Tên lớp dữ liệu]_[kiểu hình học]

- Quy ước:

+ Đối với tên lớp dữ liệu: Viết hoa chữ cái đầu của từng từ, viết liền không dấu và không có ký tự đặc biệt.

+ Đối với kiểu dữ liệu hình học quy ước như sau:

Kiểu dữ liệu hình học	Ký hiệu
Dạng vùng (GM_Polygon)	A
Dạng điểm (GM_Point)	P
Dạng đường (GM_Line hoặc GM_Polyline)	L

Ví dụ: Lớp Hiện trạng hệ thống đô thị có kiểu dữ liệu hình học dạng điểm đặt tên HienTrangDoThi_P

- Tên các lớp dữ liệu của cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quy định tại Mục 3 Phụ lục này.

3. Tên trường thông tin thuộc tính

Quy ước: Viết hoa chữ cái đầu của từng từ ngoại trừ từ đầu tiên; viết liền không dấu và không có ký tự đặc biệt. Ví dụ: Trường thông tin mã đối tượng đặt tên là maDoiTuong.

Tên các lớp dữ liệu, trường thông tin chính của cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quy định tại Mục 3 Phụ lục này.

Mục 2

QUY TẮC GÁN MÃ NHẬN DẠNG CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐỊA LÝ QUY HOẠCH

1. Mã nhận dạng của mỗi đối tượng địa lý trong danh mục đối tượng địa lý quy hoạch là dãy mã số duy nhất xác định từng đối tượng địa lý và bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Mã nhận dạng của đối tượng địa lý phải bảo đảm không thay đổi khi có sự điều chỉnh hình học của đối tượng địa lý quy hoạch;

- Mã nhận dạng của đối tượng địa lý được sinh mới trong trường hợp đối tượng địa lý quy hoạch có sự chia tách;

- Mã nhận dạng của đối tượng địa lý được đánh dấu trong trường hợp đối tượng địa lý ngừng hiệu lực.

2. Mã nhận dạng đối tượng địa lý của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh bao gồm ba (04) phần được đặt liên tiếp nhau, cụ thể như sau:

- Phần thứ nhất là mã cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch được quy định tại phần I Mục này;

- Phần thứ 2 là mã thể hiện tình trạng lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch (0: là lập mới quy hoạch; 1-9 là các lần điều chỉnh quy hoạch tiếp theo);

- Phần thứ ba là mã tên kiểu đối tượng địa lý trong danh mục đối tượng địa lý quy định tại phần II Mục này;

- Phần thứ tư là số thứ tự của đối tượng địa lý cùng kiểu trong tập dữ liệu, bao gồm 08 chữ số Ả rập bắt đầu từ 00000001.

I. MÃ CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA LÝ QUY HOẠCH

1. Ký tự thứ nhất là chữ cái Latinh viết hoa thay cho tên cấp quy hoạch quy định như sau:

Mã	Cấp quy hoạch
G	Quy hoạch cấp quốc gia
V	Quy hoạch vùng
T	Quy hoạch cấp tỉnh

2. Các ký tự tiếp theo là các chữ số. A rập được gán mã thay cho loại quy hoạch được quy định như sau:

- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, được gán mã như sau

Mã	Tên Quy hoạch
01	Quy hoạch tổng thể quốc gia
02	Quy hoạch không gian biển quốc gia
03	Quy hoạch sử dụng đất quốc gia

- Đối với quy hoạch ngành, được gán mã như sau:

Mã	Tên Quy hoạch ngành
04	Quy hoạch mạng lưới đường bộ
05	Quy hoạch mạng lưới đường sắt
06	Quy hoạch tổng thể kết cấu hạ tầng hàng hải
07	Quy hoạch hệ thống cảng hàng không toàn quốc
08	Quy hoạch tổng thể kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
09	Quy hoạch tổng thể về năng lượng
10	Quy hoạch phát triển điện lực
11	Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt
12	Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông
13	Quy hoạch hệ thống du lịch
14	Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập

15	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập
16	Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập
17	Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá
18	Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế công lập
19	Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia
20	Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược
21	Quy hoạch công nghiệp quốc phòng
22	Quy hoạch công nghiệp an ninh
23	Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy
24	Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn
25	Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh
26	Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ
27	Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản
28	Quy hoạch khoáng sản nhóm I
29	Quy hoạch khoáng sản nhóm II
30	Quy hoạch lâm nghiệp
31	Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản
32	Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng
33	Quy hoạch sử dụng đất an ninh
34	Quy hoạch bảo vệ môi trường
35	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học
36	Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn
37	Quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai

- Đối với quy hoạch vùng, được gán mã như sau:

Mã	Tên vùng
01	Trung du và Miền núi phía Bắc
02	Đồng bằng sông Hồng
03	Bắc Trung Bộ
04	Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên
05	Đông Nam Bộ
06	Đồng bằng sông Cửu Long

- Đối với quy hoạch tỉnh bao gồm hai (2) chữ số tiếp theo được gán theo mã số đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

II. MÃ TÊN KIỂU ĐỐI TƯỢNG ĐỊA LÝ

1. Mã tên kiểu đối tượng địa lý trong danh mục đối tượng địa lý quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh bao gồm 04 ký tự được đặt liên tiếp nhau theo quy định như sau:

a) Ký tự thứ nhất là chữ cái Latinh viết hoa thay cho tên chủ đề/chuyên đề dữ liệu.

Mã	Chủ đề/chuyên đề
L	Tài chính
M	Xây dựng
N	Công Thương
P	Nông nghiệp và Môi trường
R	Văn hóa, thể thao và du lịch
T	Khoa học và công nghệ
V	Y tế
W	Giáo dục và đào tạo
X	Nội Vụ
Q	Quốc phòng
Y	An ninh
Z	Ngoại giao

b) Ký tự tiếp theo là chữ cái Latinh viết hoa thay cho phân loại nhóm đối tượng dữ liệu được quy định như sau:

Mã	Phân loại dữ liệu
H	Dữ liệu hiện trạng
Q	Dữ liệu định hướng phát triển/dữ liệu quy hoạch
K	Dữ liệu khác

c) Hai ký tự tiếp theo là hai chữ số Ả rập bắt đầu từ 01 lần lượt theo thứ tự của tên kiểu đối tượng trong nhóm đối tượng dữ liệu hiện trạng, dữ liệu định hướng phát triển/dữ liệu quy hoạch, dữ liệu khác.

Mã tên của các kiểu đối tượng địa lý chính của cơ sở dữ liệu về quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh được quy định tại Mục 3 của Phụ lục này.

Ví dụ: T19-1-MH01-00000001

- T19 là mã cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, trong đó: T là ký tự viết tắt cho quy hoạch tỉnh; 19 là ký tự viết tắt cho tỉnh Thái Nguyên;

- 1 là mã quy hoạch được điều chỉnh lần thứ nhất;

- MH01 là mã tên kiểu đối tượng địa lý về Hiện trạng hệ thống đô thị, trong đó: M là ký tự viết tắt cho chủ đề dữ liệu về Xây dựng; H là ký tự viết tắt cho nhóm dữ liệu hiện trạng; 01 là số thứ tự của kiểu đối tượng địa lý (Hiện trạng hệ thống đô thị) trong nhóm dữ liệu hiện trạng.

- 00000001 là số thứ tự của đô thị thứ nhất trong tập dữ liệu về Hiện trạng hệ thống đô thị.

2. Đối với quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành, mã tên kiểu đối tượng địa lý thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 3

DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG ĐỊA LÝ VÀ CẤU TRÚC DỮ LIỆU CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA LÝ QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA, QUY HOẠCH VÙNG, QUY HOẠCH TỈNH

Danh mục từ viết tắt

GM_Point
GM_Polygon
GM_Polyline
CharacterString
Date
Integer
Long Integer
Real

Đối tượng dạng điểm
Đối tượng dạng vùng
Đối tượng dạng đường
Kiểu dữ liệu xâu kí tự
Kiểu dữ liệu ngày - tháng - năm
Kiểu dữ liệu số nguyên
Kiểu dữ liệu số nguyên lớn (kích thước 4 byte, giá trị từ -2,147,483,648 tới 2,147,483,647)
Kiểu dữ liệu số thực

1. Tài chính

TT	Kiểu đối tượng địa lý			Tên lớp	Trường thuộc tính	Kiểu dữ liệu thuộc tính	Yêu cầu	Tên (nhân)/Mô tả thuộc tính	Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học			
	Mã tên kiểu đối tượng		Tên						Mô tả	Quy hoạch tổng thể quốc gia	Quy hoạch vùng	Quy hoạch tỉnh
	Dữ liệu hiện trạng	Dữ liệu định hướng phát triển										
1	LH01		Hiện trạng kinh tế - xã hội vùng	Là hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội của vùng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	LH01_HienTrangKinhT eXaHoiVung	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Poly gon	GM_Poly gon	
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên vùng			
						dienTich	Real	Bắt buộc	Diện tích ước tính của vùng (km ²)			
						danSo	Long Integer	Bắt buộc	Dân số trung bình của vùng (người)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu									
2	LH02		Hiện trạng kinh tế - xã hội cấp tỉnh	Là hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	LH02_HienTrangKinhT eXaHoiCapTinh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Poly gon	GM_Poly gon	GM_Poly gon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			
						dienTich	Real	Bắt buộc	Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (km ²)			
						danSo	Long Integer	Bắt buộc	Dân số trung bình của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (người)			
						GRDP	real	Bắt buộc	Tổng sản phẩm trên địa bàn của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			
						gdpBinhQuanDauNguoi	real	Có thể Null	Tổng sản phẩm (GDP) bình quân đầu người của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tính bằng USD)			
						tongVonDauTuToanXaHoi	Real	Có thể Null	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
3	LH03		Hiện trạng kinh tế xã hội cấp xã	Là hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị hành chính cấp xã được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	LH03_HienTrangKinhT eXaHoiCapXa	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Poly gon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên đơn vị hành chính cấp xã			
						dienTich	Real	Bắt buộc	Tổng diện tích đất tự nhiên của đơn vị hành chính cấp xã (km ²)			
						danSo	Long Integer	Bắt buộc	Dân số trung bình của đơn vị hành chính cấp xã (người).			
						matDoDanSo	Real	Có thể Null	Mật độ dân số của đơn vị hành chính cấp xã (người/km ²)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
4	LQ01	Định hướng phần vùng	Là định hướng phần vùng được xác định trong quy hoạch	LQ01_DinhHuongPhanVungKinhT eXaHoi	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Poly gon			
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên vùng				
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích ước tính của vùng (km ²)				
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt				
					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch				
nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu									
5	LQ02	Định hướng	Là vùng động lực	LQ02_Vung	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Poly	GM_Poly	GM_Poly	

			phát triển vùng động lực	phát triển được xác định trong quy hoạch	DongLuc	ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên vùng động lực	gon	gon	gon
						dingHuongPhatTrie	CharacterString	Có thể Null	Định hướng phát triển vùng động lực			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
6		LQ03	Định hướng phát triển hành lang kinh tế	Là hành lang kinh tế được định hướng phát triển trong quy hoạch	LQ03_HanhLangKinhTe	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Polyline	GM_Polyline	GM_Polyline
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên hành lang kinh tế			
						dingHuongPhatTrie	CharacterString	Có thể Null	Định hướng phát triển hành lang kinh tế			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
7		LQ04	Định hướng phát triển vành đai kinh tế - công nghiệp - đô thị - dịch vụ	Là vành đai kinh tế - công nghiệp - đô thị - dịch vụ được định hướng phát triển trong quy hoạch	LQ04_VanhDaiKinhTe	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Polyline	GM_Polyline	GM_Polyline
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên vành đai kinh tế - công nghiệp - đô thị - dịch vụ			
						dingHuongPhatTrie	CharacterString	Có thể Null	Định hướng phát triển hành lang kinh tế được xác định trong quy hoạch			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
8	LH04		Hiện trạng khu kinh tế	Là khu kinh tế hiện hữu được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	LH04_HienTrangKhuKinhTe	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu kinh tế			
						loaiKhuKinhTe	CharacterString	Có thể Null	Khu kinh tế ven biển Khu kinh tế cửa khẩu Khu kinh tế chuyên biệt			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích khu kinh tế (ha)			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của khu kinh tế: - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
9		LQ05	Định hướng phát triển khu kinh tế	Là định hướng phát triển khu kinh tế trong quy hoạch	LQ05_DinhHuongPhatTrie	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu kinh tế			
						loaiKhuKinhTe	CharacterString	Có thể Null	Khu kinh tế ven biển Khu kinh tế cửa khẩu			

					Khu kinh tế chuyên biệt					
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của khu kinh tế được xác định trong quy hoạch (ha)		
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của khu kinh tế: - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã		
					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên		
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt		
					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch		
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu		
10	LH05	Hiện trạng khu công nghiệp	Là khu công nghiệp hiện hữu được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	LH05_HienTrangKhuCongNghiep	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu công nghiệp		
					loaiHinh	CharacterString	Có thể Null	Khu công nghiệp Khu chế xuất Khu công nghiệp hỗ trợ Khu công nghiệp chuyên ngành Khu công nghiệp sinh thái Khu công nghiệp công nghệ cao		
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích khu công nghiệp (ha)		
					chuQuaLy	CharacterString	Có thể Null	Tên đơn vị quản lý		
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của khu công nghiệp. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã		
					thoiHanHoatDong	Short Integer	Có thể Null	Thời hạn hoạt động của khu công nghiệp		
					tyLeLapDay	Real	Có thể Null	Tỷ lệ lấp đầy của khu công nghiệp (%)		
					nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật		
					nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu		
11	LQ06	Định hướng phát triển khu công nghiệp	Là định hướng phát triển khu công nghiệp trong quy	LQ06_DinhHuongKhuCongNghiep	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu công nghiệp		
					loaiHinh	CharacterString	Có thể Null	Khu công nghiệp		

			hoạch				Null	Khu chế xuất Khu công nghiệp hỗ trợ Khu công nghiệp chuyên ngành Khu công nghiệp sinh thái Khu công nghiệp công nghệ cao			gon	
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của khu công nghiệp (ha)			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của khu công nghiệp: - Quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiệu trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
12	LH06		Hiện trạng phát triển hệ thống kho dự trữ quốc gia	Là kết hệ thống kho dự trữ quốc gia được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: - Quy hoạch tỉnh:..	LH06_HienTrangPhatTrienHeThongKhoDuTruQuocGia	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên kho dự trữ quốc gia			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại kho dự trữ quốc gia			
						Quymo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô của kho dự trữ quốc gia			
						Loaihinh	CharacterString	Có thể Null	Loại hình kho dự trữ quốc gia			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của kho dự trữ quốc gia. - Quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
13		LQ07	Định hướng phát triển kho dự trữ quốc gia	Là hệ thống kho dự trữ quốc gia được định hướng trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: - Quy hoạch tỉnh:..	LQ07_DinhHuongPhatTrienHeThongKhoDuTruQuocGia	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Có thể Null	Tên kho dự trữ quốc gia			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại kho dự trữ quốc gia			
						Quymo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô dự kiến của kho dự trữ quốc gia			
						Loaihinh	CharacterString	Có thể Null	Loại hình của kho dự trữ quốc gia			

						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của kho dự trữ quốc gia - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			

2. Xây dựng

TT	Kiểu đối tượng địa lý			Tên lớp	Trường thuộc tính	Kiểu dữ liệu thuộc tính	Yêu cầu	Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính	Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học						
	Mã tên kiểu đối tượng địa lý		Tên						Mô tả	Quy hoạch tổng thể quốc gia	Quy hoạch vùng	Quy hoạch tỉnh			
	Dữ liệu hiện trạng	Dữ liệu định hướng phát triển													
1		MQ01	Định hướng phát triển vùng đô thị lớn	Là định hướng phát triển vùng đô thị lớn được định hướng trong quy hoạch	MQ01_VungDoThiLon	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng				GM_polygon		
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên vùng đô thị lớn						
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt						
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch						
						nguồn		Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu						
2	MH01		Hiện trạng hệ thống đô thị	Là đô thị hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia: Đô thị loại đặc biệt và đô thị loại I - Đối với quy hoạch vùng: Đô thị đặc biệt; đô thị loại I; đô thị loại II (đô thị có vai trò, vị trí, chức năng trung	MH01_HienTrangDoThi	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point	GM_Point			
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên đô thị						
						phanLoaiDoThi	CharacterString	Bắt buộc	Loại đô thị bao gồm: Đô thị đặc biệt Đô thị loại I Đô thị loại II Đô thị loại III						
						loaiDoiTuong	CharacterString	Có thể Null	Đô thị là trung tâm tổng hợp Đô thị là trung tâm chuyên ngành						
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích của đô thị (ha)						
						danSo	Long Integer	Có thể Null	Quy mô dân số đô thị (người)						
						nam	Integer	Có thể Null	Năm cập nhật						

				lĩnh tổng hợp của tỉnh, thành phố) được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia; đô thị loại II (có vai trò, vị trí, chức năng trung tâm chuyên ngành của tỉnh, thành phố hoặc vùng liên tỉnh). - Đối với quy hoạch tỉnh: Đô thị đặc biệt; đô thị loại I; đô thị loại II; đô thị loại III.		nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
3	MQ02	Định hướng phát triển hệ thống đô thị	Là định hướng phát triển đô thị được xác định trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia: Đô thị loại đặc biệt và đô thị loại I - Đối với quy hoạch vùng: Đô thị đặc biệt; đô thị loại I; đô thị loại II (đô thị có vai trò, vị trí, chức năng trung tâm tổng hợp của tỉnh, thành phố) được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia; đô thị loại II (có vai trò, vị trí, chức năng trung tâm chuyên ngành của tỉnh, thành phố hoặc vùng liên tỉnh). - Đối với quy hoạch tỉnh: Đô thị đặc biệt; đô thị loại I; đô thị loại II; đô thị loại III.	MQ02_DinhHuongPhatTrienDoThi	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point	GM_Point	
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên đô thị				
					phanLoaiDoThi	CharacterString	Bắt buộc	Loại đô thị bao gồm:				
								Đô thị đặc biệt				
								Đô thị loại I				
								Đô thị loại II				
								Đô thị loại III				
					loiDoiTuong	CharacterString	Có thể Null	Đô thị là trung tâm tổng hợp				
								Đô thị là trung tâm chuyên ngành				
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của đô thị (ha)				
					danSo	Long Integer	Có thể Null	Quy mô dân số dự kiến của đô thị (người)				
					loiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới				
								Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng				
								Quy hoạch giữ nguyên				
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt				
					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch				
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu				
4	MQ03	Định hướng phân vùng cấp	Là định hướng phân vùng cấp nước	MQ03_DinhHuongPhanV	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Polygon	GM_Polygon	
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên phân vùng				

			nước	được xác định hướng trong quy hoạch	ungCapNuc	nguồnNuc	CharacterString	Có thể Null	Tên nguồn nước được khai thác, sử dụng của phân vùng			
						chucNangNguonNuc	CharacterString	Bắt buộc	Chức năng của nguồn nước			
									Sinh hoạt			
									Sản xuất nông nghiệp			
									Nuôi trồng thủy sản			
									Thủy điện			
									Sản xuất công nghiệp			
									Giao thông thủy			
									Du lịch, dịch vụ			
									Các mục đích khác			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
5	MH02		Hiện trạng nhà máy nước	Là nhà máy nước được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện nhà máy nước liên tỉnh trở lên. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện nhà máy nước liên xã trở lên.	MH02_HienTrangNhaMayNuc	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên nhà máy nước			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của nhà máy nước. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Nội tỉnh Liên tỉnh			
						phamViCapNuc	CharacterString	Có thể Null	Phạm vi cấp nước của nhà máy nước. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						nguồnNuc	CharacterString	Có thể Null	Tên nguồn nước (sông, hồ...) được khai thác, sử dụng			
						loaiNguonNuc	CharacterString	Có thể Null	Nước mặt Nước dưới đất Nước khác			
						congSust	Real	Bắt buộc	Công suất của nhà máy nước (m ³ /ngày đêm)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
6		MQ04	Định hướng phát triển nhà	Là nhà máy nước được định hướng	MQ04_DinhHuongNhaM	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên công trình nhà máy nước			

			máy nước	phát triển trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện nhà máy nước liên tỉnh trở lên. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện nhà máy nước liên xã trở lên.	ayNuoc	diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của nhà máy nước. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Nội tỉnh Liên tỉnh			
						phanViCapNuoc	CharacterString	Có thể Null	Phạm vi cấp nước dự kiến của nhà máy nước. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						nguồnNuoc	CharacterString	Có thể Null	Tên nguồn nước (sông, hồ...) được khai thác, sử dụng			
						loaiNguonNuoc	CharacterString	Có thể Null	Nước mặt Nước dưới đất Nước khác			
						congSuat	Real	Có thể Null	Công suất dự kiến của nhà máy nước (m ³ /ngày đêm)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
7	MI103		Hiện trạng khu xử lý chất thải	Là hiện trạng khu xử lý chất thải được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện khu xử lý chất thải liên tỉnh trở lên. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu xử lý chất thải liên xã trở lên.	MH103_HienTrangKhuXuLyChatThai	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu xử lý chất thải			
						diaDiem	CharacterString	Bắt buộc	Địa điểm của khu xử lý chất thải. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích của khu xử lý chất thải (ha).			
						loaiChatThai	CharacterString	Có thể Null	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt Khu xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường Khu xử lý xử lý chất thải y tế nguy hại hoặc khu xử lý chất thải tập trung có hạng mục xử lý chất thải y tế Khu xử lý chất thải nguy hại			
						hinhThucXuLy	CharacterString	Có thể Null	Công nghệ chế biến phân hữu cơ Công nghệ đốt Công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh Các công nghệ tái chế, thu hồi năng lượng, sản xuất sản phẩm từ các thành phần có ích trong chất thải rắn sinh hoạt, các công nghệ thân thiện với môi trường			

									Các công nghệ khác				
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Nội tính				
									Liên tính				
						congSuat	Real	Có thể Null	Công suất của khu xử lý chất thải (tấn/năm)				
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật				
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu				
8		MQ05	Định hướng phát triển khu xử lý chất thải	Là khu xử lý chất thải được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện khu xử lý chất thải liên tỉnh trở lên. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu xử lý chất thải liên xã trở lên.	MQ05 Định Hướng Khu Xử Lý Chất Thải	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu xử lý chất thải rắn				
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của khu xử lý chất thải. - Đối với quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.				
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của khu xử lý chất thải (ha).				
						loaiChatThai	CharacterString	Có thể Null	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt Khu xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường Khu xử lý chất thải y tế nguy hại hoặc khu xử lý chất thải tập trung có hạng mục xử lý chất thải y tế Khu xử lý chất thải nguy hại				
						hinhThucXuLy	CharacterString	Có thể Null	Công nghệ chế biến phân hữu cơ Công nghệ đốt Công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh Các công nghệ tái chế, thu hồi năng lượng, sản xuất sản phẩm từ các thành phần có ích trong chất thải rắn sinh hoạt; các công nghệ thân thiện với môi trường Các công nghệ khác				
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Nội tính				
									Liên tính				
						congSuat	Real	Có thể Null	Công suất dự kiến của khu xử lý chất thải (tấn/năm)				
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên				
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt				
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch				
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu				
9	MH04		Hiện trạng nghĩa trang	Là khu nghĩa trang liên xã (trừ nghĩa trang liệt sỹ) được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	MH04 Hiện Trạng Nghĩa Trang	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng				GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu nghĩa trang				
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của khu nghĩa trang chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã				
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích khu nghĩa trang (ha)				
						hinThucTang	CharacterString	Có thể Null	Mai táng				

								Hóa táng			
								Hình thức táng khác			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật		
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu		
10		MQ06	Định hướng phát triển nghĩa trang	Là khu nghĩa trang liên xã (trừ nghĩa trang liệt sỹ) được định hướng phát triển trong quy hoạch	MQ06 Định Hướng Nghĩa Trang	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên nghĩa trang		
						diaDiem	CharacterString	Bắt buộc	Địa điểm dự kiến của khu nghĩa trang chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã		
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của khu nghĩa trang (ha)		
						hinhThucTang	CharacterString	Có thể Null	Mai táng		
									Hóa táng		
									Hình thức táng khác		
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới		
									Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng		
									Quy hoạch giữ nguyên		
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt		
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối công của thời kỳ quy hoạch		
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu		
11	MH05		Hiện trạng công trình xử lý nước thải	Là các công trình xử lý nước thải được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	MH05 Hiện Trạng Công Trình Xử Lý Nước Thải	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Có thể Null	Tên công trình		
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của công trình. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.		
						LoaiCongTrinh	CharacterString	Bắt buộc	Loại công trình		
						CongSuat	Real	Bắt buộc	Công suất xử lý nước thải của công trình (m ³ /ngày)		
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật		
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu		
12		MQ07	Phương án phát triển hệ thống thoát nước	Là các công trình xử lý nước thải được định hướng trong quy hoạch	MQ07 Định Hướng Công Trình Xử Lý Nước Thải	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Có thể Null	Tên công trình		
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của công trình. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.		
						LoaiCongTrinh	CharacterString	Bắt buộc	Loại công trình		
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới		
									Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng		
									Quy hoạch giữ nguyên		
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt		

						quyHoachKetThuc nguồn	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
13	MH06		Hiện trạng trạm bơm thoát nước	Là các trạm bơm thoát nước được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	MH06_HienTrangTramBomThoatNuo	maDoiTuong	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Tên công trình trạm bơm thoát nước			
									Địa điểm của công trình.			
									- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;			
									- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						LoaiTramBom	CharacterString	Bắt buộc	Trạm bơm tưới			
									Trạm bơm tiêu			
									Trạm bơm tưới/ tiêu			
						CongSuat	Real	Bắt buộc	Công suất trạm bơm (m ³ /h)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
14		MQ08	Phương án phát triển hệ thống thoát nước	Là các trạm bơm thoát nước được định hướng trong quy hoạch	MQ08_DinhHuongTramBomThoatNuo	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point
						ten	CharacterString	Có thể Null	Tên công trình			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của công trình.			
									- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;			
									- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						LoaiTramBom	CharacterString	Bắt buộc	Trạm bơm tưới			
									Trạm bơm tiêu			
									Trạm bơm tưới/ tiêu			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới			
									Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng			
									Quy hoạch giữ nguyên			
						CongSuat	Real	Bắt buộc	Công suất trạm bơm dự kiến (m ³ /h)			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
15	MH07		Hiện trạng mạng lưới đường bộ	Là đường bộ được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện đường cao tốc, đường quốc lộ; - Quy hoạch vùng: Thể hiện đường cao tốc, đường quốc lộ.	MH07_HienTrangMangLuuDuongBo	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Polyline	GM_Polyline	GM_Polyline
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên tuyến đường			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Quốc lộ			
									Đường tỉnh			
									Đường liên xã			
						chieuDai	Real	Có thể Null	Chiều dài của tuyến đường (Km).			
						quyMo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô (làn xe) của tuyến đường			
						capKyThuat	CharacterString	Có thể Null	Cấp I			
									Cấp II			

				đường liên tỉnh; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện đường cao tốc, đường quốc lộ đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; đường tỉnh, đường liên phường, xã, đặc khu				Cấp III Cấp IV Cấp V Cấp VI				
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhất			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
16		MQ09	Định hướng phát triển mạng lưới đường bộ	Là định hướng phát triển đường bộ được xác định trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện đường cao tốc, đường quốc lộ; - Quy hoạch vùng: Thể hiện đường cao tốc, đường quốc lộ, đường liên tỉnh; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện đường cao tốc, đường quốc lộ, đường liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; đường tỉnh, đường liên phường, xã, đặc khu	MQ09_DinhHuongPhatTrienMangLuioiDuongBo	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Polyline	GM_Polyline	GM_Polyline
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên tuyến đường			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Đường cao tốc không phải là đường đô thị Đường cao tốc đô thị Đường quốc lộ Đường tỉnh Đường trục chính đô thị Đường liên xã			
						chieuDai	Real	Có thể Null	Chiều dài dự kiến của tuyến đường (Km)			
						quyMo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô (lần xe) dự kiến của tuyến đường			
						capKyThuat	CharacterString	Có thể Null	Cấp I Cấp II Cấp III Cấp IV Cấp V Cấp VI			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
17	MH08		Hiện trạng đường sắt	Là tuyến đường sắt được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện đường sắt quốc gia. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện đường sắt	MH08_HienTrangTuyenDuongSat	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Polyline	GM_Polyline	GM_Polyline
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên tuyến đường sắt			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Đường sắt cao tốc Đường sắt tốc độ cao Đường sắt chuyên dùng Đường sắt đô thị			
						chieuDai	Real	Có thể Null	Chiều dài của tuyến đường sắt (Km)			
						khoDuongSat	Real	Có thể Null	Khổ đường sắt (mm) bao gồm: 1.435			

			quốc gia, đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị.				1.000					
							Khô khác					
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
18		MQ10	Định hướng phát triển tuyến đường sắt	Là tuyến đường sắt được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện đường sắt quốc gia. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị.	MQ10_DinhHuongPhatTrienTuyenDuongSai	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Polyline	GM_Polyline	GM_Polyline
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên tuyến đường sắt			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Đường sắt cao tốc			
									Đường sắt tốc độ cao			
									Đường sắt chuyên dùng			
									Đường sắt đô thị			
						chieuDai	Real	Có thể Null	Chiều dài dự kiến của tuyến đường sắt (Km)			
						khoDuong	Real	Có thể Null	Khổ đường sắt (mm) dự kiến bao gồm:			
									1.435			
									1.000			
									Khô khác			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới			
									Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng			
									Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
19	MH09		Hiện trạng ga đường sắt	Là ga đường sắt hiện hữu được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện ga đường sắt thuộc đường sắt quốc gia; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện ga đường sắt thuộc đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị và đường sắt chuyên dùng trên địa bàn.	MH09_HienTrangGaDuongSai	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên ga đường sắt			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Đường sắt cao tốc			
									Đường sắt tốc độ cao			
									Đường sắt chuyên dùng			
									Ga đường sắt đô thị			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của ga đường sắt. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích của ga đường sắt (ha)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
20		MQ11	Định hướng phát triển ga đường sắt	Là định hướng phát triển ga đường sắt được xác định trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện ga đường	MQ11_DinhHuongPhatTrienGaDuongSai	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên ga đường sắt			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Đường sắt cao tốc			
									Đường sắt tốc độ cao			
									Đường sắt chuyên dùng			

				sắt thuộc đường sắt quốc gia; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện ga đường sắt thuộc đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng trên địa bàn.		địaDiem	CharacterString	Có thể Null	Đường sắt đô thị Địa điểm dự kiến của ga đường sắt. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của ga đường sắt (ha)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
21	MH10		Hiện trạng tuyến đường thủy nội địa	Là hiện trạng tuyến đường thủy nội địa được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện đường thủy nội địa quốc gia; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên ngành.	MH10_HienTrangTuyenDuongThuyNoiDia	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên tuyến đường thủy nội địa			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Đường thủy nội địa quốc gia Đường thủy nội địa địa phương Đường thủy nội địa chuyên ngành			
						tinhChat	CharacterString	Có thể Null	Đường thủy nội địa ven biển Đường thủy nội địa khác			
						capKyThuat	CharacterString	Có thể Null	Cấp kỹ thuật của đường thủy nội địa bao gồm: Cấp đặc biệt Cấp I Cấp II Cấp III Cấp IV Cấp V Cấp VI			
						diemDau	CharacterString	Có thể Null	Điểm đầu của đường thủy nội địa			
						diemCuoi	CharacterString	Có thể Null	Điểm cuối của đường thủy nội địa			
						chieuDai	Real	Có thể Null	Chiều dài của tuyến đường thủy nội địa (Km)			
						tenSongKenh	CharacterString	Có thể Null	Tên sông, kênh chính có tuyến đường thủy nội địa.			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhất			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
22		MQ12	Định hướng phát triển tuyến đường thủy nội địa	Là định hướng phát triển tuyến đường thủy nội địa được xác định trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện đường	MQ12_DinhHuongPhatTrieuTuyenDuongThuyNoiDia	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên tuyến đường thủy nội địa			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Đường thủy nội địa quốc gia Đường thủy nội địa địa phương Đường thủy nội địa chuyên ngành			
						tinhChat	CharacterString	Có thể Null	Đường thủy nội địa ven biển			

			thủy nội địa quốc gia; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên ngành.				Đường thủy nội địa khác				
					capKyThuat	CharacterString	Có thể Null	Cấp kỹ thuật của đường thủy nội địa bao gồm: Cấp đặc biệt Cấp I Cấp II Cấp III Cấp IV Cấp V Cấp VI			
					diemDau	CharacterString	Có thể Null	Điểm đầu dự kiến của đường thủy nội địa			
					diemCuoi	CharacterString	Có thể Null	Điểm cuối dự kiến của đường thủy nội địa			
					chieuDai	CharacterString	Có thể Null	Chiều dài dự kiến của tuyến đường thủy nội địa (Km)			
					tenSongKenh	CharacterString	Có thể Null	Tên sông, kênh chính có tuyến đường thủy nội địa.			
					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
23	MH11	Hiện trạng cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa	Là hiện trạng cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên ngành.	MH11_HienTrangCangHanhKhachThuyNoiDia	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa			
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
					tenSong	CharacterString	Có thể Null	Tên sông, kênh chính có cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa.			
					coTau	CharacterString	Có thể Null	Cỡ tàu khai thác của cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa (ghé)			
					congSuat	Integer	Có thể Null	Công suất của cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa (nghị lược hành khách/năm)			
					capCongTrinh	CharacterString	Có thể Null	Cấp công trình cảng, bến thủy nội địa bao gồm: Cấp đặc biệt Cấp I Cấp II Cấp III Cấp IV			
					tiếpNhanPhuongTienThuyNucNgoai	CharacterString	Có thể Null	Việc tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài của cảng, cụm cảng thủy nội địa bao gồm: Được tiếp nhận			

								Không được tiếp nhận				
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
24		MQ13	Định hướng phát triển cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa	Là định hướng phát triển cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa được xác định trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên ngành.	MQ13_DinhHuongPhatTrienCangHangKhachThuyNoiDia	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						tenSong	CharacterString	Có thể Null	Tên sông, kênh chính có cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa.			
						coTau	CharacterString	Có thể Null	Cỡ tàu khai thác dự kiến của cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa (ghế)			
						congSuat	Integer	Có thể Null	Công suất dự kiến của cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa (nghìn lượt hành khách/năm)			
						capCongTrinh	CharacterString	Có thể Null	Cấp công trình cảng, bến thủy nội địa bao gồm: Cấp đặc biệt Cấp I Cấp II Cấp III Cấp IV			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
25	MH12		Hiện trạng cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa	Là hiện trạng cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy	MH12_HienTrangCangHangHoaThuyNoiDia	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						tenSong	CharacterString	Có thể Null	Tên sông, kênh chính có cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa.			
						coTau	CharacterString	Có thể Null	Cỡ tàu khai thác của cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa (tấn)			
						congSuat	Integer	Có thể Null	Công suất của cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa (nghìn tấn/năm)			

				nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên ngành.		capCongTrinh	CharacterString	Có thể Null	Cấp công trình cảng, bến thủy nội địa bao gồm: Cấp đặc biệt Cấp I Cấp II Cấp III Cấp IV			
						khaNangTiepNhanPhuongTienNucNgoai	CharacterString	Có thể Null	Khả năng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài của cảng, cụm cảng thủy nội địa bao gồm: Được tiếp nhận Không được tiếp nhận			
						khaNangBocXepContainers	CharacterString	Có thể Null	Khả năng bốc xếp containers của cảng, cụm cảng thủy nội địa bao gồm: Bốc xếp được containers Không bốc xếp được containers			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
26	MQ14	Định hướng phát triển cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa	Là định hướng phát triển cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa được xác định trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên ngành	MQ14_DinhHuongPhatTrieuCangHangHoaThuyNoiDia	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point	GM_Point
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa				
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.				
					tenSong	CharacterString	Có thể Null	Tên sông, kênh chính có cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa.				
					coTau	CharacterString	Có thể Null	Cỡ tàu khai thác dự kiến của cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa (tấn)				
					congSuat	Integer	Có thể Null	Công suất dự kiến của cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa (nghìn tấn/năm)				
					capCongTrinh	CharacterString	Có thể Null	Cấp công trình cảng, bến thủy nội địa bao gồm: Cấp đặc biệt Cấp I Cấp II Cấp III Cấp IV				
					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên				
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt				
					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch				
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu				

27	MH13		Hiện trạng cảng hàng không, sân bay	Là hiện trạng cảng hàng không, sân bay được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện cảng hàng không quốc tế, cảng hàng không nội địa. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng hàng không quốc tế, cảng hàng không nội địa và sân bay chuyên dùng.	MH13_HienTrangCangHangKhongSanBay	maDoiTuong ten phanLoai diaDiem capSanBay congSuatThietKe dienTich nam nguon	CharacterString CharacterString Short Integer CharacterString CharacterString Integer Real Integer CharacterString	Bắt buộc Bắt buộc Bắt buộc Có thể Null Có thể Null Có thể Null Có thể Null Bắt buộc Bắt buộc	Mã đối tượng Tên cảng hàng không, sân bay Cảng hàng không quốc tế Cảng hàng không nội địa Sân bay chuyên dùng Địa điểm của cảng hàng không, sân bay. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã. Cấp sân bay theo theo mã tiêu chuẩn của ICAO Công suất thiết kế của cảng hàng không, sân bay (triệu khách/năm) Diện tích của cảng hàng không, sân bay (ha). Năm cập nhật Nguồn gốc dữ liệu	GM_Point	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
28	MQ15		Định hướng phát triển cảng hàng không, sân bay	Là định hướng phát triển cảng hàng không, sân bay được xác định trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện cảng hàng không quốc tế, cảng hàng không nội địa. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng hàng không quốc tế, cảng hàng không nội địa và sân bay chuyên dùng.	MQ15_DinhHuongPhatTrienCangHangKhongSanBay	maDoiTuong ten phanLoai diaDiem capSanBay congSuatThietKe dienTich loaiQuyHoach quyHoachBatDau quyHoachKetThuc nguon	CharacterString CharacterString Short Integer CharacterString CharacterString Integer Real CharacterString Date Date CharacterString	Bắt buộc Bắt buộc Bắt buộc Có thể Null Có thể Null Có thể Null Bắt buộc Bắt buộc Bắt buộc Bắt buộc Có thể Null	Mã đối tượng Tên cảng hàng không, sân bay Cảng hàng không quốc tế Cảng hàng không nội địa Sân bay chuyên dùng Địa điểm dự kiến của cảng hàng không, sân bay - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã. Cấp sân bay dự kiến theo theo mã tiêu chuẩn của ICAO Công suất thiết kế dự kiến của cảng hàng không, sân bay (triệu khách/năm) Diện tích dự kiến của cảng hàng không, sân bay (ha). Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch Nguồn gốc dữ liệu	GM_Point	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
29	MH14		Hiện trạng cảng biển	Là hiện trạng cảng biển được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể	MH14_HienTrangCangBiển	maDoiTuong ten nhomCangBien	CharacterString CharacterString CharacterString	Bắt buộc Bắt buộc Có thể Null	Mã đối tượng Tên cảng biển Nhóm cảng biển số 1 Nhóm cảng biển số 2 Nhóm cảng biển số 3	GM_Point	GM_Point	GM_Point

				hiện cảng biển loại đặc biệt và loại I. - Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng biển loại đặc biệt, loại I, II, III.					Nhóm cảng biển số 4 Nhóm cảng biển số 5			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại cảng biển bao gồm: Loại đặc biệt Loại I Loại II Loại III			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
30		MQ16	Định hướng phát triển cảng biển	Là định hướng phát triển cảng biển được xác định trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện cảng biển loại đặc biệt và loại I. - Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng biển loại đặc biệt, loại I, II, III.	MQ16 Định Hướng Phát Triển Cảng Biển	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cảng biển			
						nhomCangBien	CharacterString	Có thể Null	Nhóm cảng biển số 1 Nhóm cảng biển số 2 Nhóm cảng biển số 3 Nhóm cảng biển số 4 Nhóm cảng biển số 5			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại cảng biển bao gồm: Loại đặc biệt Loại I Loại II Loại III			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
31	MH15		Hiện trạng khu bến, bến cảng (cảng biển)	Là hiện trạng khu bến, bến cảng (cảng biển) được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	MH15 Hiện Trạng Khu Bến Cảng Biển	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Công trình khu bến, bến cảng			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại công trình bao gồm: Khu bến Bến cảng			
						cangDieu	CharacterString	Có thể Null	Tên cảng biển mà khu bến, bến cảng trực thuộc			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của khu bến, bến cảng. - Quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			

32		MQ17	Định hướng phát triển khu bến, bến cảng (cảng biển)	Là định hướng phát triển khu bến, bến cảng (cảng biển) được xác định trong quy hoạch	MQ17_DinhHuongPhatTrienKhuBenCangBien	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Công trình khu bến, bến cảng			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại công trình bao gồm:			
									Khu bến			
									Bến cảng			
						cangBien	CharacterString	Có thể Null	Tên cảng biển mà khu bến, bến cảng trực thuộc			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của khu bến, bến cảng			
									- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên									
quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt									
quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch									
nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu									
33	MH16		Hiện trạng cảng cạn	Là hiện trạng cảng cạn được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	MH16_HienTrangCangCan	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cảng cạn			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cảng cạn.			
									- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích của cảng cạn (ha)			
						nangLucThongQua	Integer	Có thể Null	Năng lực thông qua hàng hoá của cảng cạn (TEU/năm)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu									
34		MQ18	Định hướng phát triển cảng cạn	Là định hướng phát triển cảng cạn được xác định trong quy hoạch	MQ18_DinhHuongPhatTricoCangCan	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cảng cạn			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của cảng cạn.			
									- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của cảng cạn (ha)			
						nangLucThongQua	Integer	Có thể Null	Năng lực thông qua hàng hoá dự kiến của cảng cạn (TEU/năm)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			

						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
35	MH17		Hiện trạng hệ thống nông thôn	Là nông thôn hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện đến cấp xã.	MH17_HienTrangNongThon	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên			
						loaiDoiTuong	CharacterString	Có thể Null	Trung tâm xã Trung tâm cụm xã Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích (ha)			
						nam	Integer	Có thể Null	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
36		MQ19	Định hướng phát triển hệ thống nông thôn	Là định hướng phát triển hệ thống nông thôn được xác định trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện đến cấp xã.	MQ19_DinhHuongPhatTienNongThon	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên			
						loaiDoiTuong	CharacterString	Có thể Null	Trung tâm xã Trung tâm cụm xã Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến (ha)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
37	MH18		Hiện trạng không gian	Là hiện trạng không gian ngầm được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	MH18_HienTrangKhongGianNgam	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên đặc khu			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích của đặc khu (ha)			
						phanVung	CharacterString	Bắt buộc	Khu vực khai thác, sử dụng không gian ngầm Khu vực hạn chế khai thác, sử dụng không gian ngầm Khu vực cấm xây dựng công trình ngầm			
						nam	Integer	Có thể Null	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
38		MQ20	Định hướng phát triển không gian	Là phương hướng phân vùng phát triển không gian ngầm xác định trong quy hoạch.	MQ20_DinhHuongPhatTienKhongGianNgam	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên đặc khu			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của đặc khu (ha)			
						phanVung	CharacterString	Bắt buộc	Khu vực khai thác, sử dụng không gian ngầm Khu vực hạn chế khai thác, sử dụng không gian ngầm Khu vực cấm xây dựng công trình ngầm			

						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới			
									Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng			
									Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			

3. Công Thương

TT	Kiểu đối tượng địa lý			Tên lớp/nhóm lớp	Trường thuộc tính	Kiểu dữ liệu thuộc tính	Yêu cầu	Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính	Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học			
	Mã tên đối tượng địa lý		Tên						Mô tả	Quy hoạch tổng thể quốc gia	Quy hoạch vùng	Quy hoạch tỉnh
	Dữ liệu hiện trạng	Dữ liệu định hướng, phát triển										
1	NH01		Hiện trạng cụm công nghiệp	Là cụm công nghiệp hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	NH01_HienTrangCumCongNghiep	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cụm công nghiệp			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích cụm công nghiệp (ha)			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cụm công nghiệp chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						nganhNghe	CharacterString	Có thể Null	Ngành nghề hoạt động chủ yếu của cụm công nghiệp			
						thoiHan	Short Integer	Có thể Null	Năm hết hạn hoạt động của cụm công nghiệp			
						tyLeLapDay	CharacterString	Có thể Null	Tỷ lệ lấp đầy cụm công nghiệp (%)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
2	NQ01		Định hướng phát triển cụm công nghiệp	Là cụm công nghiệp được định hướng phát triển trong quy hoạch	NQ01_DinhHuongCumCongNghiep	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cụm công nghiệp			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của cụm công nghiệp (ha)			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của cụm công nghiệp chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						nganhNghe	CharacterString	Có thể Null	Định hướng ngành nghề hoạt động chủ yếu của cụm công nghiệp			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			

3	NH02		Hiện trạng chợ	Là chợ quan trọng của tỉnh (hạng I) được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	NH02_HienTrangCho	nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			GM_Point
						maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên chợ			
						diaTich	Real	Có thể Null	Diện tích chợ (ha)			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của chợ chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
4	NQ02		Định hướng phát triển chợ	Là chợ quan trọng của tỉnh (hạng I) được định hướng phát triển trong quy hoạch	NQ02_DinhHuongPhatTienCho	nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			GM_Point
						maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên chợ			
						diaTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của chợ (ha)			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của chợ chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
						5	NH03		Hiện trạng nhà máy điện			
ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên nhà máy điện									
diaTich	Real	Có thể Null	Diện tích nhà máy điện (ha)									
diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của nhà máy điện. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã									
loaiDien	CharacterString	Có thể Null	Thủy điện Điện gió Điện mặt trời Điện địa nhiệt Điện thủy triều Nhiệt điện Điện hạt nhân Nguồn khác									
congSuat	Real	Có thể Null	Công suất của nhà máy điện (MW)									
nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật									
nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu									

				gia, quy hoạch vùng; nguồn điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.								
6		NQ03	Định hướng phát triển nhà máy điện.	Là nhà máy điện được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện các nhà máy điện có quy mô công suất của công trình cấp đặc biệt trở lên. - Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện các nhà máy điện đã được các định trong quy hoạch cấp quốc gia trên địa bàn vùng. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện các nhà máy điện đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; nguồn điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.	NQ03_DinhHuongNhaMayDien	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên nhà máy điện			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến nhà máy điện (ha)			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của nhà máy điện. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						loaiDien	CharacterString	Có thể Null	Thủy điện			
					Điện gió							
					Điện mặt trời							
					Điện địa nhiệt							
					Điện thủy triều							
					Nhiệt điện							
					Điện hạt nhân							
						nguồn khác						
						congSuat	Real	Có thể Null	Công suất dự kiến của nhà máy điện (MW)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới			
									Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng			
									Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
7	NH04		Hiện trạng trạm biến áp	Là trạm biến áp của lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện các trạm trạm siêu cao áp (trên 220 KV); - Quy hoạch vùng: Thể hiện trạm biến áp của lưới	NH04_HienTrangTramBienAp	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trạm biến áp			
						loaiDien	CharacterString	Bắt buộc	Lưới điện bao gồm: Lưới điện truyền tải Lưới điện phân phối			
						capDienApDanhDinh	Integer	Bắt buộc	Cấp điện áp danh định của lưới điện (kV): 500 220 110			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của trạm biến áp. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành			

				điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện các trạm biến áp của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; lưới điện phân phối cao áp và trung áp phạm vi liên xã trở lên.				chính cấp xã.				
						congSuat	Real	Có thể Null	Công suất của trạm biến áp (MVA)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
8		NQ04	Định hướng phát triển trạm biến áp	Là trạm biến áp của lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện các trạm siêu cao áp (trên 220 kV); - Quy hoạch vùng: Thể hiện trạm biến áp của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện các trạm biến áp của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; lưới điện phân phối cao áp và trung áp phạm vi liên xã trở lên.	NQ04_DinhHuongTramBienAp	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trạm biến áp			
						lướiDien	CharacterString	Bắt buộc	Lưới điện bao gồm: Lưới điện truyền tải Lưới điện phân phối			
						capDienApDanhDinh	Integer	Bắt buộc	Cấp điện áp danh định của lưới điện (kV): 500 220 110			
						địaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của trạm biến áp. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						congSuat	Real	Có thể Null	Công suất dự kiến của trạm biến áp (MVA)			
						loạiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
9	NH05		Hiện trạng đường dây	Là hiện trạng đường dây của	NH05_HienTrangDuo	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Polyline	GM_Polyline	GM_Polyline
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên đường dây điện			

			truyền tải phân phối	lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện đường dây siêu cao áp (trên 220 KV); - Quy hoạch vùng: Thể hiện đường dây của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện các đường dây của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; lưới điện phân phối cao áp và trung áp phạm vi liên xã trở lên.	ngDayTruyenTaiPhanPhoiDien	loiDien	CharacterString	Bắt buộc	Lưới điện bao gồm: Lưới điện truyền tải Lưới điện phân phối			
						capDienApDanhDinh	CharacterString	Bắt buộc	Cấp điện áp danh định của lưới điện (kV): 500 220 110			
						soMach	Integer	Có thể Null	Số mạch của đường dây điện			
						chieuDai	Real	Có thể Null	Chiều dài của đường dây điện (Km)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
10		NQ05	Định hướng phát triển đường dây truyền tải, phân phối	Là đường dây của lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện đường dây siêu cao áp (trên 220 KV); - Quy hoạch vùng: Thể hiện đường dây của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện đường	NQ05_DinhHuongDuongDayTruyenTaiPhanPhoiDien	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Poly line	GM_Poly line	GM_Poly line
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên đường dây điện			
						loiDien	CharacterString	Bắt buộc	Lưới điện bao gồm: Lưới điện truyền tải Lưới điện phân phối			
						capDienApDanhDinh	CharacterString	Bắt buộc	Cấp điện áp danh định của lưới điện (kV): 500 220 110			
						soMach	Integer	Có thể Null	Số mạch của đường dây điện			
						chieuDai	Real	Có thể Null	Chiều dài của đường dây điện (Km)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			

				đây của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; lưới điện phân phối cao áp và trung áp phạm vi liên xã trở lên.		nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
11	NH06		Hiệu trạng trung tâm logistics	Là hiện trạng trung tâm logistics được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện trung tâm logistics hạng I, hạng II, trung tâm logistic chuyên dụng hàng không. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện trung tâm logistics hạng I, hạng II, trung tâm logistic chuyên dụng hàng không, trung tâm logistics cấp tỉnh.	NH06_Hie nTrangLogi stics	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Poin t	GM_Poly gon hoặc GM_Poin t
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trung tâm logistics			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Trung tâm logistics hạng I cấp quốc gia và quốc tế			
									Trung tâm logistics hạng II cấp vùng, tiểu vùng và hành lang kinh tế			
									Trung tâm logistics chuyên dụng hàng không			
									Trung tâm logistics cấp tỉnh			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của trung tâm logistics. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích của trung tâm logistics (ha)			
nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật									
nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu									
12	NQ06		Định hướng phát triển trung tâm logistics	Là trung tâm logistics được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện trung tâm logistics hạng I, hạng II, trung tâm logistic chuyên dụng hàng không. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện trung tâm logistics hạng I, hạng II, trung tâm logistic chuyên	NQ06_Din hHuongPha tTrienLogis tics	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Poin t	GM_Poly gon hoặc GM_Poin t
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trung tâm Logistics			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Trung tâm logistics hạng I cấp quốc gia và quốc tế			
									Trung tâm logistics hạng II cấp vùng, tiểu vùng và hành lang kinh tế			
									Trung tâm logistics chuyên dụng hàng không			
									Trung tâm logistics cấp tỉnh			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của trung tâm logistics			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của trung tâm logistics (ha)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới			
									Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng			
									Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch									
nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu									

				dụng hàng không, trung tâm logistics cấp tỉnh.									
13	NH07		Hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng	Là kết cấu hạ tầng năng lượng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng; - Quy hoạch tỉnh.	NH07_HienTrangPhatTrienKetCauHaTangNangLuong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên kết cấu hạ tầng năng lượng				
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại kết cấu hạ tầng năng lượng bao gồm: Điện lực Than Dầu khí Năng lượng mới Năng lượng tái tạo Năng lượng khác				
						quyMo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô của kết cấu hạ tầng năng lượng				
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của kết cấu hạ tầng năng lượng - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.				
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật				
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu				
14		NQ07	Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng	Là kết cấu hạ tầng năng lượng được định hướng trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng; - Quy hoạch tỉnh.	NQ07_DinhHuongPhatTrienKetCauHaTangNangLuong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên kết cấu hạ tầng năng lượng				
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại kết cấu hạ tầng năng lượng bao gồm: Điện lực Than Dầu khí Năng lượng mới Năng lượng tái tạo Năng lượng khác				
						quyMo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô dự kiến của kết cấu hạ tầng năng lượng				
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của kết cấu hạ tầng năng lượng. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.				
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên				
						quyHoachBotDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt				
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch				
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu				
15	NH08		Hiện trạng hạ	Là kết cấu hạ tầng	NH08_Hie	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Poin	GM_Poin

			lăng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng. - Quy hoạch tỉnh.	nTrangHaTangDuTruCungUngXangDauKhiDot	ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt		t	t
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại xăng dầu, khí đốt bao gồm: Xăng dầu Khí đốt			
						quyMo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô của hạ tầng xăng dầu, khí đốt			
						LoaiHinh	CharacterString	Bắt buộc	Loại hình của hạ tầng xăng dầu, khí đốt bao gồm: Dự trữ Cung ứng			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhất			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
16		NQ08	Định hướng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt	Là kết cấu hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt được định hướng trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng. - Quy hoạch tỉnh.	NQ08_DinhHuongPhatTienHaTangDuTruCungUngXangDauKhiDot	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Poin	GM_Poin
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt		t	t
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại xăng dầu, khí đốt bao gồm: Xăng dầu Khí đốt			
						quyMo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô dự kiến của hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt.			
						LoaiHinh	CharacterString	Bắt buộc	Loại hình của hạ tầng xăng dầu, khí đốt bao gồm: Dự trữ Cung ứng			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			

4. Nông nghiệp và Môi trường

TT	Kiểu đối tượng địa lý			Tên lớp/nhóm lớp	Trường thuộc tính	Kiểu dữ liệu thuộc tính	Yêu cầu	Tên (nhân)/Mô tả thuộc tính	Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu bình học			
	Mã tên kiểu đối tượng địa lý		Tên						Mô tả	Quy hoạch lồng thể quốc gia	Quy hoạch vùng	Quy hoạch tỉnh
	Dữ liệu hiện trạng	Dữ liệu định hướng phát triển										
1	PH01		Hiện trạng phát triển rừng	Là hiện trạng phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất được phân tích, đánh giá trong quy hoạch - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng; thể hiện rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất do trung ương quản lý; - Quy hoạch tỉnh: thể hiện rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất do trung ương, địa phương quản lý.	PH01_HienTrangPhatTrienRung	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên rừng			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Rừng đặc dụng Rừng phòng hộ Rừng sản xuất là rừng trồng Rừng sản xuất là rừng tự nhiên			
						capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất bao gồm: Trung ương Cấp tỉnh			
						dienTich	Real	Bắt buộc	Diện tích			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
2	PQ01	Định hướng phát triển rừng	Là định hướng phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất được xác định trong quy hoạch: - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng; thể hiện rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất do trung ương quản lý; - Quy hoạch tỉnh: thể hiện rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất do trung ương, địa phương quản lý.	PQ01_DinhHuongPhatTrienRung	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon	
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên rừng				
					phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Rừng đặc dụng Rừng phòng hộ Rừng sản xuất là rừng trồng Rừng sản xuất là rừng tự nhiên				
					capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất bao gồm: Trung ương Cấp tỉnh				
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích				
					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên				

				phương quản lý		quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
3	PH02		Hiện trạng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Là khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	PH02_HienTrangNongNghiepCongNghepCao	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (ha)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
4		PQ02	Định hướng phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Là khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được định hướng phát triển trong quy hoạch	PQ02_DinhHuongNongNghiepCongNghepCao	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (ha)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
5	PH03		Hiện trạng khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Tên khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao	PH03_HienTrangLamNghiepCongNghepCao	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao (ha)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
6		PQ03	Định hướng phát triển khu	Là khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao	PQ03_DinhHuongLamNongNghiepCongNghepCao	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao			

			lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao	ngành cao được định hướng phát triển trong quy hoạch	ghiepCongNgheCao	diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Đối với quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.		GM_Polygon	GM_Polygon
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao (ha)			
						loaiQuyhoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
7	PH04		Hiện trạng vùng sản xuất nông nghiệp tập trung	Là vùng sản xuất nông nghiệp tập trung được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	PH04_HienTrangVungSanXuatNongNghiepTapTrung	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên vùng sản xuất nông nghiệp tập trung			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Vùng sản xuất trồng trọt tập trung Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung Vùng chăn nuôi tập trung Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung khác			
						sanPhamChuYeu	CharacterString	Có thể Null	Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của vùng sản xuất nông nghiệp tập trung			
						dienTich	Real	Bắt buộc	Diện tích của vùng sản xuất nông nghiệp tập trung (ha)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Nam cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
8		PQ04	Định hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung	Là vùng sản xuất nông nghiệp tập trung được định hướng phát triển trong quy hoạch	PQ04_DinhHuongPhatTricuVungSanXuaNongNghiepTapTrung	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên vùng sản xuất nông nghiệp tập trung			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Vùng sản xuất trồng trọt tập trung Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung Vùng chăn nuôi tập trung Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung khác			
						sanPhamChuYeu	CharacterString	Có thể Null	Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của vùng sản xuất nông nghiệp tập trung			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích của vùng sản xuất nông nghiệp tập trung (ha)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
9	PH05		Hiện trạng khu	Là khu bảo tồn biển	PH05_HienTrang	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point

			bảo tồn biển	được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng; Thể hiện khu bảo tồn biển cấp quốc gia. - Quy hoạch tỉnh; Thể hiện khu bảo tồn biển cấp quốc gia, cấp tỉnh.	rangKhuBaoTonBien	ten CharacterString Bắt buộc Tên khu bảo tồn biển		hoặc GM_Polygon	hoặc GM_Polygon	hoặc GM_Polygon
						phanCap CharacterString Bắt buộc Khu bảo tồn biển quốc gia Khu bảo tồn biển cấp tỉnh				
						phanLoai CharacterString Có thể Null Vườn quốc gia Khu dự trữ thiên nhiên Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Khu bảo vệ cảnh quan				
						diaDiem CharacterString Có thể Null Địa điểm của khu bảo tồn biển. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng; Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh; Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.				
						dienTich Real Có thể Null Diện tích của khu bảo tồn biển (ha)				
						nam Integer Bắt buộc Năm cập nhật				
						nguồn CharacterString Bắt buộc Nguồn gốc dữ liệu				
10		PQ05	Định hướng phát triển khu bảo tồn biển	Là khu bảo tồn biển được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng; Thể hiện khu bảo tồn biển cấp quốc gia. - Quy hoạch tỉnh; Thể hiện khu bảo tồn biển cấp quốc gia, cấp tỉnh.	PQ05_DinhHuongPhatTienKhuBaoTonBien	maDoiTuong CharacterString Bắt buộc Mã đối tượng		GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten CharacterString Bắt buộc Tên khu bảo tồn biển				
						phanCap CharacterString Bắt buộc Khu bảo tồn biển quốc gia Khu bảo tồn biển cấp tỉnh				
						phanLoai CharacterString Bắt buộc Vườn quốc gia Khu dự trữ thiên nhiên Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Khu bảo vệ cảnh quan				
						diaDiem CharacterString Có thể Null Địa điểm dự kiến của khu bảo tồn biển. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng; Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh; Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.				
						dienTich Real Có thể Null Diện tích của khu bảo tồn biển (ha)				
						loaiQuyHoach CharacterString Bắt buộc Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh luận trạng Quy hoạch giữ nguyên				
						quyHoachBatDau Date Bắt buộc Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt				
						quyHoachKetThuc Date Bắt buộc Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch				
						nguồn CharacterString Có thể Null Nguồn gốc dữ liệu				
11	PH06		Hiện trạng khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Là khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	PH06_HienTrangKhuBaoVeNguonLoiThuySan	maDoiTuong CharacterString Bắt buộc Mã đối tượng				GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten CharacterString Bắt buộc Tên khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản				
						diaDiem CharacterString Có thể Null Địa điểm của khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.				
						dienTich Real Có thể Null Diện tích của khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản (ha)				
						doiTuongBaoVe CharacterString Có thể Null Đối tượng bảo vệ của khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản				

						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
12		PQ06	Định hướng phát triển khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Là khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản được định hướng phát triển trong quy hoạch.	PQ06_DinhHuongPhatTriaKhuBaoVeNgonLoiThuySan	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản (ha)			
						doiTuongBaoVe	CharacterString	Có thể Null	Đối tượng bảo vệ của khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới			
									Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng			
									Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
13	PH07		Hiện trạng phân vùng khai thác thủy sản	Là phân vùng khai thác thủy sản hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	PH07_HienTrangVungKhaiThacThuySan	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên vùng khai thác thủy sản			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích vùng khai thác thủy sản ven bờ (ha)			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại vùng khai thác thủy sản bao gồm:			
									Vùng ven bờ			
									Vùng lồng			
									Vùng khơi			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
14		PQ07	Định hướng phân vùng khai thác thủy sản	Là phân vùng khai thác thủy sản được định hướng phát triển trong quy hoạch	PQ07_DinhHuongPhatTriaVungKhaiThacThuySan	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên vùng khai thác thủy sản			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại vùng khai thác thủy sản bao gồm:			
									Vùng ven bờ			
									Vùng lồng			
									Vùng khơi			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của vùng khai thác thủy sản (ha)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới			
									Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng			
									Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
15	PH08		Hiện trạng hệ thống cảng cá	Là cảng cá được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	PH08_HienTrangHeThongCangCa	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cảng cá			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cảng cá.			

				- Quy hoạch vùng: Thể hiện cảng cá loại I. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng cá loại I, II, III.					- Đối với quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
					phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Cảng cá loại I Cảng cá loại II Cảng cá loại III				
					tongSanLuong	Integer	Có thể Null	Tổng lượng hàng thủy sản qua cảng trong 1 năm (tấn/năm).				
					nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật				
					nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu				
16	PQ08	Định hướng phát triển hệ thống cảng cá	Là cảng cá được định hướng phát triển trong quy hoạch: - Quy hoạch vùng: Thể hiện cảng cá loại I - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng cá loại I, II, III.	PQ08_DinhHuongPhatTrienHeThongCangCa	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng				GM_Point
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cảng cá				
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của cảng cá. - Đối với quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.				
					phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Cảng cá loại I Cảng cá loại II Cảng cá loại III				
					tongSanLuong	Integer	Có thể Null	Tổng lượng hàng thủy sản qua cảng trong 1 năm (tấn/năm).				
					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên				
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt				
					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch				
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu				
17	PH09	Hiện trạng khu neo đậu tránh trú bão	Là khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp vùng; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp vùng, cấp tỉnh.	PH09_HienTrangKhuNeoDauTranhTruBao	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point	GM_Point
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu neo đậu tránh trú bão				
					phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Cấp vùng Cấp tỉnh				
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm khu neo đậu tránh trú bão. - Đối với quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.				
					doSauVangNuoc	Real	Bắt buộc	Độ sâu vùng nước khu neo đậu tàu (m)				
					sucChua	Integer	Có thể Null	Sức chứa tàu cá tại vùng nước khu neo đậu tàu (chiếc)				

						coTauLonNhat	Integer	Có thể Null	Cỡ loại tàu lớn nhất vào được khu neo đậu (m)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
18		PQ09	Định hướng phát triển khu neo đậu tránh trú bão	Là khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng, cấp tỉnh.	PQ09_DinhHuongPhatTrienKhuNeoDauTranhTruBao	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu neo đậu tránh trú bão			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Cấp vùng Cấp tỉnh			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của khu neo đậu tránh trú bão - Đối với quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						doSauVungNuoc	Real	Bắt buộc	Độ sâu vùng nước khu neo đậu tàu (m)			
						sucChua	Integer	Có thể Null	Sức chứa tàu cá dự kiến của vùng nước khu neo đậu tàu (chiếc)			
						coTauLonNhat	Integer	Có thể Null	Cỡ loại tàu lớn nhất dự kiến vào được khu neo đậu (m)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
19		PQ10	Định hướng phân vùng rủi ro thiên tai	Là định hướng phân vùng rủi ro thiên tai được xác định trong quy hoạch.	PQ10_DinhHuongPhanVungRuiRoThienTai	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên phân vùng			
						loaiHinhThienTai	CharacterString	Bắt buộc	Loại hình thiên tai điển hình của phân vùng theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai bao gồm: - Áp thấp nhiệt đới, bão - Nước dâng - Mưa lớn - Lũ, ngập lụt - Lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy - Nắng nóng - Hạn hán hoặc sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán - Xâm nhập mặn - Gió mạnh trên biển - Sương mù - Lốc, sét, mưa đá - Rét hại, sương muối - Cháy rừng do tự nhiên - Loại hình thiên tai khác.			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			

20	PQ11	Lưu lượng và mực nước lũ thiết kế của tuyến sông có đê	Là lưu lượng và mực nước lũ thiết kế trong phương án phòng, chống lũ của các tuyến sông có đê của quy hoạch.	PQ11_LưuLũ ongVaMucN uocLu	maDoiTuong viTri tuyenDe tuyenSong maSong diaDanh Qtk Htk quyHoachDatDau quyHoachKetThuc nguồn	CharacterString CharacterString CharacterString CharacterString CharacterString Integer Integer Date Date CharacterString	Bắt buộc Bắt buộc Bắt buộc Bắt buộc Có thể Null Có thể Null Bắt buộc Bắt buộc Bắt buộc Bắt buộc Có thể Null	Mã đối tượng Vị trí theo Km của tuyến đê sông Tuyến đê sông Tuyến sông có đê Mã sông Địa danh (xã, phường, công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai...) tại vị trí xác định lưu lượng và mực nước lũ thiết kế của tuyến sông có đê Lưu lượng lũ thiết kế tại vị trí xác định của tuyến sông có đê (m ³ /s) Mực nước lũ thiết kế tại vị trí xác định của tuyến đê (m) Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch Nguồn gốc dữ liệu			GM_Point
21	PH10	Hiện trạng hệ thống đê điều	Là hệ thống đê điều được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện hệ thống đê liên tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện hệ thống đê liên tỉnh, nội tỉnh.	PH10_HienT rangHeThon gDeDimu	maDoiTuong ten phanLoai diaDien capDe viTriKmDau viTriKmCuoi chieuDai dienTichVungBaoVe danSoVungBaoVe nam nguồn	CharacterString CharacterString CharacterString CharacterString Integer CharacterString CharacterString CharacterString Integer Integer Integer CharacterString	Bắt buộc Bắt buộc Có thể Null Có thể Null Có thể Null Có thể Null Có thể Null Có thể Null Bắt buộc Bắt buộc Bắt buộc Bắt buộc	Mã đối tượng Tên tuyến đê Phân loại đê bao gồm: Đê sông, đê biển, đê cửa sông, đê bồi, đê bao, đê chuyên dùng Địa điểm của tuyến đê - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã. Cấp đê bao gồm: Cấp đặc biệt Cấp I Cấp II Cấp III Cấp IV Cấp V Vị trí điểm đầu theo Km đê của tuyến đê. Vị trí điểm cuối theo Km đê của tuyến đê Chiều dài của tuyến đê (Km) Diện tích vùng bảo vệ của tuyến đê (ha) Dân số vùng bảo vệ của tuyến đê (người) Năm cập nhật Nguồn gốc dữ liệu		GM_Polyli ne	GM_Polyli pc
22	PQ12	Định hướng phát triển hệ thống đê điều	Là hệ thống đê điều được định hướng phát triển trong quy	PQ12_Dinh HuongPhatTr ienHeThong	maDoiTuong ten phanLoai	CharacterString CharacterString CharacterString	Bắt buộc Bắt buộc Có thể Null	Mã đối tượng Tên tuyến đê Phân loại đê bao gồm:		GM_Polyli ne	GM_Polyli ne

				<p>hoạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch vùng <p>Thể hiện hệ thống đê liên tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch tỉnh: <p>Thể hiện hệ thống đê liên tỉnh, nội tỉnh.</p>	DeDieu				<p>Đê sông</p> <p>Đê biển</p> <p>Đê cửa sông</p> <p>Đê bô</p> <p>Đê bao</p> <p>Đê chuyên dùng</p>			
						điaDiem	CharacterString	Có thể Null	<p>Địa điểm của tuyến đê.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã. 			
						capDe	Integer	Có thể Null	<p>Cấp đê bao gồm:</p> <p>Cấp đặc biệt</p> <p>Cấp I</p> <p>Cấp II</p> <p>Cấp III</p> <p>Cấp IV</p> <p>Cấp V</p>			
						viTriKmDau	CharacterString	Có thể Null	Vị trí điểm đầu theo Km đê của tuyến đê.			
						viTriKmCuoi	CharacterString	Có thể Null	Vị trí điểm cuối theo Km đê của tuyến đê			
						chieuDai	CharacterString	Có thể Null	Chiều dài của tuyến đê (Km)			
						dienTichVungBaoVe	Real	Có thể Null	Diện tích vùng bảo vệ của tuyến đê (ha)			
						danSoVungBaoVe	Integer	Có thể Null	Dân số vùng bảo vệ của tuyến đê (người)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	<p>Quy hoạch mới</p> <p>Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng</p> <p>Quy hoạch giữ nguyên</p>			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
23		PQ13	Định hướng phân vùng cấp nước của hệ thống thủy lợi	<p>Là phân vùng cấp nước của hệ thống thủy lợi được định hướng phát triển trong quy hoạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện phân vùng cấp nước của hệ thống thủy lợi có phạm vi liên tỉnh trở lên. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện phân 	PQ13_DinhHuongPhanVungThuyLoi	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Polygon	GM_Polygon	
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên tiểu vùng			
						dienTichCapNuc	Real	Có thể Null	Diện tích cấp nước của tiểu vùng (ha)			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			

				vùng cấp nước của hệ thống thủy lợi có phạm vi liên xã trở lên.								
24		PQ14	Định hướng phân vùng tiêu thoát nước của hệ thống thủy lợi	Là phân vùng tiêu thoát nước của hệ thống thủy lợi được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện phân vùng tiêu thoát nước của hệ thống thủy lợi phạm vi liên tỉnh trở lên; - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện phân vùng tiêu thoát nước của hệ thống thủy lợi phạm vi liên xã trở lên.	PQ14_DinhHuongPhanVungTieuUngThoatLu	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Polygon	GM_Polygon	
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên tiêu vùng			
						dienTichTieuThoat	Real	Có thể Null	Diện tích tiêu úng, thoát lũ của tiêu vùng (ha)			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối công của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
25	PH11		Hiệu trạng đập, hồ chứa nước	Là Đập, hồ chứa nước được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa nước lớn; - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt; đập, hồ chứa nước lớn; đập, hồ chứa nước vừa; đập, hồ chứa nước nhỏ.	PH11_HienTrangDapHoChuaThuyLoi	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Polygon hoặc GM_Point	GM_Polygon hoặc GM_Point	
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên đập, hồ chứa nước			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của đập, hồ chứa nước. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						loaiHinhDapHoChuaNuc	CharacterString	Có thể Null	Loại hình đập, hồ chứa nước bao gồm: Đập, hồ chứa thủy lợi Đập, hồ chứa thủy điện			
						capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý công trình bao gồm: Trung ương Cấp tỉnh			
						phanLoaiDapHoChuaNuc	CharacterString	Bắt buộc	Đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt Đập, hồ chứa nước lớn Đập, hồ chứa nước vừa Đập, hồ chứa nước nhỏ			
						capCongTrinhThuyLoi	CharacterString	Có thể Null	Cấp công trình thủy lợi bao gồm: Đặc biệt Cấp I Cấp II Cấp III			

						Cấp IV						
						dungTich	Integer	Có thể Null	Dung tích chứa nước của đập, hồ chứa nước ứng với mực nước dâng bình thường (triệu m ³)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
26		PQ15	Định hướng phát triển đập, hồ chứa nước	Là đập, hồ chứa nước được định hướng phát triển trong quy hoạch: - Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa nước lớn. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt; đập, hồ chứa nước vừa; đập, hồ chứa nước nhỏ.	PQ15_DinhHuongPhatTrienDapHoThuyLoi	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Polygon hoặc GM_Point	GM_Polygon hoặc GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên đập, hồ chứa nước			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của đập, hồ chứa nước. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						loaiHinhDapHoChuaNuc	CharacterString	Có thể Null	Loại hình đập, hồ chứa nước bao gồm: Đập, hồ chứa thủy lợi Đập, hồ chứa thủy điện			
						capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý công trình bao gồm: Trung ương Cấp tỉnh			
						phanLoaiDapHoChuaNuc	CharacterString	Bắt buộc	Đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt Đập, hồ chứa nước lớn Đập, hồ chứa nước vừa Đập, hồ chứa nước nhỏ			
						capCongTrinhThuyLoi	CharacterString	Có thể Null	Cấp công trình thủy lợi bao gồm: Đặc biệt Cấp I Cấp II Cấp III Cấp IV			
						dungTich	Integer	Có thể Null	Dung tích chứa nước dự kiến của đập, hồ chứa nước ứng với mực nước dâng bình thường (triệu m ³)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
27	PH12		Hiện trạng trạm bơm tưới, tiêu nước	Là trạm bơm tưới, tiêu nước được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch	PH12_HienTrangTramBom	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trạm bơm			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của trạm bơm. - Đối với quy hoạch vùng Chi tiết đến đơn vị hành cấp tỉnh.			

			vùng: Thể hiện trạm bơm lớn - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện trạm bơm lớn, trạm bơm vừa, trạm bơm nhỏ.					- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
					capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý công trình; Trung ương; Cấp tỉnh			
					phanLoaiCongTrinh	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại công trình bao gồm: Trạm bơm lớn Trạm bơm vừa Trạm bơm nhỏ			
					phanLoaiNhiemVu	CharacterString	Có thể Null	Phân loại theo nhiệm vụ bao gồm:; trạm bơm tiêu, trạm bơm tưới tiêu kết hợp. Trạm bơm tưới Trạm bơm tiêu Trạm bơm tưới tiêu kết hợp			
					capCongTrinhThuyLoi	CharacterString	Có thể Null	Cấp công trình thủy lợi bao gồm:; cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV Đặc biệt Cấp I Cấp II Cấp III Cấp IV			
					luuLuong	Integer	Có thể Null	Tổng lưu lượng của trạm bơm (m ³ /h)			
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích tưới nước, tiêu nước và cấp nước của trạm bơm (ha)			
					nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
					nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
28	PQ16	Định hướng phát triển trạm bơm tưới, tiêu nước	Là trạm bơm tưới, tiêu nước được định hướng phát triển trong quy hoạch: - Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện trạm bơm lớn - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện trạm bơm lớn, trạm bơm vừa, trạm bơm nhỏ.	PQ16_DinhHuongPhatTienTramBom	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trạm bơm			
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của trạm bơm. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
					capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý công trình. Trung ương; Cấp tỉnh			
					phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại trạm bơm bao gồm: Trạm bơm lớn Trạm bơm vừa Trạm bơm nhỏ			
					phanLoaiNhiemVu	CharacterString	Có thể Null	Trạm bơm tưới Trạm bơm tiêu Trạm bơm tưới tiêu kết hợp			
					capCongTrinhThuyLoi	CharacterString	Có thể Null	Cấp công trình thủy lợi dự kiến bao gồm:			

								Đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV			
								Cấp I			
								Cấp II			
								Cấp III			
								Cấp IV			
						luuLuong	Integer	Có thể Null	Tổng lưu lượng dự kiến của trạm bơm (m ³ /h)		
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích tưới nước, tiêu nước và cấp nước dự kiến của trạm bơm (ha)		
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới		
									Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng		
									Quy hoạch giữ nguyên		
						quyHoachBaiDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt		
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch		
						nguan	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu		
29	PH13		Hiện trạng công	Là công được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện công lớn, công vừa; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện công lớn, công vừa, công nhỏ.	PH13_HienTrangCong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên công đầu mối		
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của công. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.		
						capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý công trình bao gồm: Trung ương Cấp tỉnh		
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại công bao gồm: Công lớn Công vừa Công nhỏ		
						tinhChat	CharacterString	Có thể Null	Tính chất của công bao gồm: Công dưới đê biển, công dưới đê sông, công trên sông. Công dưới đê biển Công dưới đê sông Công trên đê sông		
						phanLoaiNhiemVu	CharacterString	Có thể Null	Phân loại nhiệm vụ của công bao gồm: Công tưới Công tiêu Công tưới tiêu kết hợp		
						capCongTrinhThuyLo	CharacterString	Có thể Null	Cấp công trình thủy lợi bao gồm: Đặc biệt Cấp I		
										GM_Point	GM_Point

								Cấp II			
								Cấp III			
								Cấp IV			
						khauDo	Real	Có thể Null	Khẩu độ của công đầu mới (m)		
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật		
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu		
30		PQ17	Định hướng phát triển công	Là công được định hướng phát triển trong quy hoạch: - Quy hoạch vùng: Thể hiện công lớn, công vừa; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện công lớn, công vừa, công nhỏ.	PQ17_DinhHuongPhatTrienCong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên công		
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của công. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã		
						capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý công trình bao gồm: trung ương, địa phương		
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại công bao gồm:		
					Công lớn						
					Công vừa						
									Công nhỏ		
						tinhChat	CharacterString	Có thể Null	Tình chất của công bao gồm: Công dưới đê biển, công dưới đê sông, công trên sông.		
					Công dưới đê biển						
					Công dưới đê sông						
					Công trên đê sông						
						phanLoaiNhiemVu	CharacterString	Có thể Null	Phân loại nhiệm vụ của công bao gồm:		
					Công tưới						
					Công tiêu						
									Công tưới tiêu kết hợp		
						capCongTrinh	CharacterString	Có thể Null	Cấp công trình thủy lợi bao gồm:		
					Đặc biệt						
					Cấp I						
					Cấp II						
					Cấp III						
								Cấp IV			
						khauDo	Real	Có thể Null	Khẩu độ dự kiến của công (m)		
										GM_Point	GM_Point

						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
31	PH14		Hiện trạng hệ thống kênh dẫn truyền nước	Là hệ thống dẫn, chuyển nước bao gồm kênh, mương, rạch, tuyenl, xi phông, cầu máng (gọi tắt là kênh) được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện kênh lớn, kênh vừa; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện kênh lớn, kênh vừa và kênh nhỏ.	PH14_HienTrangKenhDauTruyenNuo	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Polyline	GM_Polyline
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên kênh			
						luuLuong	Integer	Có thể Null	Lưu lượng của kênh (m ³ /s)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
32		PQ18	Định hướng phát triển hệ thống kênh dẫn truyền nước	Là hệ thống dẫn, chuyển nước bao gồm kênh, mương, rạch, tuyenl, xi phông, cầu máng (gọi tắt là kênh) được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện kênh lớn, kênh vừa; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện kênh lớn, kênh vừa và kênh nhỏ.	PQ18_DinhHuongPhatTienKenhDanTruyenNuo	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Polyline	GM_Polyline
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên kênh			
						luuLuong	Integer	Có thể Null	Lưu lượng dự kiến của kênh (m ³ /s)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
33	PH15		Hiện trạng lưu vực sông liên tỉnh	Là lưu vực sông liên tỉnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	PH15_HienTrangLuuVucSongLienTinh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Polygon	
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên lưu vực sông liên tỉnh			
						maSong	CharacterString	Có thể Null	Mã sông theo quy định pháp luật			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích lưu vực sông liên tỉnh (ha)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
34	PH16		Hiện trạng sông liên tỉnh	Là hiện trạng sông (sông, suối, kênh, rạch) liên tỉnh	PH16_HienTrangSongLienTinh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Polyline	GM_Polyline
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên sông (sông, suối, kênh, rạch) liên tỉnh			

				ạch) liên tỉnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	nTinh	maSong	CharacterString	Có thể Null	Mã sông theo quy định pháp luật			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại sông liên tỉnh bao gồm: Sông liên tỉnh thuộc lưu vực sông lớn Sông liên tỉnh độc lập.			
						chieuDai	Real	Có thể Null	Chiều dài sông liên tỉnh (Km)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
35	PH17		Hiện trạng lưu vực sông nội tỉnh	Là lưu vực sông nội tỉnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	PH17_HienTrangLuuVucSongNoiTinh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên lưu vực sông nội tỉnh			
						maSong	CharacterString	Có thể Null	Mã sông theo quy định pháp luật			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích lưu vực sông nội tỉnh (ha)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
36	PH18		Hiện trạng sông nội tỉnh	Là sông nội tỉnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	PH18_HienTrangLuuVucSongNoiTinh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên sông nội tỉnh			
						maSong	CharacterString	Có thể Null	Mã sông theo quy định pháp luật			
						chieuDai	Real	Có thể Null	Chiều dài sông nội tỉnh (Km)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
37		PQ19	Định hướng, phân vùng chức năng của nguồn nước	Là phân vùng chức năng của nguồn nước (cụ thể đến đoạn sông, suối...) được xác định trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện nguồn nước liên tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện nguồn nước nội tỉnh	PQ19_DinhHuongPhanVungChucNangNguonNuc	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Polygon hoặc GM_Point	GM_Polygon hoặc GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên nguồn nước			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại nguồn nước bao gồm: Liên tỉnh Nội tỉnh			
						diemDau	CharacterString	Có thể Null	Vị trí hoặc điểm đầu của nguồn nước (đoạn sông, suối...) chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						diemCuoi	CharacterString	Có thể Null	Điểm cuối (nếu có) của nguồn nước (đoạn sông, suối...) chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						chieuDai	Integer	Có thể Null	Chiều dài của đoạn sông (Km)			
						chucNang	CharacterString	Bắt buộc	Chức năng chính của nguồn nước (đoạn sông, suối...) bao gồm: Cấp nước cho sinh hoạt; Cấp nước cho du lịch, dịch vụ; Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp; Cấp nước cho sản xuất công nghiệp			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			

38	PH19		Hiện trạng khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia	Là hiện trạng khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	PH19_HienTrangKhuVucDuTruKhoangSanQuocGia	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia			
						loaiKhoangSan	CharacterString	Có thể Null	Loại khoáng sản dự trữ			
						truLuong	Integer	Có thể Null	Trữ lượng tài nguyên dự trữ			
						donViTinh	CharacterString	Có thể Null	Đơn vị tính của trữ lượng tài nguyên dự trữ			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
39	PH20		Hiện trạng khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Là hiện trạng khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	PH20_HieuTrangKhuVucCamHoatDongKhoangSan	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Khu vực cấm hoạt động khoáng sản Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản			
						loaiKhoangSanBiCam	CharacterString	Có thể Null	Tên các loại khoáng sản bị cấm, tạm thời cấm thăm dò, khai thác trong phạm vi khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
40	PH21		Hiện trạng khu vực thăm dò khoáng sản đã cấp phép	Là khu vực thăm dò khoáng sản đã cấp phép được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	PH21_HienTrangKhuVucThamDoKhoangSanDaCapPhep	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu vực thăm dò khoáng sản đã cấp phép			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm khu vực thăm dò khoáng sản đã cấp phép chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng Khoáng sản khác			
						loaiKhoangSan	CharacterString	Bắt buộc	Tên loại khoáng sản			
						capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý bao gồm: Trung ương; Cấp tỉnh			
						toChucThamDo	CharacterString	Có thể Null	Tên tổ chức, cá nhân đã được cấp phép thăm dò khoáng sản			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích khu vực thăm dò khoáng sản đã cấp phép (ha)			
						thoiHua	Date	Có thể Null	Ngày hết thời hạn thăm dò theo cấp phép			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
41	PQ20		Định hướng khu vực thăm dò khoáng sản	Là khu vực thăm dò khoáng sản được định hướng đầu tư phát triển trong quy hoạch	PQ20_DinhHuongKhuVucThamDuKhoangSan	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu vực thăm dò khoáng sản			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của khu vực thăm dò khoáng sản chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng Khoáng sản khác			
						loaiKhoangSan	CharacterString	Bắt buộc	Tên loại khoáng sản			
						capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý bao gồm: Trung ương; Cấp tỉnh			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của khu vực thăm dò khoáng sản (ha)			

						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
42	PH22		Hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản đã cấp phép	Là khu vực thăm dò khoáng sản đã cấp phép được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	PH22_HienTrangKhuVucKhaiThacKhoangSan	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên mỏ khoáng sản đã cấp phép khai thác			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng Khoáng sản khác			
						capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý bao gồm: Trung ương, địa phương.			
						loaiKhoangSan	CharacterString	Bắt buộc	Tên loại khoáng sản			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích mỏ khoáng sản (ha)			
						truLuongCapPhep	Integer	Có thể Null	Trữ lượng khoáng sản được cấp phép khai thác			
						truLuongKhaiThac	Integer	Có thể Null	Trữ lượng khoáng sản đã khai thác.			
						donViTinh	CharacterString	Có thể Null	Đơn vị tính của trữ lượng cấp phép, khai thác khoáng sản			
						thoiHan	Integer	Có thể Null	Năm hết thời hạn khai thác khoáng sản được cấp phép			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
43		PQ21	Định hướng khu vực khai thác khoáng sản	Là khu vực khai thác khoáng sản được định hướng trong quy hoạch	PQ21_DinhHuongPhatTrienKhuVucKhaiThacKhoangSan	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên mỏ khoáng sản đã cấp phép khai thác			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng Khoáng sản khác			
						loaiKhoangSan	CharacterString	Bắt buộc	Tên loại khoáng sản			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích mỏ khoáng sản (ha)			
						truLuong	Real	Có thể Null	Trữ lượng khoáng sản dự kiến khai thác			
						donViTinh	CharacterString	Có thể Null	Đơn vị tính của trữ lượng khoáng sản dự kiến khai thác			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
44		PQ22	Định hướng phân vùng bảo vệ nghiêm ngặt	Là vùng bảo vệ nghiêm ngặt trong phân vùng môi trường được xác định trong quy hoạch	PQ22_DinhHuongPhatTrienVungBaoVeNghiemNgat	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point hoặc GM_Polygon		GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên vùng bảo vệ nghiêm ngặt			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Khu tập trung dân cư nội thành, nội thị của các đô thị Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt Khu bảo tồn thiên nhiên trên đất liền			

									Khu bảo tồn biển				
									Vùng lõi di sản thiên nhiên				
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt				
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch				
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu				
45		PQ23	Định hướng phân vùng hạn chế phát thải		PQ23_DinhHuongPhatTienVungHanhChePhatThai	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point hoặc GM_Polygon		GM_Polygon	
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên vùng hạn chế phát thải				
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt Vùng đất ngập nước quan trọng Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị Khu vui chơi giải trí dưới nước Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường (khu dân cư tập trung; nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; các loại rừng; di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên, ...)				
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt				
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch				
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu				
46	PH23		Hiện trạng sử dụng đất của vùng	Là hiện trạng sử dụng đất của vùng trên cơ sở tổng hợp, khái quát hiện trạng sử dụng đất của các đơn vị hành chính cấp tỉnh	PH23_HienTrangSuDungDatVung	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Polygon		GM_Polygon	
						maLoaiDat	CharacterString	Bắt buộc	Mã loại đất theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai				
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật				
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu				
47	PH24		Hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh	Là hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	PH24_HienTrangSuDungDatCapTinh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Polygon hoặc GM_Point	
						maLoaiDat	CharacterString	Bắt buộc	Mã loại đất theo hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai				
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật				
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu				
49	PH25		Hiện trạng đất khu chức năng cấp tỉnh	Là hiện trạng đất khu chức năng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch tỉnh.	PH25_HienTrangDatKhuChucNang	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon	
						tenKhuChucNang	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu chức năng				
						maLoaiDat	CharacterString	Bắt buộc	Mã loại đất khu chức năng tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai				
						loaiKhuChucNang	CharacterString	Bắt buộc	Khu kinh tế Khu công nghiệp Khu chế xuất				

				<p>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: thể hiện khu vực bảo tồn đa dạng sinh học cao có ý nghĩa quan trọng của quốc gia, quốc tế có phạm vi liên tỉnh trở lên.</p> <p>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu vực bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.</p>				<p>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.</p>				
					giaTriSinhHocDienHinh	CharacterString	Có thể Null	Giá trị sinh học điển hình của khu vực đa dạng sinh học cao.				
					capQuanLy	CharacterString	Bắt buộc	Cấp quản lý khu vực đa dạng sinh học cao bao gồm:				
								Trung ương				
								Địa phương				
					nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật				
					nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu				
52		PQ25	Định hướng phát triển khu vực đa dạng sinh học cao	Là khu vực đa dạng sinh học cao được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: thể hiện khu vực bảo tồn đa dạng sinh học cao có ý nghĩa quan trọng của quốc gia, quốc tế có phạm vi liên tỉnh trở lên. - Quy hoạch tỉnh: thể hiện khu vực bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh	PQ25 Định Hướng Khu Vuc Đa Dạng Sinh Hoc Cao	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu vực đa dạng sinh học cao			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của khu vực đa dạng sinh học cao. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						giaTriSinhHocDienHinh	CharacterString	Có thể Null	Giá trị sinh học điển hình của khu vực			
						capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý khu vực đa dạng sinh học cao bao gồm:			
									Trung ương			
									Địa phương			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
53	PH27		Hiện trạng vùng đất ngập nước quan trọng	Là vùng đất ngập nước quan trọng hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: thể hiện vùng đất ngập nước quan trọng của quốc gia, quốc tế có phạm vi liên	PH27 Hiện Trạng Vùng Đất Ngập Nước Quan Trọng	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên vùng đất ngập nước quan trọng			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của vùng đất ngập nước quan trọng. - Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh; - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý khu vực đa dạng sinh học cao bao gồm:			
									Trung ương			
									Địa phương			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			

				của địa phương, quốc gia, quốc tế trên địa bàn tỉnh.								
56		PQ27	Định hướng bảo tồn khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng	Là khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng được định hướng bảo tồn trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: thể hiện khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng của quốc gia, quốc tế, phạm vi liên tỉnh trở lên. - Đối với quy hoạch tỉnh: thể hiện khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng của địa phương, quốc gia, quốc tế trên địa bàn tỉnh.	PQ27_DinhHuongKhuVucCanhQuanSinhThaiQuanTrong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
57	PH29		Hiện trạng hành lang đa dạng sinh học	Là hành lang đa dạng sinh học hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh trở lên. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện hành lang đa dạng sinh học cấp tỉnh, liên xã trở lên.	PH29_HienTrangHanLangDaDangSinhHoc	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Polygon hoặc GM_Polyline	GM_Polygon hoặc GM_Polyline
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên hành lang đa dạng sinh học			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
58		PQ28	Định hướng bảo tồn hành lang đa dạng	Là hành lang đa dạng sinh học được định hướng bảo tồn	PQ28_DinhHuongHanLangDaDang	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Tên hành lang đa dạng sinh học	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Polygon hoặc	GM_Polygon hoặc
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Địa điểm của hành lang đa dạng sinh học			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới			

			sinh học	trong quy hoạch - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện hành lang đa dạng sinh học liên vùng, liên tỉnh trở lên. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện hành lang đa dạng sinh học cấp tỉnh, liên xã trở lên.	SinhHoc				Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên	on	GM_Polyline	GM_Polyline
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
59	PH30		Hiện trạng khu bảo tồn thiên nhiên	Là khu bảo tồn thiên nhiên hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia, cấp tỉnh.	PH30_HienTrangKhuBaoTonThienNhiem	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu bảo tồn thiên nhiên			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Tên địa điểm của khu bảo tồn thiên nhiên. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại khu bảo tồn thiên nhiên bao gồm: Vườn quốc gia Khu dự trữ thiên nhiên Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Khu bảo vệ cảnh quan			
						phanCap	CharacterString	Có thể Null	Phân cấp khu bảo tồn thiên nhiên bao gồm: Cấp quốc gia Cấp tỉnh			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
60		PQ29	Định hướng phát triển khu bảo tồn thiên nhiên	Là khu bảo tồn thiên nhiên được định hướng phát triển quy hoạch. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia. - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia, cấp tỉnh.	PQ29_DinhHuongPhatTrienKhuBaoTonThienNhiem	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu bảo tồn thiên nhiên			
						diaDiem	CharacterString	Bắt buộc	Địa điểm của khu bảo tồn thiên nhiên. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại khu bảo tồn thiên nhiên bao gồm: Vườn quốc gia Khu dự trữ thiên nhiên Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Khu bảo vệ cảnh quan			
						phanCap	CharacterString	Có thể Null	Phân cấp khu bảo tồn thiên nhiên bao gồm:			

							Cấp quốc gia					
							Cấp tỉnh					
61	PH31		Hiện trạng cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Là cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	PH31_HienTrangCoSoBaTonDaDangSinhHoc	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Quy hoạch giữ nguyên			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Tên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						nam	Integer	Bắt buộc	Cơ sở nuôi, trồng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ			
62	PQ30		Định hướng phát triển cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Là cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học được định hướng phát triển trong quy hoạch	PQ30_DinhHuongCoSoBaoTonDaDangSinhHoc	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Cơ sở cứu hộ loài hoang dã			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Cơ sở lưu giữ giống cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật và nấm đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm có giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế, sinh thái, cảnh quan, môi trường hoặc văn hóa - lịch sử; cơ sở lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Cơ sở lưu giữ giống cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật và nấm đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm có giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế, sinh thái, cảnh quan, môi trường hoặc văn hóa - lịch sử; cơ sở lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Cơ sở nuôi, trồng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Quy hoạch giữ nguyên			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
63	PH32		Hiện trạng mạng lưới trạm khí tượng thủy văn	Là mạng lưới trạm khí tượng thủy văn	PH32_HienTrangMangLu	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trạm khí tượng thủy văn			

			khí tượng thủy văn	được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	oiTramKhiTuongThuyVan	diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của trạm khí tượng thủy văn chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Trạm khí tượng bề mặt Trạm khí tượng trên cao Trạm ra đa thời tiết Trạm khí tượng nông nghiệp Trạm thủy văn Trạm hải văn Trạm đo mưa Trạm định vị sét Các loại trạm chuyên đề khác			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
64		PQ31	Định hướng phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn	Là mạng lưới trạm khí tượng thủy văn định hướng phát triển trong quy hoạch	PQ31_DinhHuongPhatTrienMangLuiTramKhiTuongThuyVan	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trạm khí tượng thủy văn			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của trạm khí tượng thủy văn chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Trạm khí tượng bề mặt Trạm khí tượng trên cao Trạm ra đa thời tiết Trạm khí tượng nông nghiệp Trạm thủy văn Trạm hải văn Trạm đo mưa Trạm định vị sét Các loại trạm chuyên đề khác			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			

5. Văn hóa, thể thao và du lịch

TT	Kiểu đối tượng địa lý			Tên lớp/nhóm lớp	Trường thuộc tính	Kiểu dữ liệu thuộc tính	Yêu cầu	Tên (nhân)/Mã tài thuộc tính	Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học		
	Mã tên kiểu đối tượng	Tên	Mã tài						Quy hoạch tổng thể	Quy hoạch vùng	Quy hoạch tỉnh

	hiện trạng	định hướng phát triển							quốc gia			
1	RH01		Hiện trạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	Là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có ý nghĩa quan trọng quốc tế, quốc gia. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có ý nghĩa quan trọng quốc tế, quốc gia, cấp tỉnh.	RH01_HienTrangDiTichLichSuDanhLamThangCanh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Di tích lịch sử - văn hóa Danh lam thắng cảnh			
						xepHang	CharacterString	Bắt buộc	Di sản văn hóa thế giới Di tích quốc gia đặc biệt Di tích quốc gia Di tích cấp tỉnh Di tích chưa được xếp hạng			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (ha).			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu									
2	RQ01	Định hướng phát triển di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	Là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có ý nghĩa quan trọng quốc tế, quốc gia. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có ý nghĩa quan trọng quốc tế, quốc gia, cấp tỉnh.	RQ01_DinhHuongDiTichLichSuDanhLamThangCanh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon	
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh				
					phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Di tích lịch sử - văn hóa Danh lam thắng cảnh				
					xepHang	CharacterString	Có thể Null	Di sản văn hóa thế giới Di tích quốc gia đặc biệt Di tích quốc gia Di tích cấp tỉnh Di tích chưa được xếp hạng				
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. - Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.				
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (ha).				
					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng				

						Quy hoạch giữ nguyên					
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
3	RH02	Hiện trạng cơ sở văn hóa	Là cơ sở văn hóa hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện cơ sở văn hóa cấp quốc gia. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cơ sở văn hóa cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh.	RH02_HienTrangCoSoVanHoa	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở văn hóa			
					phanCap	CharacterString	Bắt buộc	Phân cấp cơ sở văn hóa bao gồm: Cấp quốc gia Cấp tỉnh			
					phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại cơ sở văn hóa bao gồm: Bảo tàng Thư viện Nhà hát, trung tâm văn hóa, triển lãm, cung văn hóa Cung thiếu nhi, hoặc trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi			
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cơ sở văn hóa. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Địa điểm chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Địa điểm chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích của cơ sở văn hóa (ha)			
					nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
					maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			
4	RQ02	Định hướng phát triển cơ sở văn hóa	Là cơ sở văn hóa được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện cơ sở văn hóa cấp quốc gia. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cơ sở văn hóa cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh.	RQ02_DinhHuongPhatTrienCoSoVanHoa	ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở văn hóa	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
					phanCap	CharacterString	Bắt buộc	Phân cấp cơ sở văn hóa bao gồm: Cấp quốc gia Cấp tỉnh			
					phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại cơ sở văn hóa bao gồm: Bảo tàng Thư viện Nhà hát, trung tâm văn hóa, triển lãm, cung văn hóa Cung thiếu nhi, hoặc trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi			
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cơ sở văn hóa. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Địa điểm chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Địa điểm chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của cơ sở văn hóa (ha)			
					leaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới			

								Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng				
								Quy hoạch giữ nguyên				
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
5	RH03		Hiện trạng cơ sở thể dục, thể thao	Là cơ sở thể dục, thể thao hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch - Quy hoạch vùng: Thể hiện cơ sở thể dục, thể thao cấp quốc gia; - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cơ sở thể dục, thể thao cấp quốc gia, cấp tỉnh.	RH03_HienTrangTheDucTheThao	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở thể dục, thể thao			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại cơ sở thể dục, thể thao bao gồm: Khu liên hợp thể thao Trung tâm thể thao, sân vận động Cơ sở tập luyện, huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao khác			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cơ sở thể dục, thể thao. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích của cơ sở thể dục, thể thao (ha)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
6	RQ03		Định hướng phát triển cơ sở thể dục, thể thao	Là cơ sở thể dục, thể thao được định hướng phát triển trong quy hoạch - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện cơ sở thể dục, thể thao cấp quốc gia - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cơ sở thể dục, thể thao cấp quốc gia, cấp tỉnh	RQ03_DinhHuongPhatTrieuCoSoTheDucTheThao	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở văn hóa			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại cơ sở thể dục, thể thao bao gồm: Khu liên hợp thể thao Trung tâm thể thao, sân vận động Cơ sở tập luyện, huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao khác			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cơ sở thể dục, thể thao. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của cơ sở thể dục, thể thao (ha)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
7	RH04		Hiện trạng khu du lịch	Là khu du lịch hiện trạng được phân	RH04_HienTrangHeThon	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point hoặc	GM_Point hoặc
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu du lịch			

			tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện khu du lịch quốc gia. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu du lịch quốc gia, khu du lịch cấp tỉnh.	gDuLich	phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại khu du lịch bao gồm: Khu du lịch quốc gia Khu du lịch cấp tỉnh		GM_Polygon	GM_Polygon
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của khu du lịch. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích của khu du lịch (ha)			
					nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
8	RQ04	Định hướng phát triển khu du lịch	Là khu du lịch được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện khu du lịch quốc gia. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu du lịch quốc gia, khu du lịch cấp tỉnh.	RQ04_DinhHuongPhatTrienLeThongDuLich	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu du lịch			
					phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại khu du lịch bao gồm: Khu du lịch quốc gia Khu du lịch cấp tỉnh			
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của khu du lịch. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của khu du lịch (ha)			
					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
1	RH05	Hiện trạng phát triển hạ tầng du lịch	Là các kết hạ tầng du lịch được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: - Quy hoạch tỉnh:	RH05_HienTrangPhatTrienHiaTangDuLich	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên hạ tầng du lịch			
					phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại hạ tầng du lịch			
					quyMo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô của hạ tầng du lịch			
					LoaiHinh	CharacterString	Bắt buộc	Loại hình của hạ tầng du lịch			
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của hạ tầng du lịch. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
					nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
					nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
2	RQ05	Định hướng phát triển hạ	Là kết cấu hạ tầng du lịch được định	RQ05_DinhHuongPhatTr	maDuiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
					ten	CharacterString	Có thể Null	Tên hạ tầng du lịch			

			tăng du lịch	hướng trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng. - Quy hoạch tỉnh.	ienHaTangD uLich	phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại hạ tầng du lịch			
						Quymo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô dự kiến của hạ tầng du lịch			
						LoaiHinh	CharacterString	Bắt buộc	Loại hình của hạ tầng du lịch			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của hạ tầng du lịch - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			

6. Khoa học và công nghệ

TT	Kiểu đối tượng địa lý			Tên lớp/nhóm lớp	Trường thuộc tính	Kiểu dữ liệu thuộc tính	Yêu cầu	Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính	Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học			
	Mã tên kiểu đối tượng		Tên						Mô tả	Quy hoạch tổng thể quốc gia	Quy hoạch vùng	Quy hoạch tỉnh
	Dữ liệu hiện trạng	Dữ liệu định hướng phát triển										
1	TH01		Hiện trạng trung tâm bưu chính	Là trung tâm bưu chính hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng thể hiện trung tâm bưu chính cấp quốc gia, cấp vùng. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện trung tâm bưu chính cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh, cấp xã.	TH01_HienTrangTrungTamBuuChinh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên của trung tâm bưu chính			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Trung tâm bưu chính cấp quốc gia			
									Trung tâm bưu chính cấp vùng			
									Trung tâm bưu chính cấp tỉnh			
									Trung tâm bưu chính cấp xã			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của trung tâm bưu chính. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích của trung tâm bưu chính (ha)									
nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật									
					nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu				
2	TQ01		Định hướng phát triển trung tâm bưu chính	Là trung tâm bưu chính được định hướng phát triển	TQ01_DinhHuongTrungTamBuuChinh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên của trung tâm bưu chính			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Trung tâm bưu chính cấp quốc gia			

			trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng thể hiện trung tâm bưu chính cấp quốc gia, cấp vùng. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện trung tâm bưu chính cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh, cấp xã.	h				Trung tâm bưu chính cấp vùng Trung tâm bưu chính cấp tỉnh Trung tâm bưu chính cấp xã					
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của trung tâm bưu chính. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.					
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của trung tâm bưu chính (ha)					
					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên					
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt					
					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch					
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu					
3	TH02	Hiện trạng cấp ngoại vi viễn thông	Là cấp ngoại vi viễn thông hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện cấp ngoại vi viễn thông quan trọng có phạm vi quốc tế, quốc gia và liên tỉnh - Quy hoạch: Thể hiện cấp ngoại vi viễn thông quan trọng có phạm vi quốc tế, quốc gia, cấp tỉnh, liên xã.	TH02_HienTrangCapNgoaiViVienThong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Polyline	GM_Polyline	
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên tuyến cáp viễn thông					
					tinhChat	CharacterString	Có thể Null	Tính chất của cáp viễn thông bao gồm: Cáp viễn thông trên đất liền Cáp viễn thông trên biển					
					phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại cáp viễn thông bao gồm: Cáp quang Cáp đồng					
					dungLuong	Real	Có thể Null	Dung lượng của cáp viễn thông (Gbps)					
					nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp phát					
					nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu					
4		TQ02	Định hướng phát triển cấp ngoại vi viễn thông	Là cấp ngoại vi viễn thông được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện cấp viễn thông quan trọng có phạm vi quốc tế, quốc gia và liên tỉnh. - Quy hoạch: Thể hiện cấp viễn thông	TQ02_DinhHuongCapNgoaiViVienThong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Polyline	GM_Polyline
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên tuyến cáp viễn thông					
					tinhChat	CharacterString	Có thể Null	Tính chất của cáp viễn thông bao gồm: Cáp viễn thông trên đất liền Cáp viễn thông trên biển					
					phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại cáp viễn thông bao gồm: Cáp quang Cáp đồng					
					dungLuong	Real	Có thể Null	Dung lượng dự kiến của cáp viễn thông (Gbps)					
					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng					

				quoc trong có phạm vi quốc tế, quốc gia, cấp tỉnh, liên xã.				Quy hoạch giữ nguyên				
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
5	TH03		Hiện trạng trạm viễn thông	Là hiện trạng trạm viễn thông (trung tâm chuyển mạch, truyền dẫn, trạm thu phát sóng vô tuyến điện cố định, đài phát thanh, đài truyền hình) được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện trạm viễn thông cấp quốc gia. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện trạm viễn thông cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh.	TH03_HienTrangTramViễnThong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trạm viễn thông			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại trạm viễn thông bao gồm: Trung tâm chuyển mạch, truyền dẫn Trạm thu phát sóng vô tuyến điện cố định (sử dụng trong nghiệp vụ vô tuyến điện cố định, thông tin di động, hàng không, hàng hải, dẫn đường, định vị, vệ tinh, phát chuẩn, nghiệp dư) Đài phát thanh, đài truyền hình			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của trạm viễn thông. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích của trạm viễn thông (ha)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
6		TQ03	Định hướng phát triển trạm viễn thông	Là trạm viễn thông (trung tâm chuyển mạch, truyền dẫn, trạm thu phát sóng vô tuyến điện cố định, đài phát thanh, đài truyền hình) được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện cấp viễn thông cấp quốc gia. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện trạm viễn thông cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh.	TQ03_DinhHuongTramViễnThong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trạm viễn thông			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại trạm viễn thông bao gồm: Trung tâm chuyển mạch, truyền dẫn Trạm thu phát sóng vô tuyến điện cố định (sử dụng trong nghiệp vụ vô tuyến điện cố định, thông tin di động, hàng không, hàng hải, dẫn đường, định vị, vệ tinh, phát chuẩn, nghiệp dư) Đài phát thanh, đài truyền hình			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của trạm viễn thông. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của trạm viễn thông (ha)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			

7	TH04		Hiện trạng khu công nghệ số tập trung (khu công nghệ thông tin tập trung)	Là khu công nghệ thông tin tập trung hoặc khu công nghệ số tập trung hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	TH04_HienTrangKhuCongNghesThongTinTapTrung	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu công nghệ thông tin tập trung			
						chucNang	CharacterString	Bắt buộc	Các chức năng theo Điều 6 Nghị định 354/2025/NĐ-CP			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Loại khu công nghệ thông tin tập trung			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của khu công nghệ thông tin tập trung. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của khu công nghệ thông tin tập trung (ha)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguoan	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
8		TQ04	Định hướng phát triển khu công nghệ số tập trung	Là khu công nghệ thông tin tập trung hoặc khu công nghệ số tập trung được định hướng phát triển trong quy hoạch	TQ04_DinhHuongKhuCongNghesThongTinTapTrung	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu công nghệ thông tin tập trung hoặc khu công nghệ số tập trung			
						chucNang	CharacterString	Bắt buộc	Các chức năng theo Điều 6 Nghị định 354/2025/NĐ-CP			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của khu công nghệ thông tin tập trung. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của khu công nghệ thông tin tập trung (ha)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguoan	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
9	TH05		Hiện trạng Trung tâm dữ liệu	Là Trung tâm dữ liệu hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch	TH05_HienTrangKhuTrungTamDuLieu	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên Trung tâm dữ liệu			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Cấp quốc gia Cấp vùng Cấp tỉnh			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của Trung tâm dữ liệu. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp			

						diệnTich	Real	Có thể Null	xã Diện tích dự kiến của khu công nghệ thông tin tập trung (ha)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
10		TQ05	Định hướng phát triển Trung tâm dữ liệu	Là Trung tâm dữ liệu được định hướng phát triển trong quy hoạch	TQ05_DinhHuongKhuTrungTamDulieu	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu công nghệ thông tin tập trung hoặc khu công nghệ số tập trung			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Cấp quốc gia Cấp vùng Cấp tỉnh			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của Trung tâm dữ liệu. - Quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						diệnTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của khu công nghệ thông tin tập trung (ha)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
11	TH06		Hiện trạng khu công nghệ cao	Là khu công nghệ cao (thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ) được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	TH06_HienTrangKhuCongNgheCao	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu công nghệ cao			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của khu công nghệ cao. - Quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						diệnTich	Real	Có thể Null	Diện tích của khu công nghệ cao (ha)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
12		TQ06	Định hướng phát triển khu công nghệ cao	Là khu công nghệ cao (thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ) được định hướng phát triển trong quy hoạch	TQ06_DinhHuongKhuCongNgheCao	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên khu công nghệ cao			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của khu công nghệ cao. - Quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						diệnTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của khu công nghệ cao (ha)			

					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới			
								Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng			
								Quy hoạch giữ nguyên			
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			

7. Y tế

TT	Kiểu đối tượng địa lý			Tên lớp/nhóm lớp	Trường thuộc tính	Kiểu dữ liệu thuộc tính	Yêu cầu	Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính	Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học			
	Mã tên kiểu đối tượng		Tên						Mô tả	Quy hoạch tổng thể quốc gia	Quy hoạch vùng	Quy hoạch tỉnh
	Dữ liệu hiện trạng	Dữ liệu định hướng phát triển										
1	VH01		Hiện trạng cơ sở y tế	Là cơ sở y tế được phân tích, đánh giá trong quy hoạch - Quy hoạch tổng thể quốc gia: thể hiện bệnh viện tuyến trung ương trực thuộc Bộ Y tế. - Quy hoạch vùng: thể hiện cơ sở y tế đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia trên địa bàn vùng. - Quy hoạch tỉnh: thể hiện cơ sở y tế đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; cơ sở y tế cấp tỉnh, liên xã.	VH01_HienTrangCoSoYTc	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở y tế			
						capQuanLy	CharacterString	Bắt buộc	Cấp quản lý cơ sở y tế bao gồm: Trung ương Cấp tỉnh			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại cơ sở y tế bao gồm: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng Cơ sở giám định y khoa, giám định pháp y và pháp y tâm thần Cơ sở y tế dự phòng, y tế công cộng Cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn về thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, vắc xin và sinh phẩm y tế, trang thiết bị y tế Cơ sở y tế thuộc lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình Cơ sở y tế khác			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích cơ sở y tế (ha)			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cơ sở y tế. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			

2	VQ01	Định hướng phát triển cơ sở Y tế	<p>Là cơ sở y tế được định hướng phát triển trong quy hoạch</p> <p>- Quy hoạch tổng thể quốc gia: thể hiện bệnh viện tuyến trung ương trực thuộc Bộ Y tế.</p> <p>- Quy hoạch vùng: thể hiện cơ sở y tế đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia trên địa bàn vùng.</p> <p>- Quy hoạch tỉnh: thể hiện cơ sở y tế đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; cơ sở y tế cấp tỉnh, liên xã.</p>	VQ01_DinhHuongPhatTriaCoSoYTc	<p>maDoiTuong</p> <p>ten</p> <p>capQuanLy</p> <p>phanLoai</p> <p>dienTich</p> <p>diaDiem</p> <p>loaiQuyHoach</p> <p>quyHoachBaiDau</p> <p>quyHoachKetThuc</p> <p>nguồn</p>	<p>CharacterString</p> <p>CharacterString</p> <p>CharacterString</p> <p>CharacterString</p> <p>Real</p> <p>CharacterString</p> <p>CharacterString</p> <p>Date</p> <p>Date</p> <p>CharacterString</p>	<p>Bắt buộc</p> <p>Bắt buộc</p> <p>Có thể Null</p> <p>Có thể Null</p> <p>Có thể Null</p> <p>Có thể Null</p> <p>Bắt buộc</p> <p>Bắt buộc</p> <p>Có thể Null</p>	<p>Mã đối tượng</p> <p>Tên cơ sở y tế</p> <p>Cấp quản lý cơ sở y tế bao gồm:</p> <p>Trung ương</p> <p>Cấp tỉnh</p> <p>Phân loại cơ sở y tế bao gồm:</p> <p>Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng</p> <p>Cơ sở giám định y khoa, giám định pháp y và pháp y tâm thần</p> <p>Cơ sở y tế dự phòng, y tế công cộng</p> <p>Cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn về thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, vắc xin và sinh phẩm y tế, trang thiết bị y tế</p> <p>Cơ sở y tế thuộc lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình</p> <p>Cơ sở y tế khác</p> <p>Diện tích dự kiến của cơ sở y tế (ha)</p> <p>Địa điểm dự kiến của cơ sở y tế.</p> <p>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.</p> <p>- Quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.</p> <p>Quy hoạch mới</p> <p>Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng</p> <p>Quy hoạch giữ nguyên</p> <p>Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt</p> <p>Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch</p> <p>Nguồn gốc dữ liệu</p>	GM_Point	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
3	VII02	Hiện trạng cơ sở trợ giúp xã hội	<p>Là cơ sở trợ giúp xã hội được phân tích, đánh giá trong quy hoạch</p>	VII02_HienTrangCoSoTroGiupXaHoi	<p>maDoiTuong</p> <p>ten</p> <p>phanLoai</p> <p>capQuanLy</p>	<p>CharacterString</p> <p>CharacterString</p> <p>CharacterString</p> <p>CharacterString</p>	<p>Bắt buộc</p> <p>Bắt buộc</p> <p>Có thể Null</p> <p>Bắt buộc</p>	<p>Mã đối tượng</p> <p>Tên cơ sở trợ giúp xã hội</p> <p>Phân loại cơ sở trợ giúp xã hội bao gồm:</p> <p>Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi</p> <p>Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt</p> <p>Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật</p> <p>Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí</p> <p>Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp</p> <p>Cấp quản lý cơ sở trợ giúp xã hội bao gồm:</p> <p>Trung ương</p> <p>Cấp tỉnh</p>			GM_Point hoặc GM_Polygon

						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cơ sở trợ giúp xã hội chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích cơ sở trợ giúp xã hội (ha)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhất			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
4		VQ02	Định hướng phát triển cơ sở trợ giúp xã hội	Là cơ sở trợ giúp xã hội được định hướng phát triển trong quy hoạch	VQ02_DinhHuongPhatTrienCoSoTroGiupXaHoi	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở trợ giúp xã hội			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại cơ sở trợ giúp xã hội bao gồm: Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp			
						capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý cơ sở trợ giúp xã hội bao gồm: Trung ương Cấp tỉnh			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của cơ sở trợ giúp xã hội chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của cơ sở trợ giúp xã hội (ha)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Short Integer	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Short Integer	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			GM_Point hoặc GM_Polygon

3. Giáo dục và đào tạo

TT	Kiểu đối tượng địa lý			Tên lớp/nhóm lớp	Trường thuộc tỉnh	Kiểu dữ liệu thuộc tính	Yêu cầu	Tên (nhãn)/Mã tá thuộc tính	Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học			
	Mã tên kiểu đối tượng		Tên						Mã tá	Quy hoạch tổng thể quốc gia	Quy hoạch vùng	Quy hoạch tỉnh
	Dữ liệu hiện trạng	Dữ liệu định hướng phát triển										
1	WH01		Hiện trạng cơ sở giáo dục đại	Là cơ sở giáo dục đại học hiện trạng	WH01_HienTrangCoSoO	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point	GM_Point hoặc
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở giáo dục đại học			

			học	được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện đại học quốc gia. - Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh: Thể hiện, trường đại học, học viện.	isoDucDaiHoc	diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cơ sở giáo dục đại học. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			GM_Polygon
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích cơ sở giáo dục đại học (ha)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
2		WQ01	Định hướng phát triển cơ sở giáo dục đại học	Là cơ sở giáo dục đại học được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện đại học quốc gia. - Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh: Thể hiện, trường đại học, học viện.	WQ01_DinhHuongCoSoGiaoDucDaiHoc	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở giáo dục đại học			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của cơ sở giáo dục đại học. - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của cơ sở giáo dục đại học (ha)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
3	WH02		Hiện trạng cơ sở giáo dục phổ thông	Là cơ sở giáo dục phổ thông cấp tỉnh, liên xã được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	WH02_HienTrangCoSoGiaoDucPhoThong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở giáo dục phổ thông			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại cơ sở giáo dục phổ thông bao gồm: Trường trung học phổ thông Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cơ sở giáo dục phổ thông chỉ tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích cơ sở giáo dục phổ thông (ha)			
						thanhLap	CharacterString	Có thể Null	Công lập Dân lập Tư thục			
						soLuongGiaoVien	Integer	Có thể Null	Số lượng giáo viên của cơ sở giáo dục phổ thông (người)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
4		WQ02	Định hướng	Là cơ sở giáo dục	WQ02_Dinh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point

			phát triển cơ sở giáo dục phổ thông	phổ thông được định hướng phát triển trong quy hoạch	HuongCoSo GiaoDucPho Thong	ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở giáo dục phổ thông			hoặc GM_Polygon
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại cơ sở giáo dục phổ thông bao gồm: Trường trung học phổ thông Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của cơ sở giáo dục phổ thông chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của cơ sở giáo dục phổ thông (ha)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
5	WH03		Hiện trạng trường chuyên biệt	Là hiện trạng trường chuyên biệt cấp tỉnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	WH03_HienTrangTruongChuyenBiet	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trường chuyên biệt			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại trường chuyên biệt cấp tỉnh bao gồm: Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học Trường chuyên, trường năng khiếu Trường dành cho người tàn tật, khuyết tật			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của trường chuyên biệt chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích trường chuyên biệt (ha)			
						soLuongGiaoVien	Integer	Có thể Null	Số lượng giáo viên của trường chuyên biệt (người)			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
6		WQ03	Định hướng phát triển trường chuyên biệt	Là trường chuyên biệt cấp tỉnh được định hướng phát triển trong quy hoạch	WQ03_DinhHuongTruongChuyenBiet	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trường chuyên biệt			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại trường chuyên biệt cấp tỉnh bao gồm: Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học Trường chuyên, trường năng khiếu Trường dành cho người tàn tật, khuyết tật			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của trường chuyên biệt chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của trường chuyên biệt (ha)			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			

					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch				
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu				
7	WH04		Hiện trạng cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia trên địa bàn vùng - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh.	WH04_HienTrangCoSoGiaoDucNghiepCongLap	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập				
					capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: Trung ương Cấp tỉnh				
					phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp Trường trung cấp Trường cao đẳng				
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.				
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập (ha).				
					nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật				
					nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu				
8		WQ04	Định hướng phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được định hướng phát triển trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia trên địa bàn vùng - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh.	WQ04_DinhHuongPhatTrieuCoSoGiaoDucNghiepCongLap	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập				
					capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: Trung ương Cấp tỉnh				
					phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp Trường trung cấp Trường cao đẳng				
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.				
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập (ha).				
					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng				

								Quy hoạch giữ nguyên		
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt		
					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch		
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu		

9. Nội vụ

TT	Kiểu đối tượng dữ lý			Tên lớp/nhóm lớp	Trường thuộc tính	Kiểu dữ liệu thuộc tính	Yêu cầu	Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học				
	Mã tên kiểu đối tượng		Tên					Mô tả	Tên (nhân)/Mô tả thuộc tính	Quy hoạch tổng thể quốc gia	Quy hoạch vùng	Quy hoạch tỉnh
	Đồ hiệu hiện trạng	Dữ liệu định hướng phát triển										
1	XH01		Hiện trạng cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng	Là cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	XH01_HienTran_gNuoiDuongNguoiCoCong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng			
						capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: Trung ương Cấp tỉnh			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích của cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng (ha)			
						soLuongNguoiCoCong	Integer	Có thể Null	Số lượng người có công với cách mạng đang được điều dưỡng tập trung tại cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng (người).			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
2	XQ01		Định hướng phát triển cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng	Là cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng được định hướng phát triển trong quy hoạch	XQ01_DinhHuongPhatTienCoSoNuoiDuongNguoiCoCong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			GM_Point hoặc GM_Polygon
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng			
						capQuanLy	CharacterString	Có thể Null	Cấp quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: Trung ương Cấp tỉnh			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			

					diệnTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có cùng với cách mạng (ha)			
					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới			
								Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng			
								Quy hoạch giữ nguyên			
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			

10. Quốc phòng

TT	Kiểu đối tượng địa lý			Tên lớp	Trường thuộc tính	Kiểu dữ liệu thuộc tính	Yêu cầu	Tên (nhân)/Mô tả thuộc tính	Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học			
	Mã tên kiểu đối tượng		Tên						Mô tả	Quy hoạch tổng thể quốc gia	Quy hoạch vùng	Quy hoạch tỉnh
	Dữ liệu hiện trạng	Dữ liệu định hướng phát triển										
1	QH01		Hiện trạng cơ sở công nghiệp quốc phòng	Là hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng; - Quy hoạch tỉnh.	QH01_HienTrangCoSoCongNghiepQuocPhong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở công nghiệp quốc phòng			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại cơ sở công nghiệp quốc phòng			
						QuyMo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô của cơ sở công nghiệp quốc phòng			
						LoaiHinh	CharacterString	Có thể Null	Loại hình cơ sở công nghiệp quốc phòng			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cơ sở công nghiệp quốc phòng. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
2	QQ01		Định hướng phát triển cơ sở công nghiệp quốc phòng	Là hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng được định hướng trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng; - Quy hoạch tỉnh.	QQ01_DinhHuongCoSoCongNghiepQuocPhong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Có thể Null	Tên cơ sở công nghiệp quốc phòng			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại cơ sở công nghiệp quốc phòng			
						QuyMo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô dự kiến của cơ sở công nghiệp quốc phòng			
						LoaiHinh	CharacterString	Có thể Null	Loại hình của cơ sở công nghiệp quốc phòng			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của cơ sở công nghiệp quốc phòng. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng			

								Quy hoạch giữ nguyên				
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
3	QH02		Hiện trạng hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	Là hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng; - Quy hoạch tỉnh..	QH02_HienTrangHeThongTrungTamGiaoDucQuocPhongVaAnNinh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh			
						QuyMo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh			
						LoaiHinh	CharacterString	Có thể Null	Loại hình thông trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cập nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
4		QQ02	Định hướng phát triển cơ sở công nghiệp quốc phòng	Là hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng được định hướng trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng; - Quy hoạch tỉnh..	QQ02_DinhHuongHeThongCongNghiepQuocPhongVaAnNinh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Có thể Null	Tên trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh			
						QuyMo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô dự kiến của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh			
						LoaiHinh	CharacterString	Có thể Null	Loại hình của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
5	QH03		Hiện trạng sử dụng đất quốc phòng	Là hiện trạng sử dụng đất quốc phòng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng; - Quy hoạch tỉnh..	QH03_HienTrangSuDungDatQuocPhong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Polygon
						maLoaiDat	CharacterString	Bắt buộc	Mã loại đất theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai			
						Dientich	Real	Có thể Null	Diện tích đất quốc phòng			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của đất quốc phòng - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp			

								Xã				
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
6	QQ03	Định hướng quy hoạch sử dụng đất quốc phòng	Là phân bố sử dụng đất quốc phòng định hướng trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: - Quy hoạch tỉnh.	QQ03_Dinh HuongDung DatQuocPhong	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon		
					maLoaiDat	CharacterString	Bắt buộc	Mã loại đất theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai				
					Dientich	Real	Có thể Null	Diện tích đất quốc phòng				
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến sử dụng đất quốc phòng - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.				
					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên				
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt				
					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch				
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu				

II. An ninh

TT	Kiểu đối tượng địa lý			Tên lớp	Trường thuộc tính	Kiểu dữ liệu thuộc tính	Yêu cầu	Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính	Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học			
	Mã tên kiểu đối tượng		Tên						Mô tả	Quy hoạch tổng thể quốc gia	Quy hoạch vùng	Quy hoạch tỉnh
	Dữ liệu hiện trạng	Dữ liệu định hướng phát triển										
1	YH01	Hiện trạng hệ thống phòng cháy và chữa cháy	Là trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	YH01_HienTrangHeThongPhongChayVaChuaChay	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point		
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên của khẩu biên giới đất liền				
					phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Tụ sở, doanh trại				
								Trung tâm huấn luyện				
								Viện nghiên cứu				
								Công trình khác				
diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cửa khẩu biên giới đất liền - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.									
nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật									

2	YQ01	Định hướng phát triển Hệ thống phòng cháy và chữa cháy	Là trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	YQ01 Định Hướng Hệ Thống Phòng Cháy Và Chữa Cháy	nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu		GM_Point	GM_Point
					maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên của khẩu biên giới đất liền			
					phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Trụ sở, doanh trại			
								Trung tâm huấn luyện			
								Viện nghiên cứu			
								Công trình khác			
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của cửa khẩu biên giới đất liền. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch								
3	YH02	Hiện trạng trường giáo dục, cơ sở giáo dục bắt buộc	Là hiện trạng trường giáo dục, cơ sở giáo dục bắt buộc cấp tỉnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.	YH02 Hiện Trạng Trường Giáo Dục	nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu		GM_Point hoặc GM_Polygon	GM_Point hoặc GM_Polygon
					maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng			
					ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trường giáo dục, cơ sở giáo dục bắt buộc			
					phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Trường giáo dục Cơ sở giáo dục bắt buộc			
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của trường giáo dục, cơ sở giáo dục bắt buộc chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
					dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích trường giáo dục, cơ sở giáo dục bắt buộc (ha)			
					soLuongGiaoVien	Integer	Có thể Null	Số lượng giáo viên của trường giáo dục, cơ sở giáo dục bắt buộc (người)			
					nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
					nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
					4	YQ02	Định hướng phát triển trường giáo dục, cơ sở giáo dục bắt buộc	Là trường, giáo dục cấp tỉnh được định hướng phát triển trong quy hoạch			
maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng								
ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên trường giáo dục, cơ sở giáo dục bắt buộc								
phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Trường giáo dục Cơ sở giáo dục bắt buộc								
diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của trường giáo dục, cơ sở giáo dục bắt buộc chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã								
dienTich	Real	Có thể Null	Diện tích dự kiến của trường giáo dục, cơ sở giáo dục bắt buộc (ha)								
loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên								

						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
5	YH03		Hiện trạng cơ sở công nghiệp an ninh	Là hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: - Quy hoạch tỉnh:	YH03_HienTrangCoSoCongNghiepAnNinh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cơ sở công nghiệp an ninh			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại cơ sở công nghiệp an ninh			
						Quymo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô của cơ sở công nghiệp an ninh			
						Loaihinh	CharacterString	Có thể Null	Loại hình cơ sở công nghiệp an ninh			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cơ sở công nghiệp an ninh - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
6		YQ03	Định hướng phát triển cơ sở công nghiệp an ninh	Là hệ thống cơ sở công nghiệp an ninh được định hướng trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: - Quy hoạch tỉnh:	YQ03_DinhHuongCoSoCongNghiepAnNinh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Có thể Null	Tên cơ sở công nghiệp an ninh			
						phanLoai	CharacterString	Có thể Null	Phân loại cơ sở công nghiệp an ninh			
						Quymo	CharacterString	Có thể Null	Quy mô dự kiến của cơ sở công nghiệp an ninh			
						Loaihinh	CharacterString	Có thể Null	Loại hình của cơ sở công nghiệp an ninh			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của cơ sở công nghiệp an ninh - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			
7	YH04		Hiện trạng sử dụng đất an ninh	Là hiện trạng sử dụng đất an ninh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: - Quy hoạch tỉnh:	YH04_HienTrangSuDungDatAnNinh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
						maLoaiDat	CharacterString	Bắt buộc	Mã loại đất theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai			
						Dientich	Real	Có thể Null	Diện tích đất an ninh			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của an ninh - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			

8	YQ04	Định hướng quy hoạch sử dụng đất an ninh	Là phân bố sử dụng đất an ninh định hướng trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng; - Quy hoạch tỉnh.	YQ04 Định Hướng Sử Dụng Đất An Ninh	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point hoặc GM_Polygon
					maLoaiDat	CharacterString	Bắt buộc	Mã loại đất theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai		
					Dientich	Real	Có thể Null	Diện tích đất an ninh		
					diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến sử dụng đất an ninh - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.		
					loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên		
					quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt		
					quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch		
					nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu		

12. Ngoại giao

TT	Kiểu đối tượng địa lý			Tên lớp	Trường thuộc tính	Kiểu dữ liệu thuộc tính	Yêu cầu	Tên (nhãn)/Mã tá thuộc tính	Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học			
	Mã tên kiểu đối tượng		Tên						Mô tả	Quy hoạch tổng thể quốc gia	Quy hoạch vùng	Quy hoạch tỉnh
	Dữ liệu hiện trạng	Dữ liệu định hướng phát triển										
1	ZH01		Hiện trạng hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền	Là cửa khẩu biên giới đất liền được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện cửa khẩu quốc tế. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ.	ZH01 Hiện Trạng Hệ Thống Cửa Khẩu Biên Giới Đất Liền	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng	GM_Point	GM_Point	
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cửa khẩu biên giới đất liền			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại cửa khẩu biên giới đất liền bao gồm: Cửa khẩu quốc tế Cửa khẩu chính Cửa khẩu phụ			
						loaiHinh	CharacterString	Có thể Null	Loại hình cửa khẩu biên giới đất liền bao gồm: Cửa khẩu đường bộ Cửa khẩu đường sắt Cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm của cửa khẩu biên giới đất liền. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã			
						quocGiaTiepGiap	CharacterString	Có thể Null	Quốc gia tiếp giáp có cửa khẩu biên giới đất liền với			

									Việt Nam bao gồm:			
									Trung Quốc			
									Lào			
									Campuchia			
						nam	Integer	Bắt buộc	Năm cấp nhật			
						nguồn	CharacterString	Bắt buộc	Nguồn gốc dữ liệu			
2		ZQ01	Định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền	Là cửa khẩu biên giới đất liền được định hướng trong quy hoạch. - Quy hoạch vùng: Thể hiện cửa khẩu quốc tế. - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ.	ZQ01 Định Hướng Hệ Thống Cửa Khẩu Biên Giới Đất Liền	maDoiTuong	CharacterString	Bắt buộc	Mã đối tượng		GM_Point	GM_Point
						ten	CharacterString	Bắt buộc	Tên cửa khẩu biên giới đất liền			
						phanLoai	CharacterString	Bắt buộc	Phân loại cửa khẩu biên giới đất liền bao gồm: Cửa khẩu quốc tế Cửa khẩu chính Cửa khẩu phụ			
						loaiHinh	CharacterString	Có thể Null	Loại hình cửa khẩu biên giới đất liền bao gồm: Cửa khẩu đường bộ Cửa khẩu đường sắt Cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa			
						diaDiem	CharacterString	Có thể Null	Địa điểm dự kiến của cửa khẩu biên giới đất liền. - Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh. - Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp xã.			
						quocGiaTiepGiap	CharacterString	Có thể Null	Quốc gia tiếp giáp có cửa khẩu biên giới đất liền với Việt Nam bao gồm: Trung Quốc Lào Campuchia			
						loaiQuyHoach	CharacterString	Bắt buộc	Quy hoạch mới Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng Quy hoạch giữ nguyên			
						quyHoachBatDau	Date	Bắt buộc	Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt			
						quyHoachKetThuc	Date	Bắt buộc	Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch			
						nguồn	CharacterString	Có thể Null	Nguồn gốc dữ liệu			